

PHẦN TRUYỆN

Đề : Phân tích nhân vật Vũ Nương trong “chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ.

BÀI VIẾT THAM KHẢO:

Truyện kỳ mạn lục là một tác phẩm có giá trị của văn học cổ nước ta ở thế kỷ XVI, một tập truyện văn xuôi bằng chữ Hán đầu tiên ở Việt Nam. Truyện “Chuyện người con gái Nam Xương” là một truyện hay trong tác phẩm đó được trích trong Truyền kỳ mạn lục của Nguyễn Dữ.

Truyện kể về một người phụ nữ tên là Vũ Thị Thiết ở huyện Nam Xương, tỉnh Hà Nam. Vốn là một người vợ đoan chính, đảm đang. Nàng giữ lòng chung thủy, hầu hạ mẹ chồng, chăm sóc con thơ trong suốt thời gian chồng đi lính ở phương xa. Khi trở về, vì nghe lời ngây thơ của con trẻ, người chồng nghi ngờ nàng thất tiết nên đánh mắng đuổi đi. Không thể phân giải được oan tình, nàng trầm mình ở sông Hoàng Giang. Cảm động vì lòng trung thực của nàng, Linh Phi cứu nàng và cho ở lại Long Cung. Người chồng biết vợ bị oan nên rất hối hận, lập đàn giải oan cho nàng. Vũ Nương hiện lên, ẩn hiện trong chốc lát rồi biến mất.

Chuyện ca ngợi một người phụ nữ có phẩm chất, có tâm hồn sáng ngời như ngọc lại bị nỗi oan tày trời vì một chuyện ghen bóng gió của người chồng nông nổi. Cuối cùng nàng phải tìm đến cái chết để giải nỗi oan tình.

Tác giả đặt nhân vật Vũ Nương vào những hoàn cảnh khác nhau, qua đó bộc lộ những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ. Vũ Nương vốn là người con gái có tư dung tốt đẹp, tính tình thủy mị, nết na. Khi lấy chồng, nàng luôn giữ gìn khuôn phép, không để vợ chồng phải thất hoà dù Trương Sinh vốn có tính hay ghen. Khi chồng đi lính, Vũ Nương rót chén rượu đầy tiễn chồng. Lời của nàng thật xúc động, nói về niềm yêu thương, mong nhớ của mình đối với người chồng sẽ đi xa, rồi bày tỏ nỗi lo lắng trước những gian lao nguy hiểm mà người chồng sẽ trải qua, niềm mong ước được đoàn tụ ... làm mọi người trong buổi tiễn đưa đều ứa hai hàng lệ.

Chồng đi đánh giặc ngoài biên ải, nàng một lòng son sắt, thủy chung, “cách biệt ba năm, giữ gìn một tiết”, mong đợi chồng về trong cô đơn mòn mỏi “mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bể, chân trời không thể nào ngăn được”. Hơn nữa, nàng là một người con dâu hiếu kính, tận tụy chăm sóc khi mẹ chồng còn sống, chôn cất mẹ chồng khi mẹ qua đời (lo liệu như đối với mẹ đẻ mình).

Rồi đằng đẵng thời gian trôi qua, chồng ra lính trở về, cùng là lúc nàng bị nghi oan. Vũ Nương đã phân trần để chồng hiểu rõ tấm lòng mình: “Thiếp vốn con kẻ khó ... mong chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp”. Nàng đã nói đến thân phận mình, tình nghĩa vợ chồng và khẳng định lòng chung thủy, hết lòng tìm cách hàn gắn hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ bị tan vỡ. Dù họ hàng, làng xóm có bên vực và biện bạch, Trương Sinh vẫn không tin. Bất đắc dĩ Vũ Nương thống thiết: “Thiếp sợ đi nương tựa vào chàng ... đâu có thể lên núi vọng phu kia nữa!”. Đó là hạnh phúc gia đình, niềm khao khát của cả đời nàng giờ đây tan vỡ. Tình yêu không còn, cả nỗi đau khổ chờ chồng giờ đây hoá đá....

Tuyệt vọng vì phải gánh chịu nỗi oan khuất tày trời không phương giải bày, cứu chữa nàng đành mượn cái chết để chứng tỏ tiết hạnh trong sáng của mình. lời khẩn nguyện với thần linh vô cùng thảm thiết: “Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu Mĩ. Nhược bằng lòng chim, dạ cá, lừa dối chồng con, được xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ ...” lời khẩn nguyện đã làm cho người đọc xót xa - con người rơi cảnh ngộ bế tắc, không thể tiếp tục sống để tự giải oan tình mà phải tìm đến cái chết để thần linh chứng giám.

Sau một năm ở thủy cung, khi nghe kể chuyện nhà, nàng đã ứa nước mắt khóc, nghĩ đến câu “ngựa Hồ gầm giá Bắc, chim Việt đậu cành Nam” rồi hiện về trên dòng nước cho thỏa lòng nhớ chồng, con.

Qua những hoàn cảnh khác nhau của vũ Nương, với những lời tự thoại của nàng, truyện đã khẳng định những nét đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam - một người phụ nữ đẹp người, lại nết na, hiền thực, đảm đang, tháo vát, rất mực hiếu kính với mẹ chồng, giữ vẹn lòng chung thủy sắt son với chồng, hết lòng vun đắp hạnh phúc gia đình, lẽ ra phải được hạnh phúc trọn vẹn thế mà phải chết một cách oan uổng, đau đớn.

Cái chết của Vũ Nương có nhiều nguyên nhân sâu xa, bắt nguồn từ hiện thực nghiệt ngã của lễ giáo phong kiến của xã hội cũ, với chế độ “nam quyền”, coi rẻ thân phận của người phụ nữ, rồi tính đa nghi, ghen tuông của chồng, thói hung bạo, gia trưởng của chồng đã làm khổ đau bao cuộc đời những người phụ nữ.

Cuộc hôn nhân giữa Vũ Nương và Trương Sinh có phần không bình đẳng (thiếp vốn con nhà khó, được nương tựa nhà giàu). Xã hội phong kiến lại coi trọng “nam quyền”, hơn nữa Trương Sinh lại có tính đa nghi, đối với vợ thì phòng ngừa quá mức. Những chi tiết này chuẩn bị cho những hành động độc đoán của Trương Sinh sau này.

Khi đánh giấc trở về, Trương Sinh cũng mang một tâm trạng nặng nề: mẹ qua đời, con vừa học nói, lòng buồn bã. Trong hoàn cảnh như thế, lời của Bé Đản dễ kích động tính hay ghen của Trương Sinh: “trước đây, thường có một người đàn ông đêm nào cũng đến...”

Điều đáng trách là thái độ và hành động độc đoán của Trương Sinh khi ấy. Không đủ bình tĩnh để tìm hiểu vấn đề, chàng bỏ ngoài tai những lời phân trần của vợ, những lời bênh vực của họ hàng, làng xóm, không chịu nói ra duyên cớ ghen hờn. Cuối cùng, Sinh lại mắng nhiếc nàng và đánh đuổi nàng đi. Thái độ và hành động của Trương Sinh vô hình dung dẫn đến cái chết oan nghiệt của Vũ Nương.

Hành động gieo mình xuống sông Hoàng Giang của Vũ Nương phản ánh một thực trạng về thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Họ bị buộc chặt trong khuôn khổ khắt khe của lễ giáo, bị đòi xử bất công, bị áp bức và chịu nhiều khổ đau, bất hạnh. Đó cũng chính là giá trị tố cáo hiện thực của tác phẩm. Đằng sau nỗi oan của người thiếu phụ Nam Xương, còn bao nhiêu oan tình bất hạnh mà người phụ nữ ngày xưa phải gánh chịu: Nàng Kiều trong “Truyện Kiều” của Nguyễn Du, người cung nữ trong “cung oán ngâm khúc” của Nguyễn Gia Thiều, người phụ nữ lỡ duyên tình trong thơ Hồ Xuân Hương, .

Phải nhận thấy rõ rằng với truyện ngắn đầu tiên viết bằng chữ Hán, Nguyễn Dữ đã có những mặt thành công trong nghệ thuật xây dựng truyện, xây dựng những đoạn đối thoại. Cách kể chuyện hấp dẫn, xây dựng tình tiết, thắt nút và gỡ nút thật bất ngờ, đầy kịch tính, càng làm cho nỗi oan tình của nhân vật hiện ra với tất cả nét thâm khốc.

“Thắt nút” truyện bằng yếu tố bất ngờ. Một câu nói ngây thơ nghe như thật của trẻ thơ mà gây bão tố dây chuyền trong cuộc đời. Bão tố nghi kị trong một đầu óc nam quyền độc đoán, thiếu trí tuệ ; bão tố bất hoà dữ dội phá tan hạnh phúc của một gia đình êm ấm. Bão tố oan khiên phá nát cuộc đời của một người con gái trong trắng, phải kết thúc bi thảm trên một dòng sông.

“Gỡ nút” cũng bất ngờ bằng một câu nói trẻ thơ non dại (khi chỉ cái bóng của chàng Trương trên vách: “cha Đản lại đến kia kia”) thì bao nhiêu oan khiên gây thảm kịch trong phút chốc bỗng được sáng tỏ.

Truyện có những đoạn đối thoại và những lời tâm tình của nhân vật được sắp xếp đúng chỗ, làm cho câu chuyện trở nên sinh động, góp phần khắc hoạ diễn biến tâm lí và tính cách nhân vật ; lời nói của bà mẹ Trương Sinh nhân hậu, từng trải ; lời lẽ của Vũ Nương bao giờ cũng chân thành, dịu dàng, mềm mỏng, có lí, có tình - lời của người phụ nữ hiền thực, đoan chính ; lời của Bé Đản hồn nhiên, ngây thơ, thật thà.

Chuyện đáng lẽ có thể kết thúc ở đoạn “gỡ nút” truyện, chàng Trương Sinh tỉnh ngộ, thấu hiểu nỗi oan của Vũ Nương nhưng Nguyễn Dữ đã thêm phần Vũ Nương trở về dương thế, gặp chồng trong thoáng chốc. So với truyện cổ tích “Vợ chàng Trương”, Nguyễn Dữ đã tái tạo truyện kì từ cổ tích để nâng truyện lên những giá trị tư tưởng và thẩm mĩ mới. Điều đó, làm tăng thêm sức hấp dẫn của truyện và hoàn chỉnh tính cách nhân vật Vũ Nương, thoả mãn ước mơ của nhân dân là “ở hiền gặp lành”, người tốt sẽ được đền bù. Truyện kết thúc có hậu. Trong truyện, những yếu tố truyện kì tập trung ở phần sau của truyện như con rùa mai xanh được Phan Lang cứu, Vũ Nương được ở lại Thủy Cung, rồi hiện về với kiệu hoa rực rỡ trên sông... đó là những tình tiết kì ảo, không có thực nhưng đã tạo ra một thế giới nghệ thuật lung linh huyền ảo.

Số phận và cuộc đời thực vẫn là thực xưa nay. Yếu tố hoang đường truyện kì không thể cứu được cuộc đời Vũ Nương cũng như số phận bi thảm của nàng. Vũ Nương muốn sống lại mà không được sống; muốn trở về với chồng con và quê hương mà không thể trở về - Xã hội ấy không có chỗ cho những con người như Vũ Nương. Đó là tiếng nói tố cáo vô cùng mạnh mẽ và sâu sắc đối với những lễ lối của xã hội phong kiến.

Truyện “Người con gái Nam Xương” có giá trị hiện thực và ý nghĩa nhân đạo sâu sắc. Nghĩ về Vũ Nương và biết bao thân phận người phụ nữ khác trong xã hội phong kiến được phản ánh trong các tác phẩm văn học cổ, chúng ta càng thấy rõ giá trị cuộc sống của những người phụ nữ Việt Nam trong một xã hội tốt đẹp hôm nay. Họ đang vươn lên làm chủ cuộc đời, sống bình đẳng, hạnh phúc với chồng con và được đề cao nhân phẩm trong xã hội - xã hội của thời đại mới.

CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG

Nghĩ chuyện trên đời kì lạ thật. Chuyện tình duyên, sống chết, số phận của con người lại được định đoạt từ một câu chuyện đùa về một cái bóng. Ngày xưa, thân mẫu của Trịnh Trang Công trong Đông Chu liệt quốc đã gây ra bao chuyện phiền phức dẫn đến cảnh đầu rơi máu chảy chỉ vì bà ghét Trịnh Trang Công khi xưa sinh ngược khiến bà phải đau đớn. Chuyện đời vẫn thế, đó là chỗ éo le phức tạp trong đời sống tâm hồn con người. Chỗ kì bút của Nguyễn Dữ là đã bắt nắm được một tình huống éo le như vậy. Trong văn chương nước ta cũng như thế giới không hiếm những câu chuyện xen những yếu tố truyền kì. Nét riêng của Chuyện người con gái Nam Xương là hai yếu tố thực và truyền kì không đan xen vào nhau mà kết cấu thành hai phần. Phần truyền kì vừa làm cho câu chuyện thêm lung linh hư ảo, vừa góp phần làm rõ những yếu tố ở phần thực. Phần thực là cơ sở để xây dựng phần truyền kì (phần thực, tôi muốn nói thực của văn học). Bằng mối liên hệ giữa hai phần, nhà văn làm nổi bật tính cách nhân vật và thể hiện chủ đề của tác phẩm.

Người con gái Nam Xương Vũ Thị Thiết là nhân vật chính xuyên suốt hai phần của tác phẩm. Nguyễn Dữ không chú trọng việc miêu tả hình thức, chúng ta chỉ biết Vũ nương là người “có tư dung tốt đẹp”. Tính cách nhân vật được thể hiện qua hai mối quan hệ cơ bản là quan hệ với chồng và mẹ chồng. Mối quan hệ đó diễn ra ở những thời điểm khác nhau. Ở từng thời điểm ấy, nhân vật bộc lộ cá tính của mình. Mối quan hệ với Trương Sinh diễn ra trên bốn thời điểm: khi chồng ở nhà, khi chia tay, khi xa chồng và khi chồng trở về. Khi chung sống với nhau, biết Trương Sinh là người có tính đa nghi, hay ghen nên “nàng giữ gìn khuôn phép” cho gia đình hoà thuận. Khi tiễn chồng đi tòng quân, tính cách của Vũ nương được thể hiện ở lời đưa tiễn. Nàng nói với chồng: “Làng quân đi chuyên này, thiếp chẳng dám mong được đeo ấn hầu trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên”. Nàng nghĩ đến những khó nhọc, gian nguy của người chồng trước rồi mới nhận ra sự lẻ loi của mình. Từ cách nói đến nội dung của những câu nói hiện lên một Vũ nương dịu dàng, thiết tha với hạnh phúc, không hư danh, thương chồng và giàu lòng vị tha, một tâm hồn có văn hoá. Trong những ngày xa chồng, nàng nuôi con thơ, chăm sóc mẹ chồng như mẹ đẻ của mình. Ngòi bút Nguyễn Dữ tỏ ra già dặn, nhà văn đã để cho chính người mẹ chồng ấy nhận xét về tâm lòng hiếu thảo của nàng trước khi bà cụ qua đời: “Sau này trời giúp người lành ban cho phúc trạch, giống giòng tươi tốt... xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng nỡ phụ mẹ”. Trong con mắt của người mẹ chồng ấy, nàng là “người lành”. Đến khi người chồng đi chinh chiến trở về nghi oan cho nàng, Vũ nương tỏ bày không được thì tự vẫn, chứ không sống “chịu tiếng nhục nhơ”.

Khi thì cách xử thế, khi thông qua lời nói, khi hành động, khi thái độ hình ảnh Vũ Nương hiện lên là một người trong trắng thủy chung, giàu lòng vị tha, hiếu thảo nhưng cũng là một người phụ nữ khí khái, tự trọng. Đó là một tâm hồn đẹp, đẹp một cách có văn hoá. Dường như Nguyễn Dữ đã tập trung những nét đẹp điển hình của người phụ nữ Việt Nam vào hình tượng Vũ nương. Con người đẹp, thiết tha với hạnh phúc này phải chết - Đó chính là bi kịch về số phận con người. Vấn đề này biết bao nhà văn xưa nay từng trăn trở. Có lẽ đó cũng là bi kịch của muôn đời. Bởi vậy, vấn đề mà Chuyện người con gái Nam Xương đặt ra là vấn đề có tính khái, quát giàu ý nghĩa nhân văn. Phía sau tấn bi kịch của Vũ nương có một cuộc sống chinh chiến, loạn li, gây cách biệt, nhưng căn bản là người chồng mù quáng đa nghi, thiếu sáng suốt. Những kẻ như thế xưa nay từng gây ra bao nỗi oan trái, đổ vỡ trong đời. Đó cũng là một thứ sản phẩm hăng có trong xã hội con người. Cho nên vấn đề tưởng chừng rất riêng ấy lại là vấn đề điển hình của cuộc sống. Tất nhiên trong tấn bi kịch này có phần của Vũ nương. Nàng vừa là nạn nhân nhưng cũng là tác nhân. Bởi chính nàng đã lấy cái bóng làm cái hình, lấy cái hư làm cái thật. Ấu đó cũng là một bài học sâu sắc của muôn đời vậy.

Phần truyền kì trong câu chuyện là chuyện Vũ nương không chết, trở về sống trong Quy động của Nam Hải Long Vương... đó là cuộc sống đời đời. Nhà văn đã tạo ra một cuộc gặp gỡ kì thú giữa Phan Lang - một người dương thế - với Vũ Nương nơi động tiên. Cuộc gặp gỡ ấy đã làm sáng tỏ thêm những phẩm chất của Vũ nương. Khi Phan Lang nhắc đến chuyện nhà của tổ tiên thì Vũ nương “ưa nước mắt khóc”. Nàng quả thật là một con người thiện căn, thiết tha gắn bó với quê hương đời sống mà không được sống. Tính cách của nàng và bi kịch như được tô đậm khơi sâu một lần nữa. Nhưng dụng ý của nhà văn đưa phần truyền kì vào câu chuyện không chỉ có thế. Nguyễn Dữ muốn khẳng định một chân lí nghệ thuật: cái Đẹp là bất tử. Vũ nương không sống được ở cõi đời thì sẽ sống vĩnh hằng ở cõi tiên, vì nàng là cái Đẹp.

Nói cho cùng, hiện thực của câu chuyện là hiện thực về tâm lòng của nhà văn trước những vấn đề của cuộc sống. Nhà văn đã đi sâu khai thác những vẻ đẹp và nỗi đau khổ xót xa phức tạp của tâm hồn con người, nhất là người phụ nữ trong xã hội đương thời như Vũ nương. Cũng qua đó, nhà văn khẳng định một chân lí nghệ

thuật phảng phất như trong các truyện cổ dân gian... Thánh Gióng về trời, An Dương Vương xuống biển... kì lạ mà cũng rất thực.

Đề bài 1: Giới thiệu về Nguyễn Du và tác phẩm truyện Kiều
Hướng dẫn

A-Mở bài

-Giới thiệu về Nguyễn Du và sự đóng góp của ông cho nền văn học nước nhà: Là nhà thơ xuất sắc của văn học trung đại cuối thế kỉ 18, thơ ông lên án XH bất công đương thời, đòi quyền sống cho con người, đặc biệt là người PN. Nói đến ông, người ta nghĩ tới tác phẩm truyện Kiều - đỉnh cao chói lọi của thi ca VN.

B-Thân bài

*Giới thiệu về tác giả:

-Tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên (1765 – 1820), quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

-Thân thế: xuất thân trong 1 gia đình quý tộc, nhiều đời làm quan, có truyền thống văn chương.

-Thời đại: Nguyễn Du gắn liền với thời đại đầy biến động, XHPK vào thời kì khủng hoảng trầm trọng, giai cấp PK thối nát, các phe phái trong nước tranh giành quyền lực, đối ngoại thì thần phục ngoại bang. Đời sống nhân dân khổ cực, nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Huệ. Từ những biến động lịch sử đó, nó đã tác động đến tâm hồn và tư tưởng của Ndu.

-Cuộc đời và sự nghiệp: Có năng khiếu bẩm sinh.

+ Bản thân mồ côi sớm (9 tuổi cha mất, 12 tuổi mẹ mất). Ông sống phiêu bạt nhiều năm, lúc ở Thăng Long, lúc lại ở quê nội ở Hà Tĩnh, lúc lại về quê ngoại ở Bắc Ninh.

+ Sống trong XH có nhiều biến động nên ông có nhiều tâm trạng: trung thành với nhà Lê, chống quân Tây sơn, sau này làm quan triều Nguyễn nhưng với tâm trạng rứt rứt, u uất..

+ Sự nghiệp: Nguyễn Du có nhiều sáng tạo lớn cả về chữ Hán và chữ Nôm

a-Về chữ Hán:

-Có: Thanh Hiên thi tập, Bắc hành tạp lục, Nam trung tạp ngâm...

b-Về chữ Nôm: tiêu biểu là tác phẩm Truyện Kiều.

=>Từ quê hương, xã hội, gia đình, cuộc đời, năng khiếu bẩm sinh, đã tạo cho Ndu có trái tim yêu thương vĩ đại, một thiên tài văn chương. Khi nhận xét về ông, nhà văn Mộng Liên Đường (TQ) đã viết “ Ông là người có con mắt trông thấu 6 cõi và tấm lòng nghĩ tới nghìn đời. Ông viết truyện Kiều như có máu rỏ đầu ngọn bút, nước mắt thấm qua giấy...”

*Thuyết minh tác phẩm

-Xuất xứ: ra đời đầu thế kỉ 19 (khoảng từ 1805 – 1809), lúc đầu có tên là “ Đoạn trường tân thanh” (Tiếng kêu mới đứt ruột), sau này đổi thành “ Truyện Kiều”. Tác phẩm viết dựa trên cuốn tiểu thuyết “ Kim Vân Kiều truyện” của Thanh Tâm tài Nhân (TQ) như đã có sự sáng tạo tài tình.

-Thể loại: Truyện được viết bằng thơ lục bát, chữ Nôm dài 3254 câu, chia làm 3 phần (Gặp gỡ và đính ước; Gia biến và lưu lạc; Đoàn tụ).

-Đề tài: Viết về cuộc đời Kiều nhưng thông qua đó tố cáo XHPK lúc bấy giờ đã chà đạp, xô đẩy người phụ nữ vào bước đường cùng; đồng thời ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của thuy Kiều và của người PN.

-Phương thức: TS + MT + BC

-Giá trị nội dung:

Là một bức tranh hiện thực về một XH bất công, tàn bạo, Xh vì đồng tiền, con người là nạn nhân của đồng tiền.

-Giá trị nhân đạo:

+ Đề cao tình yêu tự do và công lí, ca ngợi phẩm chất cao đẹp của con người, đặc biệt là người phụ nữ.

+ Lên án thế lực tàn bạo đã chà đạp lên quyền sống của con người.

-Giá trị nghệ thuật:

+ Truyện Kiều là một kiệt tác nghệ thuật, với bút pháp của một nghệ sĩ thiên tài. Thành công của truyện Kiều trên tất cả các phương diện, đặc biệt là nghệ thuật xây dựng nhân vật, tả cảnh ngụ tình.

+ Là tập đại thành của ngôn ngữ dân tộc.

C-Kết luận:

-Nguyễn Du và truyện Kiều sẽ sống mãi với dân tộc và trở thành linh hồn của dân tộc.

Đề : Phân tích nghệ thuật tả người của Nguyễn Du qua đoạn trích “ Chị em Thuý Kiều”

A-Mở bài

-Giới thiệu về tác phẩm: Truyện Kiều là một tác phẩm đặc sắc của thi hào Nguyễn Du. Tác phẩm này thành công bởi đã sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật độc đáo như nghệ thuật tả tâm trạng, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình...

-Giới thiệu đoạn trích: đoạn trích tiêu biểu cho nghệ thuật tả người.

B-Thân bài

*Giới thiệu vị trí đại ý đoạn trích: Nằm ở phần đầu của truyện. Tác giả tập trung miêu tả bức chân dung tuyệt mỹ của 2 chị em Kiều.

*Phân tích nghệ thuật tả người:

a-Bốn câu đầu: Giới thiệu về đẹp chung cho cả 2 chị em

+ Ngay từ đầu, tác giả đã giới thiệu một cách ngắn gọn, giản dị nhưng hết sức ấn tượng về 2 người con gái họ Vương. Cách dùng từ “ Tổ nga” đã nêu lên được vẻ đẹp đó: so sánh vẻ đẹp của họ như tiên nữ Hằng Nga. Với nghệ thuật ẩn dụ ước lệ, ND cho người đọc cảm nhận một vẻ đẹp ấn tượng, thu hút lòng người. Người chưa bước ra mà cái đẹp đã lộ lộ.

+ “ Mai cốt cách/tuyệt tinh thần” (ẩn dụ ước lệ, nhịp thơ 3/3) -> tác giả đã vẽ ra 2 chị em như 2 vầng trăng sáng dịu mát: hình hài thanh tú như cây mai, tâm hồn toả rạng sáng trong như tuyết. Với cách ngắt nhịp, ND cho người đọc cảm nhận một vẻ đẹp cân đối, hài hoà từ dung nhan đến tâm hồn.

+ Cả 2 người con gái đều hoàn mỹ “ mười phần vẹn mười” nhưng ở mỗi người lại có “ mỗi người một vẻ”, tức là có những nét riêng khác nhau.

=>Đây là cái nhìn đầy trân trọng của tác giả: lấy thiên nhiên làm chuẩn mực cho cái đẹp của con người -> Hãy nâng niu, bảo vệ vẻ đẹp của con người, đặc biệt là người phụ nữ.

b-Vẻ đẹp của Thúy Vân: Là vẻ đẹp đoan trang, phúc hậu -> gọi vẻ đẹp quý phái, dễ gần. Vẻ đẹp này được thể hiện qua các hình ảnh: gương mặt, nét ngài, làn da, mái tóc, giọng nói, nụ cười...

+ “ Khuôn trăng”: khuôn mặt rạng rỡ, thắm tươi, phúc hậu, đoan trang, đẹp như trăng rằm.

+ “ Nét ngài nở nang”: lông mày đẹp, rõ nét, sắc. Có ý kiến cho rằng: “ Nét ngài” nghĩa là “nét người”: tròn trĩnh, đầy sức sống.

+ Hoa cười: cười tươi như hoa

+ Ngọc thốt: tiếng nói thốt ra như ngọc ngà, châu báu..

-> Bằng tất cả các hình ảnh ẩn dụ ước lệ, ND tả TV cụ thể, chi tiết. Có bao nhiêu cái đẹp trong tạo vật, thiên nhiên, đều được ND dùng để tả nàng.

+ Vẻ đẹp của TV khiến cho “ Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da” (nhân hoá , nói quá) để khẳng định vẻ đẹp tuyệt vời của nàng. Hai từ “ thua, nhường” biểu hiện sự chấp nhận, hài lòng của tạo hoá. Sắc đẹp của nàng sánh ngang với những nét kiêu diễm, sáng trong của hoa lá, ngọc vàng, mây, tuyết...Những báu vật tinh khôi của đất trời.

=>Với cách dùng từ “ nở nang, thua, nhường” dự báo cuộc đời TV là 1 cuộc đời tròn trịa, bằng phẳng, ấm êm, không có bão tố.

c- 8 câu tiếp: tả vẻ đẹp của Thúy Kiều

-Tác giả tả TK sau TV là 1 dụng ý nghệ thuật. Người đọc sẽ nghĩ rằng không còn ai trên đời này có thể đẹp hơn TV. Thế mà khi TK xuất hiện thì “ Hoa ghen, liễu hờn”, tác giả dùng phương pháp đòn bẩy để hoàn chỉnh bức chân dung của Kiều, khẳng định vẻ đẹp sắc sảo mặn mà của nàng. Từ “ cang” biểu hiện sự tăng tiến và nhấn mạnh: Kiều mang một vẻ đẹp có hồn mà vẻ đẹp đó TV không có.

-Tác giả tả TV tỉ mỉ, chi tiết nhưng chỉ tả trong 4 câu, tả TK khái quát song phải cần đến 8 câu -> TK thực sự có vẻ đẹp nổi trội.

-Tả TK tác giả chỉ tập trung tả đôi mắt – cửa sổ tâm hồn. Từ chiếc cửa sổ ấy, người đọc có thể cảm nhận được: tài, trí, nhan sắc, tình cảm của nàng...

-“ Làn thu thủy, nét xuân sơn” (ẩn dụ ước lệ): đôi mắt trong như hồ nước mùa thu, lông mày tươi mát, thanh tú như dáng núi mùa xuân. Hình ảnh này gọi vẻ đẹp tổng thể từ dung nhan đến tâm hồn của Kiều đang ở độ trong veo, tràn đầy sức sống. Vẻ đẹp đó được so sánh với thời gian, không gian, với non, nước sâu thẳm, rộng dài, không gì đo đếm được.

-Vẻ đẹp của Kiều là vẻ đẹp khác thường, vì vẻ đẹp đó có thể thu phục được lòng người “ nghiêng nước, nghiêng thành”, vẻ đẹp đó khiến thiên nhiên phải ghen ghét, đố kỵ “ Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh” -> Dự báo một cuộc đời trầm luân, bể ái, đầy giông tố.

-Kiều không chỉ đẹp mà còn rất tài

Thông minh vốn sẵn tính trời

.....
Một thiên bạc mệnh lại càng nảo nhân

+ Tác giả dùng một loạt động từ, tính từ chỉ mức độ tuyệt đối “ vốn sẵn, đủ mùi, ăn đứt”, chỉ sự tuyệt đối của Kiều ở tất cả các lĩnh vực : cầm, kì, thi, hoạ. Nhưng đặc biệt khi tả tài năng của nàng, tác giả chỉ chú trọng tả tiếng đàn. Tiếng đàn cho ta thấy Kiều là một con người giàu cảm xúc, có đời sống nội tâm sâu sắc, tiếng đàn thể hiện vẻ đẹp tâm hồn, tài hoa hơn người nhưng cũng dự báo số phận của nàng.

=> Chỉ qua vài câu thơ, tác giả cho người đọc hiểu được vẻ đẹp và số phận của người phụ nữ trong XHPK.

C-Kết bài

- Đoạn trích thực sự tiêu biểu cho nghệ thuật tả người của ND.

- Đoạn thơ bộc lộ tấm lòng, đề cao và trân trọng vẻ đẹp của con người.

Đề : Phân tích nghệ thuật tả cảnh của Nguyễn Du qua đoạn trích Cảnh ngày xuân

A-Mở bài

-Giới thiệu vị trí và khái quát nghệ thuật của đoạn trích: Sau bước chân của giai nhân tuyệt thế là cảnh ngày xuân của trai tài, gái sắc, của chị em TK. Đoạn trích gồm 18 câu thơ, tiêu biểu cho nghệ thuật tả cảnh, tả tình của đại thi hào ND.

-Đọc đoạn trích cảm nhận được vẻ đẹp thanh xuân, một niềm vui xôn xao, rạo rực.

B-Thân bài

-Nguyễn Du có nghệ thuật tả cảnh tuyệt vời: nhìn cảnh hiểu tình, qua tình hiểu cảnh -> Cảnh tình hoà quyện vào nhau. Cảnh ngày xuân là đoạn trích tiêu biểu cho nghệ thuật đó: người vui cảnh vui; cảnh vui thì người vui.

*4 câu đầu: Tả khung cảnh ngày xuân

+ Mở ra một không gian nghệ thuật hữu sắc, hữu hương, hữu tình và nên thơ

Ngày xuân con én đưa thoi

.....
Cảnh lê trắng điểm một vài bông hoa.

.) Giữa bầu trời bao la mênh mông là những cánh én mùa xuân bay qua bay lại. hai chữ “ đưa thoi” vừa gợi hình, vừa gợi cảm. tác giả sử dụng nghệ thuật nhân hoá ẩn dụ: Cánh én như con thoi vút qua vút lại, biểu thị thời gian trôi qua nhanh, mùa xuân cũng đang lùi vào quá khứ. Hình ảnh này còn mang một ý nghĩa khác: Khung cảnh ngày xuân cũng như nam thanh nữ tú, thì mùa xuân còn có nghĩa là tuổi trẻ. Mùa xuân trôi qua nhanh cũng có nghĩa là tuổi trẻ trôi đi rất nhanh. Mùa xuân và tuổi trẻ là cơ hội chỉ có một lần -> Biểu hiện sự tiếc nuối của con người trong cuộc, nuối tiếc ra đi của mùa xuân.

.) Sau hình ảnh con én đưa thoi là ánh xuân, là “ thiều quang”. Đây là cách tính thời gian độc đáo của nhà thơ. Mùa xuân có 90 ngày mà đã qua hết 60 ngày xuân. Như vậy, xuân đang ở độ chín nhất, ngọt ngào nhất, viên mãn nhất. Cách dùng “ thiều quang” gợi lên cái màu hồng của mùa xuân, cái ấm áp của khí xuân, cái bao la mênh mông của đất trời -> 2 câu thơ mới chỉ làm nhiệm vụ dọn đường, làm nền cho bức tranh mùa xuân xuất hiện.

.) “ Cỏ non...bông hoa”, đây là 2 câu thơ miêu tả tuyệt bút của ND khi tả cảnh mùa xuân . Nó gợi ra sắc xuân, hương của mùa xuân, không gian mxuân, gợi ra cái vô cùng của tạo vật. Bức tranh này được thể hiện bằng bút pháp chấm phá (chỉ dựa vào ít sự vật mà thể hiện được nhiều cảm xúc): Bức tranh mxuân gợi tả được một không gian rộng lớn, màu xanh non trải tít tắp tận chân trời. đặc biệt nhà thơ dùng từ “ non” để đặc tả vẻ đẹp của mùa xuân. Từ “ non” làm định ngữ cho từ “ cỏ” -> gợi sự sống tràn đầy, mơn mơn, ngọt ngào của mùa xuân. Từ “ non” còn làm đẹp thêm cho từ “ xanh” -> gợi sự óng ả, non tơ của màu xanh, của mùa xuân

.) Trên nền trời xanh mượt, điểm xuyết một vài bông hoa lê trắng -> Màu sắc hài hoà, nhẹ nhàng, thanh tao nhưng rất tươi thắm. ở đây tác giả dùng nghệ thuật đảo ngữ “ trắng điểm” để mang cái hồn cho mùa xuân.

=> Chỉ có 2 câu thơ mà ND đã gợi cho người đọc 1 bức tranh mùa xuân: thanh bình, êm ả, tinh khiết và tràn đầy sức sống.

* 8 câu tiếp theo: Tả cảnh lễ hội mùa xuân

-Điệp ngữ “ là “ -> gợi lên những lễ hội dân gian cứ liên tiếp diễn ra từ bao đời nay.

-Cảnh lễ hội hiện lên đông vui, náo nhiệt.

+ Tác giả đã dùng các từ ngữ “ dập diu, nô nức” kết hợp với nghệ thuật so sánh “ như nước, như nê” -> gợi 1 không khí vui tươi của những người đi chơi xuân. Dường như họ mang cả niềm vui của mùa xuân, của đất trời

vào niềm vui của mình -> Hình ảnh này thể hiện được truyền thống “ uống nước, nhớ nguồn” của dân tộc ta. + Bằng một loạt các danh từ “ yến anh, tài tử, giai nhân...” -> Vẻ đẹp của lễ hội trong tiết thanh minh, vẻ đẹp này vừa mang cái chung, vừa mang cái riêng, cái đẹp của tuổi trẻ, tuổi trẻ đã biết hướng về nguồn cội.

+ Bằng 1 đoạn thơ ngắn, ND đã thông tin về một sinh hoạt thông thường. Trong tiết thanh minh có hồi ức, tưởng niệm về quá khứ (lễ là tảo mộ), cũng có khát vọng và ước mơ nhìn về phía trước của cuộc đời (hội là đạp thanh), kết nối những sợi tơ hồng mai sau. Chị em Kiều đi du xuân cũng chính là thực hiện một vẻ đẹp trong đời sống tâm linh.

+ “ Ngổn ngang....bay” -> gọi lên một phong tục dân gian, người ta rắc thoi vàng, đốt tiền giấy để tưởng nhớ những người đã khuất -> ẩn chứa một nỗi buồn kín đáo. Cõi âm và cõi dương đồng hiện lên, người sống và người khuất, quá khứ và hiện tại hoà lẫn vào nhau. Hành động đó biểu hiện cái tâm thánh thiện của con người.

=>ND là người có cái nhìn sâu sắc, có cảm nhận tinh tế về phong tục và sinh hoạt của người dân : khi mùa xuân về, con người không chỉ cầu nguyện cho những linh hồn đã khuất mà còn gửi gắm bao niềm tin và ước mơ.

*6 câu cuối: Tả cảnh du xuân trở về của chị em Kiều.

-Cách chuyển cảnh rất tài tình: Nhịp thơ chậm rãi, hình ảnh thơ cũng thay đổi: nắng nhạt, khe nước nhỏ, mọi chuyển động cũng nhẹ nhàng (mặt trời thì “ tà tà”; dòng nước “ nao nao”; chị em “ thơ thẩn” -> Cảnh trở nên vắng lặng, không gian êm đềm, nhịp sống như ngừng trôi.

-Con người trước cảnh vật: tác giả dùng một số từ láy “ nao nao, thơ thẩn..” -> Bâng khuâng, xao xuyến, nuối tiếc trước cảnh lễ hội của mùa xuân đã tàn. Nhưng đọc đoạn thơ này, ND đã dự cảm cho nàng Kiều . Hình ảnh “ Dịp cầu...ngang” báo hiệu sự thay đổi cho cuộc đời của Kiều: Từ nay Kiều sẽ chấm dứt cuộc sống “ Êm đềm.....che”. Cảnh trong những câu cuối dự báo 15 năm đoạn trường .

C-Kết luận

-Đoạn thơ có nghệ thuật tả cảnh thiên nhiên độc đáo.

-Bức tranh thể hiện tâm hồn , rung cảm của con người một cách nhẹ nhàng.

Đề : Hãy phân tích đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” để thấy rằng: Nguyễn Du đã xây dựng nên một bức tranh tâm tình đầy xúc động.

Sau khi tự nguyện bán mình để cứu cha, Kiều không ngờ phải rơi vào một tên cò mồi Mã Giám Sinh và mụ chủ lầu xanh Tú Bà. Biết chưa ép được Kiều tiếp khách làng chơi, Tú Bà bèn đưa Kiều ra ở lầu Ngưng Bích. Thực ra, đây cũng chỉ là khoảnh khắc tạm thời yên thân để rồi sau đó, đời nàng bị xô đẩy đi giữa bao mưu mô độc ác của mụ Tú Bà mà nàng chưa lường hết được. Đoạn thơ trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” đúng là một bức tranh tâm tình đầy xúc động. Nguyễn Du đã đặt nhân vật Thuý kiều vào cảnh ngộ ấy để cho Kiều tự bộc lộ tâm trạng của mình.

Trong giờ phút mà bên ngoài tưởng như yên tĩnh này thì chính trong lòng nàng Kiều đang ngổn ngang, tâm tối. Tất cả những gì xảy ra trước đó lại được tái hiện, để rồi chỉ còn lại cảm giác đau buồn, nhớ thương vô hạn xoáy sâu vào tâm can nàng.

Ngồi trên lầu cao, nhìn phía trước là núi non trùng điệp, ngẩng lên phía trên là vầng trăng như sắp chạm đầu, nhìn xuống phía dưới là những đoạn cát vàng trải dài vô tận, lác đác như “bụi hồng” nhỏ bé.

Cả một không gian mênh mông, hoang vắng không một bóng người, không một tiếng chim, càng tô đậm thêm cuộc sống cô đơn, lẻ loi của nàng lúc này:

“Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân

Vẻ non xa, tấm trăng gần ở chung

Bốn bề bát ngát xa trông

Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia”

Nàng cảm thấy buồn tủi, chán chường, cảnh thế nào lòng mình thế ấy: “Trông trái, đơn côi”:

“Bẽ bàng mây sớm đèn khuya

Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”

Nàng tự đối thoại với lòng mình, biết tâm sự cùng ai nữa.

Trước hết, nàng nhớ tới Kim Trọng, nhớ đến những lời thề nguyện dưới ánh trăng vằng vặc, nàng hình dung được nỗi sầu muộn, chờ mong của chàng và tự hứa với lòng mình giữ trọn mối tình chung thủy.

Có lẽ lúc này, nàng thương chàng Kim vô hạn, bởi trước lúc chia li không nói với nhau được một lời, nỗi oan gia quá ư đột ngột:

“Tưởng người dưới nguyệt chén đồng

Tinh sương luống những rày trông mai chờ

Bên trời góc bể bơ vơ

Tấm son gột rửa bao giờ cho phai”

Với cha mẹ cũng vậy, mặc dầu nàng đã “liều đem tác cô, quyết đèn ba xuân”, cứu được cha, em thoát khỏi vòng tù tội, nhưng lúc này nàng vẫn cảm thấy xót xa, cảm thấy chưa xứng là phận làm con. Bởi lúc cha mẹ già yếu, mình không được chăm sóc, không được hầu hạ:

“Xót người tựa của hôm mai

Quạt nồng ẩm lạnh những ai đó giờ?

Sân Lai cách mấy nắng mưa

Có khi gốc tử đã vừa người ôm”

Buồn biết bao khi phải dấn thân vào nơi vô định. Buồn biết bao khi phải mãi mãi xa cách người yêu. Buồn biết bao khi có cha, mẹ mà không được phụng dưỡng sớm hôm. Nỗi buồn đó đang thức dậy trong lòng Thuý Kiều “Xuân xanh đang tuổi đến tuần cập kê”-một cô thiếu nữ sắc, tài vẹn toàn, vốn đa tình, đa cảm. Một nỗi buồn mênh mông như đè nặng, bao quang lấy nàng.

Nhìn vào đầu nàng cũng thấy buồn, cảnh vật dù có đổi thay nhưng nỗi buồn của nàng thì như cố định. Nàng cảm nhận được những gì sẽ đến với mình, đối với người con gái họ Vương tài-sắc này như một định mệnh không sao thoát được!

Từ tâm trạng nhớ người yêu, nhớ cha mẹ, nhưng cuối cùng nàng Kiều lại quay về với chính cảnh ngộ của mình, sống với tâm trạng và thân phận hiện tại của chính mình.

Mỗi một cảnh vật qua con mắt, cái nhìn của Kiều gợi lên trong tâm trí của nàng một nét buồn. Và Kiều mỗi lúc lại càng chìm sâu vào nỗi buồn của mình. Nỗi buồn sâu sắc của Thuý Kiều được ngòi bút bậc thầy-Nguyễn Du mỗi lúc lại càng tô đậm thêm bằng cách dùng điệp ngữ liên hoàn rất độc đáo “Buồn trông”

...”Buồn trông cửa bể chiều hôm”

...”Buồn trông ngọn nước mới sa”

...”Buồn trông nội cỏ rầu rầu”

...”Buồn trông gió cuốn mặt duềnh”

Từng cảnh vật dưới con mắt của Kiều đều nhuốm một nỗi buồn khó tả, cũng có trời nước, nhưng mây trời thì nhàn nhạt, dòng nước thì mãi miết cuốn trôi những cành hoa rơi. Cùng với gió, sóng nhưng là “gió cuốn”, “sóng xô”....giữa cái mênh mông của biển trời, lại vào lúc hoàng hôn buông xuống, nàng chỉ đủ sức để nhận ra một con thuyền, một cách buồn thấp thoáng phía xa “Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa”.

Mỗi cảnh vật như gợi một nỗi buồn riêng trong mỗi dây liên tưởng với tâm trạng buồn chán về cuộc đời, về số phận của mình.

Nếu như “Thuyền ai thấp thoáng” làm nàng chạnh nghĩ đến cuộc đời trôi nổi, bấp bênh thì cảnh “nước chảy hoa trôi” lại gợi đến cảnh đời lưu lạc-một cuộc sống vô định, không còn phương hướng “biết là về đâu”. Đến cái hướng cuối cùng thì nỗi buồn hầu như đã dâng lên tới đỉnh:

“Buồn trông gió cuốn mặt duềnh

Âm âm tiếng sóng kêu quang ghê ngoi”

Tiếng sấm âm âm, dữ dội vây khắp bốn phía như muốn cuốn đi cái thân phận bé nhỏ bất cứ lúc nào. Ta tưởng nàng có thể ngất lịm đi trong âm thanh khủng khiếp đó.

Phải chăng như Nguyễn Du đã viết: “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”. Qua điệp khúc “Buồn trông....” của Kiều, ta cảm nhận được nỗi đau đớn mà nàng phải trải qua trong suốt quãng đời 15 năm lưu lạc, có lửa nồng, có “Thanh y hai lượt, thanh lâu hai lần”-“Cười ra tiếng khóc -khóc trên trận cười”.

Trong đoạn thơ này, chúng ta nhận ra được một đặc điểm trong bút pháp Nguyễn Du: cảnh và tình bao giờ cũng hoà hợp, tả cảnh là để tả tình, trong tả cảnh đã có tả tình. Truyện Kiều có hơn ba ngàn câu (3254 câu). Đoạn trích ở trên chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong kiệt tác đó. Nhưng đây là đoạn thơ được nhiều người biết đến và quý trọng nhất, vì cái tài lớn của nhà thơ, nhưng trước hết là vì cái tình lớn của nhà thơ đối với nhân vật, đối với con người, đối với cuộc đời.

Đề : Cảm nhận của em về tám câu thơ cuối của đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”

Kiều bị cầm cung ở lầu Ngưng Bích, nhưng thực chất là bị Tú Bà giam lỏng ở đây, dùng “Muru ma chúóc quỷ” lừa gạt nàng, để buộc nàng phải ra tiếp khách ở lầu xanh. Sau lưng nàng là những tai biến, đau đớn, nhục nhã, ê chề: gia đình bị mắc oan, phải trao duyên cho Thúy Vân, bị Mã Giám Sinh giả danh cưới về làm lẽ và bị gã lừa gạt, bị Tú Bà xi nhục và dờ dẫm đánh đập để ra uy. Từ tâm trạng của mình, nhìn cảnh vật bên ngoài, do đó, những ghi nhận về cảnh là những ghi nhận về tình. Vì mối quan hệ tình cảnh đó, người đọc càng hiểu sâu sắc tâm trạng của Thúy Kiều trong đoạn trích này:

“Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Âm ầm tiếng sóng vây quanh ghế ngồi”.

Kiều quyết định tự vẫn. Lo ngại vì vốn liếng có thể “thất thoát”...Tú Bà dùng thủ đoạn khuyên nhủ, dỗ dành và hứa sẽ tìm một nơi xứng đáng cho nàng về sau, Tú Bà đưa Kiều về lầu Ngưng Bích.

Sau những đau đớn ê chề, trong lẻ loi, Kiều ngóng đợi tin tức người tình “Tuồng người dưới nguyệt chén đồng-tình sương ...trông mai chờ”. Nàng nghĩ về cha mẹ tuổi già bóng xế “Xót thương-quạt nồngđó giờ?”

Chính trong tâm trạng ngổn ngang nhiều nỗi đó, Kiều nhìn ra cái mệnh mông của biển cả. Từ trong cảnh soi vào lòng mình hiện tại, Kiều gặp lại lòng mình:

“Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?”

Giữa cái mệnh mông của trời biển, trong màu xanh xám xám của ban chiều, có những cánh buồm lúc ẩn lúc hiện: chiếc thuyền ra khơi, chiếc thuyền hướng về đất liền. Từ nội tâm đang đau khổ, Kiều như nhìn nhận “từ trong ai đó”, “Trong những chiếc thuyền từ biển khơi”, trong tầm mắt xa khơi của cảnh và con người. Đang trông vọng một nỗi hội tụ mà sao lại cách biệt, chia li làm vậy?

Lời thơ bình dị, những gì gọi lên trong âm hưởng của câu thơ - là nỗi khắc khoải, xoáy sâu vào lòng Kiều:

“Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?”

Trông ngọn nước đang cuộn cuộn chảy, nhiều cánh hoa trôi dạt. Có thật là cánh hoa chăng? Người đọc cảm nhận được trong dòng nước đang cuộn cuộn chảy kia “nhiều cánh hoa trôi dạt”. Cũng có thể là cánh hoa, cũng có thể là dòng nước cuộn cuộn thiếu gì những bọt bèo trôi nổi. Trong cái mệnh mông vô định, cái cảnh “nước chảy, hoa trôi lỡ làng” ấy gắn hợp với thân phận con người bị ném vào cảnh sống đầy biến động, đầy bất công và bạc ác - thân phận Thúy Kiều, chúng ta mới hiểu được tâm trạng của nàng Kiều trong lúc này.

Lời thơ rất giản dị và hình ảnh ẩn dụ sắc sảo về cuộc đời- cuộc đời người đàn bà (như người đời thường quan niệm “đời hoa”)

Nhiều lần Kiều cũng tự ví mình “Hoa trôi, bèo dạt đã đành. Biết duyên mình, biết phận mình thế thôi” Buồn bã, Kiều lại nhìn vào đồng nội:

Buồn trông nội cỏ dầu dầu
Chân mây, mặt đất một màu xanh xanh.

Màu mây, màu cỏ nhạt hoà vào với nhau thành một màu “xanh xanh” khó phân biệt. Mà làm sao phân biệt được “màu trời, sắc mây” trong cảnh chiều tà, giữa cái mệnh mông, bát ngát trong lúc tâm hồn còn ngổn ngang như thế. Và cuối cùng:

“Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Âm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”

Trong câu thơ, đọc lên, ta nghe có “tiếng gió” và “tiếng sóng biển” đang “âm ầm” kêu quanh ... nàng Kiều như đang ở trong tâm trạng lo lắng, hoảng sợ tưởng như không ngồi trên đất liền nữa mà như đang ngồi giữa biển khơi, bốn phía “âm ầm tiếng sóng”. Tiếng sóng ở đây, trong câu thơ không phải là âm thanh của tiếng sóng bình thường: sóng vỗ, sóng xô, sóng dào dạt, ... mà “tiếng sóng kêu” âm ầm tứ phía, ngầm dự báo cơn sóng gió, bão táp của cuộc đời thật dữ dội sẽ ập đến với Thúy Kiều, với đoạn trường mười lăm năm lưu lạc đang chờ đợi nàng.

Đoạn thơ này hay không những vì đã khái quát được tâm trạng của nàng Kiều khi ở lầu Ngưng Bích mà còn mở ra những điều dự báo về sau của cuộc đời Kiều.

Những dự báo mơ hồ của tâm linh không lâu đã đến với Kiều. Tám câu thơ cuối của đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” càng khẳng định ngòi bút tài hoa của Nguyễn Du trong bút pháp tả cảnh, tả nội tâm nhân vật tài tình, gợi cảm, để lại ấn tượng sâu lắng trong lòng người đọc xưa và nay, thấm đẫm tinh thần nhân đạo sâu sắc.

LÀNG – KIM LÂN.

Đề : Tình yêu làng, yêu nước của nhân vật ông Hai rất cảm động. Hãy chứng minh qua đoạn trích “Làng” – Kim Lân (SGK ngữ văn 9 tập 1).

Bài làm:

Kim Lân tên khai sinh là Nguyễn Văn Tài, quê ở huyện Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh. Một nhà văn có biệt tài về truyện ngắn. Cả cuộc đời cầm bút của mình nhà văn tài năng này hầu như chỉ viết về nông dân và nông thôn. Trước cách mạng Kim Lân khắc hoạ hình ảnh người nông dân dù đói khổ, khốn cùng nhưng vẫn lấp lánh những phẩm chất đáng yêu đáng quý - Anh cu Chàng trong “Vợ nhặt” chẳng hạn. Sau cách mạng, vẫn hướng vào đề tài người nông dân với những cuộc sống của những ngày đất nước vừa giành chính quyền, những năm tháng gian lao kháng chiến chống TDP đồng thời nhà văn còn đi sâu khai thác đời sống tinh thần cũng như sự trưởng thành trong nhận thức của họ về cách mạng, về kháng chiến thật cảm động. Năm 1948 Kim Lân cho ra mắt bạn đọc tác phẩm “Làng” in lần đầu trên tạp chí Văn nghệ- Một tác phẩm thành công viết về đề tài người nông dân “nhưng là người nông dân trong thời đại cách mạng và kháng chiến mà tình yêu làng quê đã hoà nhập trong lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến.” (Nguyễn Văn Long) được nhà văn thể hiện rất cảm động.

Cái làng có một vị trí vô cùng quan trọng trong đời sống vật chất cũng như đời sống tinh thần của người dân quê. Vì thế từ bao đời nay tình yêu làng đã trở thành tình cảm sâu nặng và tự nhiên thấm sâu vào tiềm thức tâm linh mỗi người. Ông Hai cũng không phải là ngoại lệ. Có điều ở nhân vật này tình yêu làng thật đặc biệt nó đã trở thành máu thịt, trở thành niềm say mê. Ngay từ trước cách mạng ông đã rất yêu cái làng của mình, vì thế mỗi bận đi đâu xa ông lại khoe tất cả những vẻ đẹp trù phú, giàu có của làng... Có thấy được tình yêu làng sâu sắc của ông Hai như vậy mới hiểu được tâm trạng của ông Hai trong hoàn cảnh phải rời làng đi tản cư: Ông luôn nhớ về làng, luôn quan tâm đến tình hình chiến sự để mau chóng được trở về làng.

Nhưng rồi tình yêu làng của ông bị một phen thử thách. Ông Hai nhận được tin làng ông theo giặc lập tề. Cái tin ấy đến với ông vào một buổi trưa, giữa lúc tâm trạng ông đang phấn chấn vì nghe được nhiều tin chiến thắng “ruột gan ông lão cứ múa cả lên”. Chính lúc ấy ông nghe có người nhắc đến làng Chợ Dầu, ông hai quay phắt lại, chờ đợi một tin chiến thắng nữa từ chính cái làng của ông. Nhưng “cả làng chúng nó Việt gian theo tây”. Tâm trạng ông từ đỉnh hạnh phúc vui tươi rơi tuột xuống vực thăm đau khổ. Cái tin quá đột ngột khiến ông Hai bàng hoàng sững sờ: “cô hòng ông lão nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được”. Khi trấn tĩnh lại được phần nào, ông gắng hỏi để hy vọng cái tin ấy không đúng sự thật, nhưng người đưa tin lại kể rành rọt quá khiến ông không thể nào không tin cho được. Ông chỉ còn cách đánh trống lảng rồi “cúi gằm mặt xuống mà đi”.

Từ nghe tin dữ ông Hai rơi vào tâm trạng dằn vặt, đau đớn tủi hổ. Ông nửa tin, nửa ngờ. Ông điềm những người ở lại, họ toàn là “những người có tinh thần lắm”. Tuy nhiên người đưa tin kể rành rọt quá lại còn nêu đích danh tên Chánh Bệu thì đích thị là làng ông rồi. Ông không thể không tin

Nỗi ám ảnh ngày càng nặng nề biến thành sự sợ hãi trong ông. Suốt ngày ông chỉ quanh quẩn trong nhà, lắng tai nghe những động tĩnh bên ngoài. Tác giả diễn tả thật cảm động và sâu sắc cái tâm trạng nặng nề biến thành một nỗi sợ sệt luôn ám ảnh trong tâm trí ông Hai “cứ nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam không...là ông lại lùi ra góc nhà nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi”. Không khí nặng nề ấy bao trùm cả gia đình ông, cả bà Hai và lũ trẻ, không dám nói to, không dám cười đùa.

Tinh thể của ông Hai và gia đình càng bế tắc hơn khi chủ nhà tỏ ý đuổi gia đình ông vì nghe nói có lệnh không chứa chấp dân của làng Chợ Dầu- Làng Việt gian theo Tây. Đi đâu? Trong lúc dường như đã tuyệt đường sinh sống, ông Hai thoáng có ý nghĩ “hay là trở về làng”. Về làng ông có đường để về nhưng như thế là bỏ kháng chiến, bỏ cụ Hồ. Về làng là cam chịu trở lại làm kiếp nô lệ nhục nhã. Chỉ nghĩ đến điều ấy ông đã rùng mình. Nhưng nếu không về làng thì đi đâu “không đâu người ta chứa dân của làng Việt gian”.

Nhưng, chính trong hoàn cảnh đó tình yêu nước đã rộng lớn bao trùm lên tình yêu làng. Ông đã gạt ngay ý nghĩ trở về ấy. Và đi đến quyết định một cách dứt khoát “Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì cũng phải thù”. Dù quyết định như thế nhưng ông Hai vẫn cảm thấy đau đớn. Không thổ lộ được với ai, ông dành trút bầu tâm sự với đứa con nhỏ. Ông hỏi con những câu hỏi đã biết trước câu trả lời. Song lời con nói chính là tâm sự của ông:

- Húc kia! Thầy hỏi con nhé, con là con ai?
- Là con thầy mấy lị con u.
- Thế nhà con ở đâu?

- Nhà ta ở làng Chợ Dầu.
- ...
- ả, thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai?
- ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm !
- Ủ! ủng hộ cụ Hồ con nhĩ.....

Cái lòng bỏ con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai.

Tác giả đã tập trung biểu lộ sâu sắc tình yêu làng thống nhất với tình yêu nước, tình yêu cách mạng trong đoạn truyện ông Hai trò chuyện với thằng con út và đoạn độc thoại thật cảm động. Một người nông dân bình thường như ông Hai yêu làng quê – một tình cảm vốn tiềm ẩn sâu sắc trong lòng người nông dân Việt biết bao đời. Dứt khoát lựa chọn con đường không trở về làng, ông Hai đã đặt tình yêu nước, tình cảm gắn bó với kháng chiến cao hơn tình yêu làng. Đó là tình cảm thủy chung bền vững thiêng liêng.

Chính khi bế tắc nhất cũng chính là lúc tin làng ông theo giặc được cải chính. Ông Hai sung sướng hạnh phúc lật đặt chạy khắp nơi đi khoe cái tin: “Tây nó đốt nhà tôi rồi! Đốt nhẵn” và cũng chỉ được có từng ấy ông lại tiếp tục chạy đi. Người đọc thật sự cảm động khi ông Hai hầu như không thấy một chút xót xa nào khi nhà mình bị đốt nhẵn. Ông sung sướng bởi nhà ông mất nhưng làng ông còn. Niềm tự hào khi làng ông vẫn là làng kháng chiến vẫn kiên cường theo cách mạng đối với ông không còn gì hạnh phúc bằng. Phải đặt vào hoàn cảnh sáng tác của “Làng” thuộc thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp (1948) mới thấy hết thành công của tác phẩm khi khắc họa được sự trưởng thành trong nhận thức của người nông dân VN về cách mạng về kháng chiến rõ nét đến thế.

Là một truyện ngắn có cốt truyện đơn giản, nhưng thành công nổi bật của “Làng” là đã khắc họa rõ nét diễn biến tâm lý của nhân vật ông Hai. Ngòi bút miêu tả tâm lý của KL tỏ ra sâu sắc khi đặt nhân vật ông Hai vào tình huống có vấn đề – Tình huống thử thách, để làm bộc lộ chiều sâu tâm trạng của nhân vật - Tác giả đã diễn tả rất cụ thể và sâu sắc cái tâm trạng nặng nề đến thành một nỗi sợ sệt luôn ám ảnh trong tâm trí ông. Cao trào trong tâm trạng nhân vật và cũng là lúc biểu lộ một cách sâu sắc cảm động tình cảm chân thành và thiêng liêng của ông Hai với quê hương với đất nước

Góp phần vào thành công của truyện ngắn ngoài nghệ thuật xây dựng tình huống và miêu tả tâm lý còn phải kể đến đặc sắc của ngôn ngữ nghệ thuật – cả ngôn ngữ nhân vật và ngôn ngữ trần thuật. Rõ ràng người đọc nhận ra từ nhân vật chính- Ông Hai một người nông dân ít học, chất phác, thật thà. Ngôn ngữ nhân vật là lời ăn tiếng nói của “từng kiểu người” dù họ đều là nông dân. Đến mục chủ nhà cũng có cách nói vừa đại chúng vừa rất riêng. Ông Hai nói riêng và các nhân vật của KL trong “Làng” nói chung vừa là “con người này” vừa là hình ảnh điển hình của người nông dân VN thời kỳ đầu của cuộc k/c chống Pháp

Trong nền văn học cách mạng VN có nhiều tác phẩm thể hiện t/c yêu làng yêu nước nhưng có thể nó “Làng” là một trong những tác phẩm thành công sớm nhất không chỉ nhờ một tài năng viết truyện ngắn vững vàng sắc sảo như KL mà hơn cả tác giả là người hiểu sâu sắc đời sống tinh thần của họ. Vì thế KL còn tạo được giọng điệu truyện rất tự nhiên, dí dỏm, gần gũi chất phác và đôn hậu. Thật đúng như nhà văn I-li-a Ê-ran-bua nói: “Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu đồng quê trở nên lòng yêu Tổ quốc”. Chính những yếu tố đó đã làm cho “Làng” luôn sống mãi trong lòng người đọc.

Đề bài : Suy nghĩ về nhân vật ông Hai trong tác phẩm “Làng” của Kim Lân.

Đáp án :

Kim Lân là nhà văn có vốn sống vô cùng phong phú và sâu sắc về nông thôn Việt Nam. Các sáng tác của ông đều xoay quanh cảnh ngộ và sinh hoạt của người nông dân. Văn bản “Làng” được sáng tác vào thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, với nhân vật chính là ông Hai, một lão nông hiền lành, yêu làng, yêu nước và gắn bó với kháng chiến.

Ông Hai cũng như bao người nông dân quê từ xưa luôn gắn bó với làng quê của mình. Ông yêu quý và tự hào về làng Chợ Dầu và hay khoe về nó một cách nhiệt tình, hào hứng. Ở nơi tản cư ông luôn nhớ về làng, theo dõi tin tức kháng chiến và hỏi thăm về Chợ Dầu. Tình yêu làng của ông càng được bộc lộ một cách sâu sắc và cảm động trong hoàn cảnh thử thách. Kim Lân đã đặt nhân vật vào tình huống gay gắt để bộc lộ chiều sâu tâm cảm của nhân vật. Đó là tin làng chợ Dầu lập tề theo giặc. Từ phòng thông tin ra, đang phấn chấn, náo nức vì những tin vui của kháng chiến thì gặp những người tản cư, nghe nhắc đến tên làng, ông Hai quay phắt lại, lắp bắp hỏi, hy vọng được nghe những tin tốt lành, nào ngờ biết tin dữ: “Cả làng Việt gian theo Tây”. Tin bất ngờ ấy vừa lọt vào tai đã khiến ông bàng hoàng, đau đớn: “Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân, ông lão lặng đi tưởng như đến

không thờ được, một lúc lâu ông mới rặn ẽ ẽ nuốt một cái gì vướng ở cổ. Ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi ”nhằm hy vọng điều vừa nghe không phải là sự thật. Trước lời khẳng định chắc chắn của những người tản cư, ông tìm cách lảng về. Tiếng chửi văng vẳng của người đàn bà cho con bú khiến ông tê tái : “cha mẹ tiền sư nhà chúng nó ,đói khổ ăn cắp ăn trộm bắt được người ta còn thương, cái giống Việt gian bán nước thì cứ cho mỗi đứa một nhát”. Về đến nhà ông chán chường “nằm vật ra giường”, nhìn đàn con nước mắt ông cứ giàn ra “ chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư?”. Ông căm thù những kẻ theo Tây, phản bội làng, ông nắm chặt hai tay lại mà rít lên: “chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này ”. Niềm tin, nỗi ngờ giằng xé trong ông. Ông kiểm điểm lại từng người trong óc, thấy họ đều có tinh thần cả “có đời nào lại cam tâm làm cái điều nhục nhã ấy”. Ông đau xót nghĩ đến cảnh “người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước”. Suốt mấy ngày liền ông chẳng dám đi đâu, “chỉ ở nhà nghe ngóng bình tình”, lúc nào cũng nơm nớp tưởng người ta đang để ý, đang bàn tán đến cái chuyện làng mình. Nỗi ám ảnh, day dứt, nặng nề biến thành sự sợ hãi thường xuyên trong ông. Ông đau đớn, tủi hổ như chính ông là người có lỗi...

Tình thế của ông càng trở nên bế tắc, tuyệt vọng khi bà chủ nhà có ý đuổi gia đình ông với lý do không chứa người của làng Việt gian. Trong lúc tưởng tuyệt đường sinh sống ấy, ông thoáng có ý nghĩ quay về làng nhưng rồi lại gạt phắt ngay bởi “về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ”, là “cam chịu quay trở lại làm nô lệ cho thằng Tây”. Tình yêu làng lúc này đã lớn rộng thành tình yêu nước bởi dầu tình yêu, niềm tin và tự hào về làng Dầu có bị lung lay nhưng niềm tin và Cụ Hồ và cuộc kháng chiến không hề phai nhạt. Ông Hai đã lựa chọn một cách đau đớn và dứt khoát: “Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù!”. Dù đã xác định thế nhưng ông vẫn không thể dứt bỏ tình cảm của mình đối với quê hương. Bởi thế mà ông càng xót xa, đau đớn... Trong tâm trạng bị dồn nén và bế tắc ấy, ông chỉ còn biết tìm niềm an ủi trong lời tâm sự với đứa con trai nhỏ. Nói với con mà thực ra là đang trút nỗi lòng mình. Ông hỏi con những điều đã biết trước câu trả lời: “Thế nhà con ở đâu?”, “thế con ủng hộ ai?”... Lời đứa con vang lên trong ông thiêng liêng mà giản dị: “Nhà ta ở làng Chợ Dầu”, “ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!”... Những điều ấy ông đã biết, vẫn muốn cùng con khắc cốt ghi tâm. Ông mong “anh em đồng chí biết cho bố con ông, tấm lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai, chết thì chết có bao giờ dám đơn sai”. Những suy nghĩ của ông như những lời nguyện thề son sắt. Ông xúc động, nước mắt “chảy ròng ròng trên hai má”. Tấm lòng của ông với làng, với nước thật sâu nặng, thiêng liêng. Dầu cả làng Việt gian thì ông vẫn một lòng trung thành với kháng chiến, với Cụ Hồ...

May thay, tin đồn thất thiệt về làng Chợ Dầu được cải chính. Ông Hai sung sướng như được sống lại. Ông đóng khăn áo chỉnh tề đi với người báo tin và khi trở về “cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng tươi vui rạng rỡ hẳn lên”. Ông mua cho con bánh rán đường rồi vội vã, lật đật đi khoe với mọi người. Đến đâu cũng chỉ mấy câu “Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ !Đốt sạch !Đốt nhẵn ! Ông chủ tịch làng tôi vừa mới lên trên này cải chính. Cải chính cái tin làng chợ Dầu chúng tôi Việt gian theo Tây ấy mà .Láo!Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả .” “Ông cứ múa tay lên mà khoe với mọi người”. Ông khoe nhà mình bị đốt sạch, đốt nhẵn như là minh chứng khẳng định làng ông không theo giặc. Mất hết cả cơ nghiệp mà ông không hề buồn tiếc, thậm chí còn rất sung sướng, hạnh phúc. Bởi lẽ, trong sự cháy rụi ngôi nhà của riêng ông là sự hồi sinh về danh dự của làng chợ Dầu anh dũng kháng chiến. Đó là một niềm vui kỳ lạ, thể hiện một cách đau xót và cảm động tình yêu làng, yêu nước, tinh thần hy sinh vì cách mạng của người dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống kẻ thù xâm lược.

Cách miêu tả chân thực, sinh động, ngôn ngữ đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm đa dạng, tự nhiên như cuộc sống cùng với những mâu thuẫn căng thẳng, dồn đẩy, bức bối đã góp phần không nhỏ tạo nên thành công của câu chuyện, đồng thời còn thể hiện sự am hiểu và gắn bó sâu sắc của nhà văn với người nông dân và công cuộc kháng chiến của đất nước.

Nghệ thuật xây dựng tình huống, xây dựng tâm lý nhân vật đặc sắc của Kim Lân trong truyện ngắn “

- Làng là một truyện ngắn có cốt truyện đơn giản tập trung diễn tả tâm lý của nhân vật ông Hai – một người nông dân có tình yêu làng đặc biệt gắn bó với tình yêu nước, t/c thủy chung với kháng chiến.

Ngòi bút miêu tả tâm lý của KL tỏ ra sâu sắc khi đặt nhân vật ông Hai vào tình huống có vấn đề – Tình huống thử thách để làm bộc lộ chiều sâu tâm trạng của nhân vật, đó là tình huống ông Hai đột ngột nghe tin dữ : Làng chợ Dầu của ông theo giặc lập tề.

- Tác giả đã diễn tả rất cụ thể và sâu sắc cái tâm trạng nặng nề đến thành một nỗi sợ sệt luôn ám ảnh trong tâm trí ông.

Cao trào trong tâm trạng nhân vật và cũng là lúc biểu lộ một cách sâu sắc cảm động tình cảm chan thành và thiêng liêng của ông Hai với quê hương với đất nước và c/m đó là cảnh ông Hai trò chuyện với đứa con út.
- Góp phần vào thành công của truyện ngắn ngoài nghệ thuật xây dựng tình huống và miêu tả tâm lý còn phải kể đến đặc sắc của ngôn ngữ nghệ thuật – cả ngôn ngữ nhân vật và ngôn ngữ trần thuật.

+ Ngôn ngữ nhân vật là lời ăn tiếng nói của người nông dân, từ nhân vật chính- Ông Hai, đến chủ nhà đều có ngôn ngữ vừa đại chúng vừa rất riêng. Ngôn ngữ của ông Hai cả trong lời độc thoại và đối thoại đều thể hiện một lão nông gắn bó tha thiết với làng quê, thành tâm với cách mạng.

Qua nhân vật ông Hai ta hiểu thêm về vẻ đẹp tâm hồn của người nông dân Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược :Yêu làng,yêu nước và gắn bó với kháng chiến.Có lẽ vì thế mà tác phẩm “Làng ” xứng đáng là một trong những truyện ngắn xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại .

LẶNG LẼ SA PA – NGUYỄN THÀNH LONG

Suy nghĩ của em về nhân vật anh thanh niên trong văn bản “Lặng lẽ Sa pa” của Nguyễn Thành Long

ĐÁP ÁN (SGK) :

Gấp lại truyện ngắn “Lặng lẽ Sa pa ”của Nguyễn Thành Long lòng ta cứ xao xuyến vấn vương trước vẻ đẹp của những con người ,trước những tình cảm chân thành, nồng hậu trong một cuộc sống đầy tin yêu .Dù được miêu tả ít hay nhiều nhân vật nào của “Lặng lẽ Sa pa” cũng hiện lên với nét cao quý đáng khâm phục.Trong đó anh thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu đã để lại cho chúng ta nhiều ấn tượng khó phai mờ .

Trước tiên anh thanh niên này đẹp ở tấm lòng yêu đời, yêu nghề ,ở tinh thần trách nhiệm cao với công việc lắm gian khổ của mình.Trong lời giới thiệu với ông họa sỹ già và cô gái,bác lái xe gọi anh là “người cô độc nhất thế gian”.Đã mấy năm nay anh “sống một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m bốn bề chỉ có cỏ cây và mây mù lạnh lẽo”.Công việc hàng ngày của anh là“đo gió,đo mưa ,đo chấn động mặt đất”rồi ghi chép,gọi vào máy bộ đàm báo về trung tâm.Nhiều đêm anh phải “đối chọi với gió tuyết và lặng im đáng sợ”.Vậy mà anh rất yêu công việc của mình.Anh quan niệm:“khi ta làm việc ta với công việc là đôi,sao gọi là một mình được?”Anh hiểu rõ : “Công việc của cháu gian khổ thế đấy,chứ cất nó đi,cháu buồn đến chết mất”.Sống một mình nhưng anh không đơn độc bởi “lúc nào tôi cũng có người để trò chuyện.Nghĩa là có sách ấy mà ”.Tuy sống trong điều kiện thiếu thốn nhưng người thanh niên ấy vẫn ham mê công việc,biết sắp xếp lo toan cuộc sống riêng ngăn nắp, ổn định.Anh nuôi gà, trồng hoa, đọc sách,thỉnh thoảng anh xuống đường tìm gặp bác lái xe cùng hành khách để trò chuyện cho vui bớt nỗi nhớ nhà.

Sống trong hoàn cảnh như thế sẽ có người dần thu mình lại trong nỗi cô đơn.Nhưng anh thanh niên này thật đáng yêu ở nỗi “ thèm người ”,lòng hiếu khách đến nồng nhiệt và sự quan tâm đến người khác một cách chu đáo.Ngay từ những phút gặp gỡ ban đầu ,lòng mến khách ,nhiệt tình của anh đã gây được thiện cảm tự nhiên đối với người họa sỹ già và cô kỹ sư trẻ.Niềm vui được đón khách dào dạt trong anh, toát lên qua nét mặt,cử chỉ:anh biểu bác lái xe cù tam thất,mừng quýnh đón quyển sách bác mua hộ,hồ hởi đón mọi người lên thăm “nhà”,hồn nhiên kể về công việc,đồng nghiệp và cuộc sống của mình nơi Sa pa lặng lẽ.Khó người đọc nào có thể quên,việc làm đầu tiên của anh khi có khách lên thăm nơi ở của mình là:hái một bó hoa rực rỡ sắc màu tặng người con gái lần đầu quen biết.Bó hoa cho cô gái ,nước chè cho ông họa sỹ già, làn trứng ăn đường cho hai bác cháu...Tất cả không chỉ chứng tỏ đó là người con trai tâm lý mà còn là kỷ niệm của một tấm lòng sốt sắng , tận tình đáng quý .Công việc vất vả ,có những đóng góp quan trọng cho đất nước nhưng người thanh niên hiếu khách và sôi nổi ấy lại rất khiêm tốn.Anh cảm thấy đóng góp của mình bình thường,nhỏ bé so với bao người khác.Bởi thế anh ngưng ngừng khi ông họa sỹ già phác thảo chân dung mình vào cuốn sổ tay .Con người khiêm tốn ấy hào hứng giới thiệu cho ông họa sỹ những người khác đáng vẽ hơn mình:“Không,không ,bác đừng mất công vẽ cháu,để cháu giới thiệu cho bác những người khác đáng vẽ hơn.”Đó là ông kỹ sư ở vườn rau vượt qua bao vất vả để tạo ra củ su hào ngon hơn,to hơn.Đó là “người cán bộ nghiên cứu sét,11 năm không xa cơ quan lấy một ngày”...Dù còn trẻ tuổi,anh thấm thía cái nghĩa,cái tình của mảnh đất Sa pa,thấm thía sự hy sinh lặng thầm của những con người đang ngày đêm làm việc và lo nghĩ cho đất nước .

Bằng một cốt truyện khá nhẹ nhàng ,những chi tiết chân thực tinh tế ,ngôn ngữ đối thoại sinh động Nguyễn Thành Long đã kể lại một cuộc gặp gỡ tình cờ mà thú vị nơi Sa pa lặng lẽ.Chưa đầy 30 phút tiếp xúc với anh thanh niên, khiến người họa sỹ già thêm suy ngẫm về vẻ đẹp cuộc đời mà mình không bao giờ thể hiện hết được và còn làm cô kỹ sư trẻ lòng bao cảm mến băng khuâng ...

Với truyện ngắn này ,phải chăng nhà văn muốn khẳng định:Cuộc sống của chúng ta được làm nên từ bao phần đấu,hy sinh lớn lao và thầm lặng?Những con người cần mẫn,nhiệt thành như anh thanh niên ấy, khiến cuộc sống này thật đáng trân trọng,thật đáng tin yêu .

ĐỀ 2: Thiên nhiên và con người trong tác phẩm “LLSP” của NTL.

Gợi ý:

MB:

Nhà văn Nguyễn Thành Long (1925-1991), quê ở huyện Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam, viết văn từ thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp. Ông là cây bút chuyên về truyện ngắn với những đề tài

ngợi ca những con người lao động mới, nhiệt thành, dám nghĩ dám làm, không sợ khó khăn gian khổ, say mê trong lao động sáng tạo, nhân hậu và tha thiết yêu cuộc sống...Truyện của Nguyễn Thành Long hấp dẫn người đọc bằng lối văn trong sáng, giàu chất thơ, nhẹ nhàng thoải mái, cốt truyện tưởng như đơn giản mà giàu ý nghĩa khái quát. “Lặng lẽ Sa Pa” là một trong những truyện ngắn tiêu biểu như thế.

Thân bài:

1. Thành công của NTL trong truyện ngắn này có lẽ trước hết đã tạo dựng được một chất thơ trong sáng làm nên không khí và sắc điệu riêng của tác phẩm được toát lên từ phong cảnh thiên nhiên đẹp lung lay và mơ màng của Sa Pa: “Sa pa bắt đầu với những rừng đào. Và với những đàn bò lang cổ đeo chuông ở các đồng cỏ trong thung lũng” Hay “Nắng bây giờ len tới đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu rung tí trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương...” Thiên nhiên Sa Pa tuy không phải là đối tượng chính của tác giả, nhưng chính những hình ảnh thiên nhiên thơ mộng trữ tình đó đã dẫn dắt người đọc bước vào một thế giới êm đềm, yên tĩnh. ở đó có những con người đang âm thầm lặng lẽ lao động cống hiến cho đất nước. Có thể nói, thiên nhiên không chỉ là yếu tố trữ tình mà nó còn là nền cảnh để câu chuyện của tác giả xuất hiện. Một câu chuyện cũng mang đậm yếu tố trữ tình.

2. LLSP có một cốt truyện khá đơn giản, xoay quanh một cuộc gặp gỡ bất ngờ của ông họa sỹ, cô kỹ sư và anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 m. Cuộc gặp gỡ chỉ trong chốc lát nhưng đủ để cho người đọc có ấn tượng sâu sắc về những con người đáng yêu nơi Sa Pa lặng lẽ. Đó là

- Bác lái xe vui tính, cởi mở , nhiệt tình với hành khách;
- Cô kĩ sư trẻ đầy khát khao
- Ông họa sỹ hoãn buổi liên hoan nghỉ hưu để đi thực tế sáng tác
- Ông kĩ sư vườn rau Sa Pa say sưa với công việc để phục vụ nhân dân ;
- Đồng chí cán bộ nghiên cứu sét làm việc nhiệt tình , say sưa
- Tiêu biểu nhất là anh thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu ... yêu đời , yêu nghề , yêu cuộc sống , giàu nghị lực , mến khách

=> Mỗi người là một bức chân dung có đường nét , hình khối ... Những lời nói của họ đem đến một âm vang trong trẻo, ngọt ngào. Tác giả kết hợp kể chuyện với miêu tả, qua cảm nhận Truyện có nhiều yếu tố thơ .

3. Sáng tạo được tình huống ấy và lựa chọn điểm nhìn trần thuật từ nhân vật họa sỹ – một con người đã từng trải để quan sát và miêu tả từ cảnh thiên nhiên đến nhân vật chính. Qua đó tác giả gửi gắm những suy nghĩ của mình về con người, về nghệ thuật và về cuộc sống.

=> Truyện là sự gặp gỡ những nhân vật khác nhau về nghề nghiệp , lứa tuổi nhưng họ lại toả ra một hơi ấm tình người giữa một nơi mịt mờ sương tuyết, ở họ toát lên vẻ đẹp của nhân cách, suy nghĩ chung về cuộc sống đầy tâm huyết, giàu nhiệt tình cách mạng

(Liên hệ) .

NGUYỄN QUANG SÁNG "CHIẾC LƯỢC NGÀ"

ĐỀ : Cảm nhận về tình cha con trong chiến tranh qua đoạn trích "Chiếc lược ngà" - Nguyễn Quang Sáng

Bài làm:

Nhà văn Nguyễn Quang Sáng sinh năm 1932, quê ở huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang – Một nhà văn quân đội hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như sau hòa bình. Truyện ngắn “Chiếc lược ngà” được nhà văn Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966 thời kì cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ của nhân dân ta đang diễn ra quyết liệt. Tuy nhiên nhà văn không đi vào khai thác sâu những khốc liệt của cuộc chiến mà đi sâu khai thác về tình cha con trong chiến tranh – Tình phụ tử muôn đời luôn làm xúc động lòng người.

Anh Sáu xa nhà đi kháng chiến lúc bé Thu chưa đầy một tuổi. Tám năm sau anh mới có dịp về thăm nhà. Bé Thu không nhận cha vì vết sẹo trên má làm anh không giống với “người cha trong ảnh”. Bé đối xử với cha như người xa lạ. Đến lúc Thu nhận cha, tình cảm cha con thức dậy mãnh liệt thì cũng là lúc anh phải ra đi. Đến khu căn cứ anh dồn hết t/c yêu nhớ con vào việc làm chiếc lược ngà. Nhưng anh đã hy sinh. Trước lúc nhắm mắt anh trao lại cây lược cho một người bạn với tất cả niềm hy vọng.

Truyện không dài, tình tiết không ly kỳ, tư tưởng cũng không phức tạp. Nhưng nó chân thực và giản dị vì thế nó có sức lay động mạnh mẽ t/c của người đọc.

Trước hết đó là tình cảm sâu sắc cảm động của người con đối với cha. Người cha về thăm nhà sau nhiều năm xa cách. Khao khát đốt lòng ông là được gặp con, được nghe con gọi tiếng “ba”. Nhưng thật trớ trêu, đứa con gái hoàn toàn lạnh lùng trước sự vô vấp của cha nó. Thậm chí ông Sáu càng cố gần gũi, càng cố yêu chiều con thì nó lại càng lánh xa hơn. Thời gian ở nhà không nhiều ông chỉ mong con gọi một tiếng “ba” nhưng không được. Con bé ương ngạnh tìm mọi cách lảng tránh tiếng gọi đó kể cả khi những người lớn dồn nó vào tình huống bí bách. Nhưng quyết không ! Nó vẫn hành động theo sự bướng bỉnh của mình một cách bất cần. Nghĩa là nó không chịu nhượng bộ. Điều đó làm cho người cha yêu con vô cùng đau lòng.

Hành động cứng đầu, ương ngạnh của bé Thu là có lý do. Đó là một biểu hiện tuyệt vời của tình yêu cha sâu sắc. Bé không nhận cha vì thấy anh Sáu không giống người cha trong ảnh – người cha mà nó tôn thờ bấy lâu nay. Cô bé không dễ tin người khác dù bạn ba và mẹ nói đó là ba nhưng khi chưa tháo gỡ được những thắc mắc trong lòng thì bé nhất định không chịu nhận. Thậm chí nó còn phản ứng quyết liệt. Nó sẽ vẫn bảo vệ **người cha trong nó**. Điều đó không đơn giản là tính ương ngạnh bướng bỉnh của trẻ con mà là biểu hiện của một người có lập trường kiên định ngay từ khi còn rất nhỏ. Đến khi được ngoại giảng giải, bé Thu mới vỡ lẽ thì cũng là lúc ba nó phải chia tay. Tình cảm yêu thương và tiếng “ba” mà nó dồn nén bấy lâu nay bỗng vỡ oà trong nó:

Nhưng thật lạ lùng, đúng lúc ấy tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng chốc kêu thét lên:

- Ba...Ba!

Tiếng kêu của nó như xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa...”

Nó hôn ba nó cùng khắp, nó cố gắng giữ ba lại bằng cách ôm chặt ba, lấy cả hai chân “câu chặt lấy ba nó”. Tình cảm của nó khiến những người chứng kiến thật xúc động còn người kể chuyện thì cảm thấy như “có ai bóp chặt trái tim mình”.

Nguyễn Quang Sáng đã rất thành công khi khắc hoạ tâm lý nhân vật bé Thu. Một đứa trẻ vừa cứng cỏi, cá tính nhưng cũng rất trẻ con. Nó nhận thức từ những gì nó quan sát được, trong lòng nó có thắc mắc nhưng nó không thổ lộ với ai. Nhất là khi bị ép buộc để gọi ba thì nó càng phản ứng dữ dội. Không ai kịp hiểu nó. Chỉ khi bà ngoại nhỏ to tâm tình nó mới bộc lộ.

Cả hai hành động không nhận cha và nhận cha một cách mãnh liệt xúc động, nhìn bề ngoài có vẻ trái ngược nhau nhưng thực chất lại rất thống nhất với nhau. Bởi cả hai hành động đó đều xuất phát từ tình cảm yêu cha sâu sắc.

3. Còn người cha, ông có nhiều nét đẹp của “con người thời đại” như: chiến đấu ngoan cường, trung thành với cách mạng, gần bó với quê hương, đồng chí, đồng đội... nhưng vẻ đẹp nổi bật nhất được tô đậm chính là tình phụ tử. Những ngày chưa gặp được con, người cha ấy khổ sở nôn nao bao nhiêu, thì giây phút gặp con anh càng vô vấp cuống quýt bấy nhiêu. Và khi con không nhận mình anh đã vô cùng đau khổ: “Anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông thõng xuống như bị gãy”. Những ngày ở nhà, anh cố gần con, mong nghe một tiếng con gọi “ba” nhưng con bé chẳng bao giờ chịu gọi. Anh chỉ cười, cười vì “khổ tâm đến nỗi không khóc được”. Hôm chia tay, thấy con đứng trong góc nhà, anh muốn ôm con nhưng lại sợ nó bỏ chạy nên chỉ đứng nhìn nó với đôi mắt buồn rầu. Và cái điều không ngờ đã đến với anh, con bé thét lên gọi “ba” khiến lòng anh như khựng lại. Anh xúc động đến phát khóc “không muốn để con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con...”.

Chia tay con ông trở về khu căn cứ, nỗi day dứt ân hận vì trót đánh con và lời dặn “Ba về, ba mua cho con một cây lược nghe ba!” cứ ám ảnh anh. Anh quyết định làm cho con một cây lược bằng ngà voi: “anh hót hải chạy về, tay cầm khúc ngà đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà.” Bao nhiêu nhớ nhung, bao nhiêu trù mến yêu thương ông dồn vào để làm chiếc lược. Chiếc lược trở thành một vật quý giá thiêng liêng, để mỗi khi nhớ con “anh lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng mượt.” Chiếc lược đã xoa dịu lòng anh làm vơi đi trong anh nỗi nhớ con đến cồn cào. Nhưng rồi anh đã hy sinh. “Trong giờ phút cuối

cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, chỉ có tình cha con là hình như không thể chết được, anh đưa tay vào túi móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu”. Ánh nhìn ấy đã nói lên tất cả.

Chiến tranh đã đem đến biết bao đau thương, mất mát, éo le. Nhưng câu chuyện về chiếc lược ngà lại làm người đọc thực sự cảm động về tình cha con thâm thiết đẹp đẽ. Tình cảm thiêng liêng ấy không kẻ thù nào có thể tiêu diệt được mà trái lại nó càng sáng đẹp hơn, bền bỉ hơn trong bom đạn tàn phá. Đó chính là ấn tượng sâu đậm nhất của tác phẩm trong lòng người đọc.

Đề : Cảm nhận về chi tiết chia tay của hai cha con anh Sáu trong đoạn trích Chiếc lược ngà

Chi tiết "mở nút" làm cho đoạn trích "Chiếc lược ngà" trở nên hay nhất và cảm động nhất là cảnh anh Sáu từ giã bé Thu - con gái của anh để trở lại chiến trường.

Cuộc gặp gỡ của hai cha con sau hơn 8 năm xa cách chắc sẽ dạt dào xúc động. Nhưng thật trớ trêu là bé Thu không nhận ra anh Sáu là cha của mình, chỉ vì vết sẹo trên gương mặt của anh khác với bức ảnh anh chụp trước đây. Đến lúc em nhận ra đó là cha của mình và bộc lộ tình cảm thâm thiết thì cũng là lúc anh Sáu phải ra đi.

Nói sao hết tâm trạng hụt hẫng, đáng thương của anh Sáu trước thái độ ứng xử đầy ngờ vực, lạnh nhạt có phần bướng bỉnh, ương ngạnh của bé Thu, khi anh Sáu từ chiến trường trở về thăm con, cũng là lần cuối cùng anh gặp con.

Nghe mẹ nó bảo gọi ba vào ăn cơm thì nó lại bảo: "Thì má cứ kêu đi!". Má nó dọa đánh thì nó lại nói trống: "Vô ăn cơm! Cơm chín rồi", "Con kêu rồi mà người ta không nghe". Một lần nó đang lúnh quýnh với nồi cơm đang sôi. Trước mặt anh Sáu bé Thu cũng chỉ nói: "Cơm sôi rồi, chắc nước dùm cái!". Rồi trong một bữa cơm có đông đủ mọi người, anh Sáu gấp cái trứng cá to vàng để vào chén của bé Thu. Nó lấy đũa soi vào chén rồi sau đó hất cái trứng cá ra, cơm văng tung tóe cả mâm... Anh càng muốn gần con, được vỗ về con thì bé Thu càng xa lánh, càng lạnh nhạt. Anh Sáu càng khao khát nghe một tiếng ba của bé Thu. Nhưng con bé chẳng bao giờ chịu gọi. Những cử chỉ ấy của bé Thu chẳng khác gì như muối xát vào lòng anh Sáu.

Khi anh Sáu chuẩn bị lên đường, kết thúc những ngày về thăm nhà ngắn ngủi, bé Thu bỗng kêu thét lên: "Ba ...a ...a ...ba". Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng "ba" mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng "ba" như vỡ tung ra từ trong đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:

- Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!

Bé Thu hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết sẹo dài bên má của ba nó mà trước đây nó vốn sợ sệt.

Tiếng gọi và cử chỉ của bé Thu đối với anh Sáu lúc chia tay là biểu hiện của sự hối tiếc, mong được tha thứ, là nỗi vui mừng, là tình cảm dạt dào của tình phụ tử.

Anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt... Anh Sáu thực sự đang sống trong buồn vui lẫn lộn. Anh buồn vì trong những ngày về thăm nhà, bé Thu không gọi anh bằng ba, buồn vì anh lỡ đánh vào mông nó, buồn vì sắp phải xa con... Nhưng không có gì vui và hạnh phúc hơn khi bé Thu gọi anh bằng tiếng "ba" thâm thiết đầy xúc động. Những giọt nước mắt của anh Sáu cũng có thể giải thích nguyên nhân vì sao khi các hoa hậu, nghệ sĩ, vận động viên... đăng quang, chúng ta thường thấy những giọt nước mắt lăn dài trên đôi má của họ.

Những giọt nước mắt của hai cha con lúc chia tay đã nói lên tất cả. Phải chăng đó là niềm hạnh phúc, là tình phụ tử thiêng liêng và cũng là bi kịch thường thấy trong những năm tháng chiến tranh?

Nhưng trước sau bé Thu vẫn là một đứa bé rất Nam Bộ với tất cả những nét hồn nhiên thơ ngây, có cá tính mạnh mẽ, biết xúc động, giàu lòng thương yêu... Điều này cũng có thể lý giải vì sao sau này lớn lên Thu đã nhanh chóng trở thành một cô gái giao liên gan dạ, dũng cảm, mưu trí trước kẻ thù.

Đoạn trích tuy ngắn gọn nhưng thể hiện diễn biến nội tâm của hai cha con hết sức kịch tính. Điều đó phải chăng một phần là nhờ nghệ thuật xây dựng tình huống, nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật tuyệt vời của nhà văn, khắc họa qua hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ của nhân vật !

Đề bài :

Suy nghĩ của em về tình cảm cha con trong chiến tranh qua văn bản “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng

Đáp án :

Nguyễn Quang Sáng quê ở An Giang, ông hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ. “Chiếc lược ngà” là một tác phẩm tiêu biểu của ông. Bằng việc sáng tạo tình huống bất ngờ mà tự nhiên, hợp lý, truyện đã thể hiện thật cảm động tình cha con sâu nặng và cao đẹp của cha con ông Sáu trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh.

Trong chiến tranh, con người phải chịu nhiều mất mát, thiệt thòi, hy sinh về tình cảm gia đình. Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến khi con gái đầu lòng mới tròn một tuổi. Sau tám năm xa cách ông mới có dịp trở về thăm nhà, nhưng trở trêu thay, Thu không nhận ông là ba. Phút đầu gặp gỡ, Thu ngỡ vực, lảng tránh, thậm chí còn sợ hãi bỏ chạy vì: “vết thẹo bên má phải cứ mỗi khi anh xúc động thì nó lại đỏ ửng lên, giật giật trông rất dễ sợ”. Trong những ngày ông Sáu ở nhà, Thu cương quyết không nhận ông là cha mặc dù ông đã tìm mọi cách để gần gũi, vỗ về cô bé. Có những lúc, lâm vào thế bí, nó cũng chỉ nói trống: “Vô ăn cơm”, “cơm sôi rồi, chắt nước giùm cái”, “cơm sôi rồi, nhão bây giờ”... Trong bữa cơm, ông Sáu âu yếm gấp cho con miếng trứng cá to, không ngờ bé phản ứng một cách quyết liệt: “bắt thần hất miếng trứng cá ra khỏi bát làm cơm bắn tung toé cả ra mâm”. Bị ông Sáu đánh vào mông, Thu bỏ về nhà ngoại và còn “cố ý làm cho dây lòi tói khua rỏ rảng”... Sự ương ngạnh, bướng bỉnh của Thu không hoàn toàn đáng trách bởi em còn quá nhỏ để hiểu được sự éo le, khắc nghiệt trong hoàn cảnh xa cách của chiến tranh và những người lớn trong gia đình cũng chưa kịp chuẩn bị cho em đón nhận những khả năng bất thường đó. Em không nhận ông Sáu là cha vì ông có vết thẹo dài trên má không giống bức hình chụp chung với má mà em biết. Điều đó chứng tỏ tình cảm của Thu dành cho ba thật sâu sắc - em chỉ bộc lộ tình yêu sâu sắc của mình với ba khi biết chắc đó là ba.

Buổi sáng cuối cùng trước khi ông Sáu lên đường, thái độ của Thu đột ngột thay đổi. Trong đêm bỏ về nhà ngoại Thu đã được bà giải thích về vết thẹo. Bé hiểu ra, ân hận và hối tiếc vô cùng: “nghe bà kể, nó nằm im lẩn lộn và thỉnh thoảng lại thở dài như người lớn”. Phút chia tay “về mặt nó sầm lại buồn rầu, cái vẻ buồn trên gương mặt ngây thơ của con bé trông thật dễ thương”. Khi ông Sáu nhìn con để chào từ biệt, “đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao” tình cha con bị dồn nén bấy lâu chợt bùng lên mạnh mẽ, hối hả, cuồng quýt. Nó thét lên gọi ba “tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa”. Hành động của Thu cũng thay đổi “nó nhảy thót lên, dang cả hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Nó hôn ba nó cùng khắp, hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài trên má của ba nó nữa”... Tất cả những hành động, thái độ đó của Thu đều bắt nguồn từ tình cảm dành cho người ba mà bé hằng yêu kính, tôn thờ và không ai có thể thay thế được. Tình cảm của Thu thật mạnh mẽ, sâu sắc và cũng dứt khoát, rạch ròi. Ở Thu có nét cứng cỏi đến ương ngạnh nhưng vẫn có nét ngây thơ, hồn nhiên của con trẻ. Bằng tâm hồn nhạy cảm, một trái tim nhân hậu và tấm lòng chan chứa yêu thương đối với trẻ em, Nguyễn Quang Sáng dường như đã cảm nhận đến tận cùng những biểu hiện tình cảm của nhân vật để miêu tả một cách sinh động và tinh tế.

Nhân vật chính thứ hai trong tác phẩm là nhân vật ông Sáu. Tình cảm của ông đối với con gái nhỏ được biểu hiện phần nào trong chuyến về thăm nhà. Khi xuống chưa kịp cập bến, trông thấy con ông đã vội vàng “nhảy lên bờ, khom người, hai tay đưa về phía trước, miệng lắp bắp: ba đây con! ba đây con.” Nhưng tưởng bé Thu sẽ ào tới, ôm lấy cổ ba cho thoả những tháng ngày xa cách. Nhưng không, ông hẫng hụt, bất ngờ khi thấy: “bé tròn mắt ngơ ngác nhìn rồi sợ hãi bỏ chạy”. Thời gian ở nhà không nhiều nên ông Sáu không đi đâu xa, suốt ngày chỉ tìm cách gần gũi, vỗ về con, mong con gọi một tiếng ba mà không được. Có lúc giận quá ông đã đánh con. Lúc chia tay tình yêu mãnh liệt của bé Thu khiến ông cảm động “một tay ôm con, tay kia lấy khăn chấm nước mắt”. Cảm động và đau đớn hơn khi biết rằng đây là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng anh được nghe tiếng ba thân thương từ cô con gái nhỏ, bởi vì sau đó, chẳng bao giờ anh có thể trở về được nữa! Trong những ngày ở khu căn cứ, anh ân hận vì đã trót đánh con. Nhớ lời con dặn, khi kiếm được một khúc ngà anh vui mừng như trẻ nhỏ “mặt anh hớn hờ như một đứa trẻ được quà”. Những ngày sau đó bao nhiêu tình cảm yêu quý, nhớ thương con anh dồn cả vào việc làm cây lược. Anh cặm cụi “cưa từng răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như một người thợ bạc” để rồi khi chiếc lược hoàn thành, anh còn khắc lên đó dòng chữ nhỏ “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”... Những lúc nhớ con anh mang cây lược ra mài lên tóc mình cho cây lược thêm óng mượt: “Cây lược ngà ấy chưa chải được mái tóc dài của con nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh”. Có lẽ những lúc ấy anh mong có một lần về phép thăm nhà để anh tự tay mình cầm cây lược chải tóc cho con... Đau đớn thay chiến tranh khiến anh chẳng bao giờ có thể trở về bên con gái anh được nữa. Anh bị hy sinh trong một trận càn. Trước lúc hy sinh, “dường như chỉ có tình cha con là không thể chết”, anh cầm cây lược trao cho bạn với niềm mong mỏi không còn có thể cất được thành lời. Từ lúc ấy, cây lược bằng ngà đã trở thành kỷ vật, thành biểu tượng thiêng liêng của tình phụ tử. Những dòng cuối cùng của truyện khép lại trong nỗi buồn mênh mông mà chứa chan ý nghĩa nhân văn sâu sắc.

Chủ đề của chuyện không mới lạ, nhưng tác giả thành công bởi đã khai thác tình cha con trong những tình huống éo le cảm động. Cách lựa chọn ngôi kể, tạo lập tình huống bất ngờ mà tự nhiên, hợp lý cùng với việc miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật tinh tế, sâu sắc đặc biệt là tâm lý trẻ thơ đã giúp TP có được vị trí riêng trong lòng độc giả.

Câu chuyện về chiếc lược bằng ngà không chỉ nói lên tình cha con sâu nặng thấm thiết mà còn gợi cho người đọc suy ngẫm và thấm thía những mất mát đau thương mà chiến tranh đã gây ra cho bao nhiêu gia đình. Bởi vậy mà em càng thêm trân trọng cuộc sống hoà bình mà chúng ta đang có hôm nay.

Đề bài : Suy nghĩ của em về văn bản : “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê.

Đáp án.

Là cây bút chuyên về truyện ngắn, trong chiến tranh Lê Minh Khuê viết về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ ở tuyến đường Trường Sơn. “Những ngôi sao xa xôi” là tác phẩm đầu tay của bà, được viết năm 1971 giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc đang diễn ra rất ác liệt. Truyện giúp ta hiểu hơn về cuộc sống của những cô gái thanh niên xung phong trên một cao điểm ở tuyến đường Trường Sơn.

Truyện xoay quanh ba nhân vật nữ thanh niên xung phong trong tổ trinh sát mặt đường. Họ là ba người nhưng công việc gắn bó họ thành một khối thống nhất. Họ cùng sống và chiến đấu trong hoàn cảnh vô cùng gian khổ, ác liệt: ở trên một cao điểm trọng yếu của tuyến đường Trường Sơn, làm công việc đặc biệt nguy hiểm: “khi có bom nổ thì đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom”. Nghĩa là họ ở nơi tập trung nhiều bom đạn, làm công việc luôn đối mặt với cái chết. Họ cảm nhận rõ ràng: “Đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần. Thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết rằng khắp chung quanh có nhiều quả bom chưa nổ.” Công việc thường ngày mạo hiểm ấy đòi hỏi họ phải là những người dũng cảm, gan góc có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, không sợ gian khổ hy sinh.

Mặc dù phải sống cách biệt, ở xa đồng đội, làm công việc nguy hiểm song cả ba cô gái ấy sống gắn bó cùng nhau và không hề mất đi những nét tính cách đáng yêu của những cô gái trẻ. Họ luôn yêu thương, lo lắng, chăm sóc cho nhau, tâm hồn họ trong sáng, giàu mơ ước, dễ vui, dễ buồn và đặc biệt, họ rất thích làm đẹp cho cuộc sống của mình. Chị Thao nhiều tuổi nhất, chăm chép bài hát, sợ máu và vết. Nho thích thêu thùa, thích ăn kẹo, cô rất đáng yêu “trắng và tròn như một que kem mát lạnh”, có vẻ dịu dàng và gan góc. Người thứ 3 nổi bật nhất, tiêu biểu cho tổ trinh sát mặt đường là Phương Định. Là một cô gái Hà Nội xinh xắn “hai bím tóc dày tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn” và đôi mắt đẹp: “có cái nhìn sao mà xa xăm”. Vừa qua thời học sinh, cuộc sống chiến trường tôi luyện Định thành một chiến sỹ kiên cường, dũng cảm. Ngày nào Định cũng phá bom nhiều lần, cô có nghĩ tới cái chết nhưng điều quan trọng hơn là “liệu mình có nổ, bom có nổ không? không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai?”. Tâm trạng Phương Định khi phá bom được miêu tả cụ thể, tinh tế đến từng cảm giác. Từ sự cảm nhận không khí đầy căng thẳng đến cảm giác “các anh cao xạ đang đổi theo từng cử chỉ, động tác của mình” và lòng dũng cảm như được tăng lên bởi sự tự trọng: “Tôi đến gần quả bom... tôi sẽ không đi khom, các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ dang hoàng mà bước tới”. Cảm giác căng thẳng của Định khi ở bên quả bom, kề sát cái chết im lìm và bất ngờ được miêu tả tỉ mỉ đến từng chi tiết: “thình thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người, cửa vào da thịt tôi... Vò quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành.” Đó là công việc hàng ngày đã quen của Định. Công việc hiểm nguy ấy khiến ba cô gái thanh niên xung phong trở nên thật phi thường, thật đáng khâm phục.

Tuy vậy sự ác liệt của chiến trường không làm vơi đi đời sống tâm hồn trong sáng, giàu cảm xúc của Định. Cô hay mơ mộng, thích hát, thậm chí “bịa lời ra mà hát” thích dân ca quan họ, thích hành khúc, thích Cachiusa, thích dân ca Ý... Định còn hay ngồi bó gối mơ màng, sống với những hồi tưởng về gia đình, quê hương... Cô ý thức về mình, tự hào vì được nhiều người đề ý nhưng lại tỏ ra hờ hững như là kiêu kỳ. Tuy vậy trong suy nghĩ và tình cảm của cô thì “những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có sao trên mũ”. Định thực sự là cô thiếu nữ mộng mơ, hồn nhiên, trong sáng và dũng cảm.

Ngôi kể thứ nhất, cách kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ sinh động, trẻ trung cùng nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật đặc sắc của tác giả đã góp phần không nhỏ trong việc khắc họa thành công thế giới tinh thần phong phú và trong sáng của những cô gái trẻ.

Những trang cuối cùng của truyện khép lại nhưng dư âm của câu chuyện vẫn còn đọng mãi trong ta. Về đẹp tâm hồn của họ, những chiến công lặng thầm của họ mãi toả sáng, lung linh, lấp lánh và bí ẩn như những

ngôi sao trên bầu trời xa xôi của núi rừng Trường Sơn hùng vĩ có ác liệt hiểm nguy nhưng vẫn tràn đầy mơ mộng.

PHẦN THƠ.

ĐỒNG CHÍ

Đề : Phân tích bài thơ “Đồng chí” của chính Hữu (Ngữ văn 9 - Tập 1).

HƯỚNG DẪN

Bài thơ “Đồng chí” ra đời vào đầu năm 1948, sau chiến dịch Việt Bắc của quân và dân ta đánh thắng cuộc tiến công quy mô lớn của thực dân Pháp cuối năm 1947 lên khu căn cứ địa Việt Bắc. Nhà thơ Chính Hữu lúc đó là chính trị viên đại đội thuộc trung đoàn Thủ đô, cùng đơn vị của mình tham gia chiến đấu suốt chiến dịch. Bài thơ là kết quả của những trải nghiệm thực và những cảm xúc sâu xa về tình đồng đội, đồng chí thấm thiết, sâu nặng của những người lính cách mạng và cũng chính là của tác giả với đồng đội trong chiến dịch Việt Bắc.

Bài thơ mở đầu bằng những lời tâm tình của hai người bạn ,những câu thơ mộc mạc ,tự nhiên ,mặn mà như một lời thăm hỏi quê quán cửa nhà:

Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá .

Hai dòng thơ đủ giới thiệu với người đọc về hoàn cảnh xuất thân của những người lính Họ đều có sự tương đồng về cảnh ngộ sinh ra và lớn lên từ những miền quê lam lũ , vất vả với cây cày, ruộng đồng. Họ từ các phương trời không hề quen nhau “từ muôn phương về tụ hội trong hàng ngũ của những người lính cách mạng”. Đến đây cùng chung nhiệm vụ chiến đấu để giải phóng quê hương, đất nước. Diễn đạt ý nghĩa đó, tác giả đã diễn tả bằng hình ảnh:

“Súng bên súng, đầu sát bên đầu”.

“Súng - đầu” sát bên nhau là tượng trưng cho ý chí và tình cảm, cùng chung lý tưởng, nhiệm vụ chiến đấu, sát cánh bên nhau. Tình đồng chí, đồng đội nảy nở và hình thành bền chặt trong sự chan hoà và chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui gắn bó. Đó là mối tình tri kỉ của những người bạn chí cốt mà tác giả đã biểu hiện bằng một hình ảnh cụ thể, giản dị mà hết sức gợi cảm:

“Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”.

Tri kỉ ngoài tình cảm gắn bó còn là tình cảm yêu thương đùm bọc, thấu hiểu chia xẻ những khó khăn vất vả và còn là lý tưởng sống tương đồng. Cùng nhau thực hiện lý tưởng đó. Sáu câu thơ trước hai tiếng “Đồng chí” ấy là cội nguồn và sự hình thành của tình đồng chí keo sơn giữa những người đồng đội.

Sau câu thơ này, nhà thơ hạ một câu, một dòng thơ, hai tiếng “Đồng chí” vang lên như một “nốt nhấn”, là sự kết tinh của mọi cảm xúc, mọi tình cảm. Câu thơ “Đồng chí” vang lên như một phát hiện, một lời khẳng định, đồng thời lại như một cái bản lề gắn kết đoạn đầu với đoạn thứ hai của bài thơ. Dòng thơ hai tiếng “Đồng chí” như khép lại, như lắng sâu vào lòng người cái tình ý sáu câu thơ đầu của bài thơ, như một sự lí giải về cơ sở của tình đồng chí.

Mạch cảm xúc và suy nghĩ trong bài thơ được triển khai trong đoạn thơ thứ hai là những biểu hiện cụ thể của tình đồng chí và sức mạnh của tình đồng chí. Sự biểu hiện của tình đồng chí và sức mạnh của nó được tác giả gợi bằng hình ảnh ở những câu thơ tiếp:

“ Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước, gốc đa nhớ người ra lính”

“Đồng chí”- đó là sự cảm thông sâu xa những tâm tư, nỗi lòng của nhau. Ba câu thơ trên đưa người đọc trở lại với hoàn cảnh riêng của những người lính vốn là những người nông dân vừa “rũ bùn đứng dậy sáng loà”. Họ ra đi trở thành những người lính nhưng mỗi người có một tâm tư, một nỗi lòng về hoàn cảnh gia đình, người thân, công việc đồng quê. Họ gửi lại tất cả cho hậu phương, gửi bạn thân cày cấy ruộng nương của mình. Họ nhớ lại những gian nhà trống không “mặc kệ gió lung lay”. Nhưng đành để lại, đành gửi lại, họ phải ra đi vì nghĩa lớn “cứu nước, cứu nhà.” Câu thơ phẳng phất đáng đắp hình ảnh kẻ trượng phu, tráng sĩ trong văn học cổ nhưng dứt khoát mạnh mẽ mà không dứt tình với quê hương.

Nhà thơ Thâm Tâm trong “Tống biệt hành” có viết:

Mẹ thì coi như chiếc lá bay
Chị thì coi như hạt bụi
Em thì coi như hơi rượu say.

Tình cảm của những người lính nhớ về hậu phương với một tình cảm lưu luyến khó quên. Họ tưởng tượng những người ở hậu phương đang ngày đêm mong nhớ (người ở lại nơi giếng nước, gốc đa) không nguôi nhớ

thương người thân của mình là những người lính nơi tiền tuyến. Tuy dứt khoát, mạnh mẽ ra đi nhưng những người lính không chút vô tình. Trong chiến đấu gian khổ, hay trên đường hành quân họ đều nhớ đến hậu phương- những người thân yêu nhất của mình. Đó là tình cảm chung của những người lính cách mạng:

“ Ôi! Những đêm dài hành quân nung nấu
Bồng bồng hồi nhớ mắt người yêu”(Nguyễn Đình Thi)

“Đồng chí”-đó là cùng chia sẻ những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời người lính với những hình ảnh chân thực, xúc động, gợi tả và gợi hình về những ngày tháng ở rừng.

“ Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi”

.....
Miệng cười buốt giá
Chân không giày”

Những câu thơ sóng đôi, đối ứng với nhau trong từng cặp, từng câu diễn tả khó khăn của những người lính chất chồng. Đó chưa phải là ác liệt của bom đạn chiến tranh mà đó chính là những cơn sốt rét rừng khủng khiếp. Nhà thơ Quang Dũng trong bài “Tây Tiến ”đã từng khắc họa rõ nét:

Tây tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm.

Cái ác liệt mà người lính phải đối mặt chính là những cơn sốt rét rừng khủng khiếp làm những người lính rụng hết cả tóc, da xanh như màu lá rừng.Sức mạnh nào đã giúp họ vượt qua?

Hình ảnh” thương nhau tay nắm lấy bàn tay” biểu hiện thật giản dị và xúc động tình cảm đồng chí, đồng đội thiêng liêng của những người lính. Tình cảm đó là nguồn sức mạnh và niềm vui để họ vượt qua. Cái “bắt tay”(như bàn tay biết nói) chính là tình cảm của người lính truyền cho nhau sức mạnh và niềm tin để họ vượt qua tất cả những gian lao, thiếu thốn, thử thách trong chiến đấu.

Tình đồng chí, đồng đội còn biểu hiện ở sự thử thách. Đoạn thơ cuối thật cô đọng bằng hình ảnh khi nhà thơ viết:

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo”.

Đây là một bức tranh đẹp của tình đồng chí, đồng đội- một bức tranh đặc sắc và có ý nghĩa.

Bức tranh trên là một cảnh thực trong một đêm phục kích “chờ giặc tới” tại một cảnh ”rừng hoang sương muối” hoang vắng lạnh lẽo nổi bật lên ba hình ảnh gắn kết với nhau ”vàng trăng khẩu súng và người lính” . Theo tác giả Chính Hữu: Trong chiến dịch, nhiều đêm có trăng đi phục kích giặc trong đêm, trước mắt họ chỉ có ba nhân vật khẩu súng , vàng trăng và người bạn chiến đấu. Ba nhân vật quyện vào nhau tạo ra hình ảnh đầu súng trăng treo. Lúc đầu tác giả viết “đầu súng mảnh trăng treo” sau bớt đi một chữ “đầu súng trăng treo”. Ngoài hình ảnh bốn chữ này có nhịp điệu như nhịp lắc của một cái gì lơ lửng, chông chênh trong sự bất ngất. Nó nói lên một cái gì lơ lửng ở xa chứ không phải là buộc chặt . suốt đêm vàng trăng từ bầu trời cao xuống thấp dần và có lúc như treo trên đầu mũi súng.

Câu thơ “đầu súng trăng treo” (chỉ có 4 chữ) gây cho người đọc một sự bất ngờ lí thú “ súng và trăng” hoà quyện toả sáng cả bài thơ. Hình ảnh thơ nói lên ý nghĩa cao đẹp của cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của anh bộ đội cụ Hồ trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp.

Bài thơ có ba khổ, ba tứ thơ, chủ yếu tạo thành ý chung xuyên suốt toàn bài thơ “Đồng chí”.“Đồng chí -thương nhau nắm lấy bàn tay - đầu súng trăng treo”. Hàm súc, mộc mạc, chân thực trong sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh, gợi tả, có sức khái quát cao, khắc họa được một trong những phẩm chất tốt đẹp của anh bộ đội cụ Hồ. Đó là mối tình đồng chí, đồng đội gắn bó, keo sơn, thấm đượm tình cảm, gian khổ có nhau, sống chết có nhau. Bài thơ có thực, có mơ tạo nên vẻ đẹp của hàm súc, gây cho người đọc những suy tư những cảm xúc sâu lắng. Đây là một trong những tác phẩm đầu tiên xây dựng thành công hình ảnh người lính cách mạng trong thơ ca kháng chiến.

Đề: Phân tích hình ảnh Đầu súng trăng treo trong bài thơ Đồng Chí của Chính Hữu.

Không biết tự bao giờ ánh trăng đã đi vào văn học như một huyền thoại đẹp. ở truyền thuyết “Chú cuội cung trăng” hay Hằng Nga trộm thuốc trường sinh là những mảng đời sống tinh thần bình dị đậm đà màu sắc dân tộc của nhân dân ta. Hơn thế nữa, trăng đã đi vào cuộc chiến đấu, trăng bảo vệ xóm làng, trăng được Chính Hữu kết tinh thành hình ảnh “đầu súng trăng treo” rất đẹp trong bài thơ Đồng chí của mình.

Sau hơn mười năm làm thơ, Chính Hữu cho ra mắt tập “Đầu súng trăng treo”. Thế mới biết tác giả đặc ý như thế nào về hình ảnh thật đẹp, thơ mộng, rất thực nhưng không thiếu nét lãng mạn đó.

Đầu súng trăng treo- đó là một hình ảnh tả thực một bức tranh tả thực và sinh động. Giữa núi rừng heo hút “rừng hoang sương muối” giữa đêm thanh vắng tĩnh mịch bỗng xuất hiện một ánh trăng treo lơ lửng giữa bầu trời. Và hình ảnh này cũng thật lạ làm sao, súng và trăng vốn tương phản với nhau, xa cách nhau vời vợi bỗng hoà quyện vào nhau thành một hình tượng gắn liền. Nhà thơ không phải tả mà chỉ gợi, chỉ đưa hình ảnh nhưng ta liên tưởng nhiều điều.

Đêm thanh vắng người lính bên nhau chờ giặc tới, trăng chéch bóng soi sáng rừng hoang bao la rộng lớn, soi sáng tình cảm họ, soi sáng tâm hồn họ... Giờ đây, người chiến sĩ như không còn vương bận về cảnh chiến đấu sắp diễn ra, anh thả hồn theo trăng, anh say sưa ngắm ánh trăng toả ngời trên đỉnh núi, tâm hồn người nông dân “nước mặn đồng chua” hay “đất cày trên sỏi đá” cần cỗi ngày nào bỗng chốc trở thành người nghệ sĩ đang ngắm nhìn vẻ đẹp ánh trăng vốn có tự ngàn đời. Phải là một người có tâm hồn giàu lãng mạn và một phong thái ung dung bình tĩnh lạc quan thì anh mới có thể nhìn một hình ảnh nên thơ như thế. Chút nữa đây không biết ai sống chết, chút nữa đây cũng có thể là giây phút cuối cùng ta còn ở trên đời này nhưng ta vẫn “mặc kệ”, vẫn say sưa với ánh trăng. ánh trăng như xua tan cái lạnh giá của đêm sương muối, trăng toả sáng làm ngời ngời lòng người, trăng như cùng tham gia, cùng chứng kiến cho tình đồng chí đồng đội thiêng liêng của những người lính. Trăng truyền thêm sức mạnh cho họ, tắm gội tâm hồn họ thanh cao hơn, trong sạch hơn, trăng cũng là bạn, là đồng chí của anh bộ đội Cụ Hồ.

Đầu súng trăng treo- hình ảnh thật đẹp và giàu sức khái quát. Súng và trăng kết hợp nhau; súng tượng trưng cho chiến đấu- trăng là hình ảnh của thanh bình hạnh phúc. Súng là con người, trăng là đất nước quê hương của bốn nghìn năm văn hiến. Súng là hình ảnh người chiến sĩ gan dạ kiên cường- Trăng là hình ảnh người thi sĩ. Sự kết hợp hài hoà tạo nên nét lãng mạn bay bổng vừa gợi tả cụ thể đã nói lên lí tưởng, mục đích chiến đấu mà người lính ấy đang tham gia. Họ chiến đấu cho sự thanh bình, chiến đấu cho ánh trăng mãi nghiêng cười trên đỉnh núi. Ta hãy tưởng tượng xem: giữa đêm khuya rừng núi trập trùng bỗng hiện lên hình ảnh người lính đứng đó với súng khoác trên vai, nòng súng chéch lên trời và ánh trăng lơ lửng ngay nòng ngọn súng. Đó là biểu tượng Khát Vọng Hoà Bình, nó tượng trưng cho tư thế lạ quan bình tĩnh, lãng mạn của người bảo vệ Tổ quốc.

Cái thần của câu thơ “Đầu súng trăng treo” nằm ở từ “treo”, ta thử thay bằng từ mọc thì thật thà quá, làm sao còn nét lãng mạn? Và hãy thay một lần nữa bằng từ “lên” cũng không phù hợp, vì nó là hiện tượng tự nhiên: trăng tròn rồi khuyết, trăng lên trăng lặn sẽ không còn cái bất ngờ màu nhiệm nữa. Chỉ có trăng “treo”. Phải, chỉ có “Đầu súng trăng treo” mới diễn tả hết được cái hay, cái bông bênh thơ mộng của một đêm trăng “đứng chờ giặc tới”, chẳng thơ mộng chút nào. Ta nên hiểu bài thơ dường như được sáng tác ở thời điểm hiện tại “đêm nay” trong một không gian mà mặt đất là “rừng hoang sương muối” lạnh lẽo và lòng đầy pháp phùng giặc sẽ tới có nghĩa là cái chết có thể đến từng giây từng phút. Thế nhưng người lính ấy vẫn đứng cạnh nhau để tâm hồn họ vút lên nở thành vàng trăng. Nếu miêu tả hiện thực thì vàng trăng ấy sẽ có hình khối của không gian ba chiều. ở đây, từ điểm nhìn xa, cả vàng trăng và súng đều tồn tại trên một mặt phẳng và trong hội hoạ nó mang tính biểu tượng cao. Tố Hữu cũng có một câu thơ kiểu này: “ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan” và Phạm Tiến Duật thì “Và vàng trăng vọt lên trên quãng lửa” hay Hoàng Hữu “Chỉ một nửa vàng trăng thôi một nửa. Ai bỏ quên ở phía chân trời...”. Nhưng có lẽ cô kết nhất, hay nhất vẫn là “Đầu súng trăng treo”.

Như đã nói ở trên, không phải ngẫu nhiên mà Chính Hữu lấy hình ảnh “Đầu súng trăng treo” làm tựa đề cho tập thơ của mình. Nó là biểu tượng, là khát vọng và cũng là biểu hiện tuyệt vời chất lãng mạn trong bài thơ cách mạng. Lãng mạn nhưng không thoát li, không quên được nhiệm vụ và trách nhiệm của mình. Lãng mạn vì con người cần có những phút sống cho riêng mình. Trước cái đẹp mà con người trở nên thờ ơ lãnh đạm thì cuộc sống vô cùng tẻ nhạt. Âm hưởng của câu thơ đã đi đúng với xu thế lịch sử của dân tộc. Hình ảnh trăng và súng đã có nhiều trong thơ Việt Nam nhưng chưa có sự kết hợp kì diệu nào bằng hình ảnh Đầu súng trăng treo của Chính Hữu.

Nếu như Elsa Trioslet – nữ văn sĩ Pháp có nói “Nhà văn là người cho máu” thì tôi hãnh diện nói với văn sĩ rằng: Chính Hữu đã cho máu để tạo nên câu thơ tuyệt vời để cống hiến cho cuộc kháng chiến của chúng ta. Và bạn ơi! Bạn hãy thả cùng tôi những chú chim trắng trên bầu trời, hãy hát vang lên ca khúc Hoà Bình vì hình ảnh đầu súng trăng treo mà nhà thơ đã gợi vào đó bao nhiêu khát vọng nay đã thành hiện thực

Bài tập mở rộng: So sánh hình ảnh người lính trong thời kỳ k/c Pháp và hình ảnh người lính trong thời kỳ k/c chống Mỹ qua hai bài thơ “Đồng chí”- Chính Hữu và “Bài thơ....kính”.

Giới thiệu chung

- Về đề tài: Dân tộc ta đứng lên tiến hành hai cuộc chiến tranh cách mạng oanh liệt chống Pháp và chống Mỹ. Lễ tất nhiên, ở đất nước hơn ba mươi năm chưa rời tay súng. Hình ảnh anh “Bộ đội cụ Hồ” là hình ảnh “con người đẹp nhất” đáng yêu nhất trong văn thơ và là niềm tự hào lớn của dân tộc.
- Về hai tác phẩm: Cùng với nhiều bài thơ khác, bài thơ “Đồng chí” sáng tác vào đầu năm 1948 khi tác giả Chính Hữu chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc, bài thơ “Tiểu đội xe không kính” sáng tác năm 1969 khi tác giả Phạm Tiến Duật tham gia hoạt động ở tuyến đường Trường Sơn đã khắc họa thành công về đề tài người lính.
- Về luận đề: hình tượng anh bộ đội được ghi lại trong hai bài thơ đã lưu giữ trong văn chương Việt Nam hai gương mặt đẹp, đáng yêu của người lính trong hai thời kỳ lịch sử.

Ý 2: Phân tích lịch sử

1. Những điểm chung: Đây là người lính của nhân dân nên họ cùng mang những vẻ đẹp chung:

- Yêu nước, yêu quê hương yêu đồng chí:
- + Có thể phân tích các câu thơ “Giếng nước gốc đa nhớ người ra trận” (Đồng chí) và “Xe vẫn chạy vì miền nam phía trước” (Tiểu đội xe không kính).
- + Có thể phân tích cử chỉ nắm tay chặt chứa bao tình cảm không lời trong cả hai bài thơ thể hiện sự gắn bó đồng chí
- Vượt qua mọi khó khăn gian khổ để quyết tâm tiêu diệt giặc hoàn thành nhiệm vụ:
- + Tất cả những khó khăn gian khổ, thử thách được tái hiện bằng những chi tiết hết sức thật, không né tránh tô vẽ trong cả hai bài thơ.
- + Thế mà, các chiến sĩ đều có một tư thế ngoan cường “chờ giặc tới”, “ung dung nhìn thẳng”.
- Lạc quan tin tưởng: Cả hai bài thơ đều thể hiện tinh thần lạc quan của người lính. Từ “miệng cười buốt giá” của anh bộ đội kháng chiến chống Pháp đến “nhìn nhau mặt lấm cười ha ha” của anh lính lái xe thời chống Mỹ đều thể hiện tinh thần lạc quan, khí phách anh hùng.

2. Những điểm riêng khác nhau

- Bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu thể hiện người lính nông dân thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp với vẻ đẹp giản dị, mộc mạc mà sâu sắc. Tình đồng chí thiêng liêng hòa quyện với tình giao tiếp khi lý tưởng chiến đấu đã rực sáng trong tâm hồn.

“Súng bên súng đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ

Đồng chí!”

- Bài thơ “Tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật thể hiện người lính lái xe trong cuộc kháng chiến chống Mỹ với vẻ đẹp trẻ trung, ngang tàng. Đây là thế hệ những người lính có học vấn, có bản lĩnh chiến đấu, có tâm hồn nhạy cảm, có tính cách riêng mang chất “lính” đáng yêu. Họ tất cả vì miền Nam ruột thịt với trái tim yêu nước cháy bỏng.

“Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước

Chỉ cần trong xe có một trái tim”

Ý 3: Đánh giá chung

- Hình tượng người lính dù ở thời kỳ kháng chiến chống Pháp hay kháng chiến chống Mỹ đều mang phẩm chất cao đẹp của “anh bộ đội cụ Hồ” thời đại đã cung cấp cho các nhà thơ nhưng nguyên mẫu đẹp đẽ, họ tạo nên những hình tượng làm xúc động lòng người.
- Viết về những người lính, các nhà thơ nói về chính mình và những người đồng đội của mình. Vì thế, hình tượng người chân thật và sinh động

đề bài: Phân tích vẻ đẹp của người lính Cách mạng trong bài thơ Đồng Chí

Bài làm 1:

Trang sử hào hùng của dân tộc Việt Nam có thể xem là những trang vàng về chặng đường xây dựng và bảo vệ đất nước của nhân dân ta. Có lẽ chính vì vậy mà hình tượng người lính cách mạng đã được khai thác, đào sâu trong nhiều tác phẩm thơ văn qua nhiều thời kì lịch sử khác nhau. Một trong những bài thơ đã xây dựng thành công vẻ đẹp của hình ảnh người lính trong thời kì kháng chiến chống Pháp và tình cảm gắn bó keo sơn của họ đó là bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu. (Nhà thơ Chính Hữu bắt đầu hoạt động trong quân đội từ năm 1946 và tham gia cả hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Có lẽ vì vậy mà thơ của ông hầu như chỉ hướng về đề tài người lính và chiến tranh. Thu đông năm 1947, Chính Hữu cùng đồng đội tham gia chiến dịch Việt Bắc và không may

bị thương. Cảm động trước sự quan tâm chăm sóc của những người đồng chí đồng đội, đầu năm 1948, ông viết bài thơ này để thể hiện những cảm xúc sâu xa và mạnh mẽ của mình.) Mở đầu là bảy câu thơ lí giải những cơ sở hình thành tình đồng chí đồng đội. Trước hết là xuất thân của những người lính: Quê hương anh nước mặn đồng chua Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá. “Nước mặn đồng chua” quê anh là một vùng đất ven biển, quanh năm nhiễm mặn nhiễm phèn; quê tôi “đất cày lên sỏi đá” là vùng đồi núi cằn cỗi, chỉ toàn đá vôi sỏi. Việc sử dụng hai thành ngữ dân gian trên đã gợi lên cảnh nghèo khó của vùng quê. Nhịp thơ mở đầu chậm rãi, từ tốn như một lời tâm sự bồi ngùi khi nhắc về những làng quê. Lớn lên từ những nơi ấy, “anh” và “tôi” là những người nông dân lam lũ, một nắng hai sương vất vả sớm chiều. Niềm vui được sống trong hòa bình yên ổn chưa được bao lâu thì thực dân Pháp đã quay trở lại xâm lược nước ta, và chiến tranh lại bắt đầu. Họ từ bỏ mọi thứ, vẫy chào quê hương tình nguyện vào chiến trường. Điều gì khiến họ trở nên như vậy? Chính sự nô lệ và cái đói nghèo đã cướp đi cuộc sống và sự tự do của những người nông dân, họ sẵn sàng đứng lên chiến đấu để giành lại miếng cơm manh áo của mình. Đó cũng là lí do để gắn kết những con người từ “xa lạ” bỗng thành “quen nhau”. Hai câu thơ vừa như đối nhau, vừa như song hành, thể hiện tình cảm ban đầu của những người lính. Tình cảm ấy như được tô đậm nét hơn khi họ gần gũi, thân thiết với nhau hơn qua từng ngày. Cùng chung lí tưởng chiến đấu, chung một hoàn cảnh xuất thân, chung nhiệm vụ. Và tình đồng chí đồng đội giữa họ như nảy sinh từ những cái chung nhỏ bé đó: Súng bên súng, đầu sát bên đầu Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ. “Đôi tri kỉ” hiểu bạn như hiểu mình, từ “đôi” thể hiện sự gắn bó mật thiết không thể tách rời được. Đề từ đó dòng thơ thứ 7 như một dòng cảm xúc mạnh mẽ tuôn trào Đồng chí ! Câu thơ chỉ có hai tiếng nhưng âm điệu lạ lùng đã tạo nên một nốt nhạc trầm ấm, vẫn vương trong lòng người đọc. Nốt nhạc ấy như một nút thắt của bài thơ: khép lại chặn đường từ những con người xa lạ đến thân quen và mở ra một nguồn xúc cảm mới: tình đồng chí. Tình đồng chí như là một sự kết tinh của tình người và tình bạn, là thứ tình cảm thiêng liêng, bất diệt giữa những người đồng đội luôn kề vai sát cánh bên nhau. Tình đồng chí thể hiện bằng sự thấu hiểu hoàn cảnh, sự cảm thông chia sẻ những tâm tư của nhau Ruộng nương anh gửi bạn thân cày Gian nhà không mặc kệ gió lung lay Đồng chí là những người rời bỏ quê hương, bỏ lại đằng sau những con người thân thương, phải rời xa xóm làng, xa những cánh đồng quê quen thuộc. “Gian nhà không” trông trải gợi lên cái nghèo khó không chỉ của anh lính mà còn là cái nghèo chung của cả một vùng nông thôn buồn tẻ. Vậy mà anh vẫn “mặc kệ” cho “gió lung lay” dấu biết rằng khi trở về, căn nhà tạm bợ ấy có thể không còn đứng vững. Điều đó thể hiện quyết tâm ra đi vì nghĩa lớn của những người nông dân mặc áo lính để tìm lại linh hồn cho Tổ quốc Việt Nam. Nhưng đâu đó, trong sâu thẳm hoài niệm của những người lính kia vẫn nằm lòng nỗi nhớ về quê hương Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính. Trở lại với cuộc sống chiến đấu nơi chiến trường ác liệt, chống chọi với cái nóng lạnh của sốt rét rừng, họ luôn đồng cam cộng khổ, chia sẻ cho nhau những khó khăn, thiếu thốn về vật chất: Áo anh rách vai Quần tôi có vài mảnh vá Miệng cười buốt giá Chân không giày Những thiếu thốn nhỏ nhoi đó được diễn tả bằng những từ ngữ vô cùng mộc mạc, giản dị cùng giọng thơ bình thản không chút bận tâm. Không như: Rách tả tôi rồi đôi giày vạn dặm Bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa trong bài “Ngày về” của nhà thơ. Những gian lao, thiếu thốn trong cuộc sống của người lính những năm kháng chiến chống pháp hiện lên rất cụ thể, chân thực : áo rách, quần vá, chân không giày, ... Sự từng trải của đời lính đã cho Chính hữu "biết" được sự khổ sở của những cơn sốt rét rừng hành hạ : người nóng sốt hằm hập đến ướt cả mồ hôi mà vẫn cứ ớn lạnh đến run người. Thế nhưng, những người lính vẫn cười trong gian lao, bởi họ có hơi ấm và niềm vui của tình đồng đội "thương nhau tay nắm lấy bàn tay". Hơi ấm ở bàn tay, ở tấm lòng đã chiến thắng cái lạnh ở "chân không giày" và thời tiết "buốt giá". Đó là cử chỉ thân thương đơn giản nhưng qua nó, họ truyền những hơi ấm tình thương cho nhau, truyền nghị lực chiến đấu cho nhau trong phiên canh gác. Trong đoạn thơ, "anh" và "tôi" luôn đi với nhau, đáng chú ý là người lính bao giờ cũng nhìn bạn trước, nói về bạn trước khi nói về mình. “Anh” và “tôi” có khi đứng chung trong một câu thơ, có khi đi song đôi trong từng cặp câu liền nhau. Cấu trúc ấy đã diễn tả sự gắn bó, chia sẻ của những người đồng đội. Giữa cảnh núi rừng mênh mông heo hút giữa đêm khuya, họ “đứng cạnh bên nhau”, kề vai sát cánh bên nhau “chờ giặc tới” dưới màn sương muối lạnh lẽo cùng nụ cười ngạo nghễ trên môi. Nụ cười “buốt giá” ấy là nụ cười lạc quan chiến thắng, là nụ cười tỏa sáng trong đêm, sưởi ấm tâm hồn những con người anh dũng. Nụ cười ấy còn soi sáng bức tranh vô cùng lãng mạn và độc đáo cuối bài: Đầu súng trăng treo. Hình ảnh này, vừa gợi lên sự lãng mạn, bay bổng. Sự hòa quyện giữa hai đối cực: hiện thực và lãng mạn, chiến đấu và trữ tình đã gắn kết ba hình ảnh làm một: người lính, khẩu súng, vầng trăng. Trăng treo đầu súng tạo nên chiều cao, những người lính đứng cạnh nhau tạo nên chiều rộng và ý chí chiến đấu tạo nên chiều sâu. Tất cả đã tạo nên một không gian thi trung hữu họa thật đặc sắc. Từ hình ảnh thực nơi chiến trường, tác giả đã nâng lên thành hình ảnh khái quát mang ý nghĩa tượng trưng cho vẻ đẹp tinh thần của người lính. Súng và trăng – gần và xa

– thực tại và mơ mộng. Đó là vẻ đẹp hài hòa của người chiến sĩ – thi sĩ. Súng là biểu tượng của chiến tranh ác liệt. Trăng là vẻ đẹp của hòa bình, tự do. Súng cũng là lí tưởng chiến đấu của người chiến sĩ. Trăng là tâm hồn của người thi sĩ. Súng nơi người lính là sự bảo vệ chở che cho vầng trăng hòa bình. Cuộc chiến đấu hôm nay là để cho ánh trăng hòa bình mãi thấp sáng bầu trời khuya trên quê hương người chiến sĩ mai sau. Nhịp thơ 2/2 như gọi lên nhịp lắc của một cái gì đó chung chiêng, lơ lửng giữa khung trời bát ngát chứ không cột chặt, gò bó. Động từ “treo” với chủ thể “trăng” tạo một hình ảnh vô cùng độc đáo và lí thú. Hình ảnh ấy thật cô đọng, gợi cảm mà sâu sắc, lắng sâu vào tâm hồn người đọc, nó kết thúc bài thơ đồng thời làm nổi bật vẻ đẹp của tình đồng chí đồng đội keo sơn gắn bó. Bài thơ khai thác vẻ đẹp của hình ảnh người nông dân mặc áo lính từ cuộc sống đời thường, ngôn ngữ thơ giản dị, mộc mạc, chân thực mà giàu sức biểu cảm nhờ thể thơ tự do. Tình cảm gắn bó của những người đồng chí đồng đội đã làm nên một sức mạnh vĩ đại của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, làm nên thắng lợi lịch sử vẻ vang của dân tộc ta là chấn động địa cầu: chiến thắng Điện Biên Phủ 1954, kết thúc chín năm kháng Pháp ròng rã gian lao. Chính Hữu như đã khắc vào cả một giai đoạn lịch sử một bức tranh bất diệt của những người lính nông dân.

(Bài làm của Trịnh Minh Hiếu-lớp 9E2 trường THPT Nguyễn Trãi)

Bài làm 2

Vào những năm kháng chiến chống Pháp, đất nước ta sục sôi ý chí, quyết tâm đánh giặc. Hoà mình vào khí thế ấy đã có hàng vạn, hàng triệu thanh niên nhập ngũ. Những chiến sĩ dũng cảm, can trường ấy đã trở thành một hình tượng, một đề tài trong thơ ca thời đó. Một trong những bài thơ rất hay về người chiến sĩ, về tình đồng đội là bài Đồng chí của nhà thơ lính Chính Hữu. Bài thơ mở đầu như lời tâm sự của hai người chiến sĩ: Quê hương anh nước mặn, đồng chua Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá, Anh với tôi đôi người xa lạ Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau, Bằng ngôn ngữ bình dị, vận dụng thành ngữ và cách nói quen thuộc, cùng nghệ thuật sóng đôi, Chính Hữu đã đưa ra hình ảnh rất cụ thể mà có ý nghĩa khái quát về hoàn cảnh xuất thân của những người lính cụ Hồ thời chống Pháp. Họ ra đi từ những miền quê nghèo, vất vả, lam lũ. Chính sự tương đồng về hoàn cảnh đã tạo cơ sở ban đầu cho tình đồng chí. Tình cảm giữa những người chiến sĩ càng gắn bó khi họ cùng chung chí hướng, chung lý tưởng Súng bên súng, đầu sát bên đầu Chỉ với hai hình ảnh cụ thể được hoán dụ, lại sắp xếp theo kiểu sóng đôi, nhà thơ đã diễn tả một cách chân thực tình đồng chí, đồng đội khi họ cùng chung nhiệm vụ trên một chiến hào. Cuộc sống gian khổ của đời lính khiến họ dễ đồng cảm với nhau, trở thành tri âm, tri kỷ của nhau. Hai tiếng “đồng chí” vang lên bình dị mà vô cùng xúc động. Chỉ hai tiếng làm thành một dòng thơ riêng, độc đáo thể hiện cảm xúc lắng đọng đang ngân lên trong lòng mỗi chiến sĩ. Chỉ cần hai tiếng ấy đủ diễn tả tất cả những tình cảm cao đẹp và sâu sắc nhất của người lính. Là tri kỉ, họ hiểu rõ nỗi lòng, tâm sự của nhau: Ruộng nương anh gửi bạn thân cày Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính Chính những đêm giá rét, nằm bên nhau đắp chung tấm chăn trong rừng Việt Bắc, họ đã trao gửi cho nhau những tình cảm, như nỗi suy nghĩ, những nỗi nhớ gia đình, quê hương. Người chiến sĩ hiểu và thông cảm với nhau hơn bao giờ hết. Vì trong tâm hồn họ, đều có rất nhiều điểm chung: họ đều là những con người quyết tâm ra đi, hi sinh cho làng quê, cho đất nước thân yêu. Đối với họ, những người xuất thân từ nông dân, những người con của đất, thì còn gì quý giá quan trọng hơn là mảnh vườn, là đồng ruộng, là gia đình, là người thân. Vậy mà họ sẵn sàng từ bỏ tất cả. “Mặc kệ” không phải là thái độ thờ ơ, bàng quan, mà là cái “mặc kệ” quyết dứt bỏ, quyết tâm mãnh liệt ra đi để giải phóng cho đất nước mà ta đã từng nghe: Mẹ tha coi như chiếc lá bay Chỉ tha coi như là hạt bụi Em tha coi như hơi rượu say (Tống biệt hành – Thâm Tâm) Người chiến sĩ sẵn sàng từ bỏ cái riêng để cống hiến cho cái chung. Anh sẵn sàng nhờ bạn cày giúp mảnh vườn, sẵn sàng bỏ lại ngôi nhà, người thân, gia đình, quê hương. Anh ra chiến trường, hiến dâng cho Tổ quốc. Người chiến sĩ ngoài mặt trận nhưng lại biết “gian nhà không” đang “lung lay” trước từng cơn gió, biết “giếng nước gốc đa” vẫn đang nhớ đến mình. Phải là người thật gắn bó, thật thân thiết với quê hương thì mới có thể luôn hướng về quê hương như thế. “Giếng nước gốc đa” là hình ảnh ẩn dụ được tác giả sử dụng rất thành công: đó là nơi dân làng thường tụ tập sau những buổi đồng áng, là nơi trao đổi thông tin, và phải chăng, họ đang nhắc đến anh, người con của quê hương? Đó còn là nơi hẹn hò, tình tự của những anh nông dân, những cô thôn nữ, gắn liền với những kỷ niệm đẹp của thời thanh xuân. Và khi nhắc đến “giếng nước gốc đa”, phải chăng người chiến sĩ không chỉ nhớ đến làng quê, nhớ người thân, mà còn nhớ đến hồn quê, cả đến những sự vật gắn bó còn đang ở lại quê nhà. Nhớ đến tất cả, hình dung rằng tất cả đang nhớ đến mình, người chiến sĩ càng vững tin hơn ở con đường phía trước, càng mong mỏi hơn về độc lập, càng cầm chắc tay súng để chiến đấu. Trong họ luôn luôn là một suy nghĩ: họ ra đi là vì làng quê, họ vì làng quê mà chiến đấu. Những chiến sĩ biết hi sinh cho cái chung như vậy thật đáng quý biết bao! Người chiến sĩ tự nguyện ra chiến trường, vì thế, họ đủ nghị lực ném trái bao khó

khăn, thử thách: Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi. Áo anh rách vai Quần tôi có vài mảnh vá Miệng cười buốt giá Chân không giày Thương nhau tay nắm lấy bàn tay. Người chiến sĩ đã phải trải qua bao khó khăn vất vả, đau đớn, bệnh tật. Chính Hữu bản thân là một người lính, nên ông đã miêu tả rất thật cái đau đớn của căn bệnh sốt rét. Nhưng đó không phải là gian khổ duy nhất mà người lính phải trải qua. Họ còn phải chịu đựng cái lạnh giá, trong khi quân trang, quân phục lại rất thiếu thốn. Vào thời kỳ cuộc kháng chiến chống Pháp, nước ta thực sự đang rất nghèo nàn, lạc hậu, vũ khí còn rất thô sơ, không đủ để chiến đấu, huống chi là quân trang, quân phục. Bởi vậy mà người lính phải thường xuyên mặc "áo rách", "quần vá", "chân không giày". Vậy mà họ vẫn kiên cường đạp lên tất cả chông gai, vượt qua mưa bom, bão đạn, chiến thắng mọi vũ khí hiện đại nhất của giặc Pháp, đủ thấy được tinh thần chiến đấu của họ cao đến chừng nào. Những hình ảnh mà Chính Hữu mô tả không hề cường điệu hoá. Đó là những hình ảnh hoàn toàn chân thực về cuộc sống chiến đấu của người lính. Nếu như ta biết rằng chỉ một năm trước, chính nhà thơ đã viết về người lính bằng những vần thơ đầy chất lãng mạn: Rách tả tay rồi đôi hài vụn dăm Bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa. (Ngày về) Thì nay, trải qua cuộc sống của người chiến sĩ, hầu như ông và các nhà thơ khác đều hiểu khác, nghĩ khác và viết khác. Viết về người chiến sĩ là viết về hiện thực, mới thực sự làm người đọc xúc động và hiểu hơn, thấm thía hơn về sự khổ cực của người lính: Hoan hô chiến sĩ Điện Biên Năm mươi sáu ngày đêm khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt. (Hoan hô chiến sĩ Điện Biên – Tố Hữu) Người chiến sĩ đều vượt qua mọi khó khăn, gian khổ vì ý chí, nghị lực và chính vì tinh đồng chí đã giúp họ đứng dậy, đạp hết chông gai. Nhìn vào đoạn thơ, ta thấy hình ảnh hai người chiến sĩ được lặp đi, lặp lại, lúc thì "Tôi với anh...", lúc thì "Áo anh...", lúc thì "Quần tôi...", họ nói về nhau, soi vào nhau, để nhận ra nhau, nhận ra chính mình. Tinh đồng chí đã được Chính Hữu nâng lên thành tình tri kỷ, tình bạn bè thân thuộc. Trong anh có cái của tôi và trong anh tôi tìm được tôi. Để rồi cả hai nhập làm một: "tay nắm lấy bàn tay". Cái bắt tay thân mật, thấm thiết, siết chặt tinh đồng chí keo sơn. Cái bắt tay để truyền cho nhau sức mạnh chiến đấu, truyền cho nhau tình thương yêu, cổ vũ cho nhau vượt qua khó khăn, thử thách. Cái bắt tay âm thầm, lặng lẽ, không cần ồn ào, không cần nói lời hoa mỹ, họ chỉ cần trao nhau hơi ấm từ lòng bàn tay, hơi ấm từ trái tim, vì họ đã hiểu rõ lòng nhau, vì họ "thương nhau". Hơi ấm lan toả cả hai người, làm hai người nở một nụ cười, dù là "buốt giá". Hơi ấm đủ làm xoá đi cái nhột nhột, lạnh căm của mùa đông, đủ để sưởi ấm lên tinh đồng chí, đồng đội. Kết thúc bài thơ là hình ảnh: Đêm nay rừng hoang sương muối Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới Đầu súng trăng treo. Giữa rừng đêm hoang vu, lạnh lẽo, đầy bất trắc rình rập, họ vững tin đứng cạnh nhau, khoát súng trên vai, đầu súng hướng lên trời, tư thế hiên ngang "chờ giặc tới". Ành trăng đêm, có lẽ là trăng cuối tháng, cứ chềch dần, chềch dần, cho tới khi chạm tới đầu mũi súng, đầu súng như vươn tận lên trời cao. Tác giả đã rất sáng tạo mới viết nên được hình ảnh vừa rất thực, vừa rất lãng mạn, gợi cảm này. Mặt trăng như được cụ thể hoá, trở thành một vật treo trên đầu súng. Biện pháp tương phản càng làm hình ảnh thơ thêm giàu ý nghĩa, Trăng trên trời cao, lơ lửng giữa màn đêm, súng ở dưới đất, đặt trên vai người chiến sĩ, vậy mà ở một góc nhìn đặc biệt, Chính Hữu đã "bắt" được hình ảnh vô cùng độc đáo ấy. Trăng từ muôn đời nay tượng trưng cho cái yên tĩnh, tĩnh lặng, cái thi vị, lãng mạn, còn súng là thứ vũ khí lạnh lùng, nguy hiểm, biểu tượng của chiến tranh, sự tàn phá dữ dội. Thế nhưng khi có bàn tay của Chính Hữu đặt hai hình ảnh ấy lại gần nhau thì chúng lại bổ sung cho nhau, tạo nên một ý nghĩa mới: Súng trong tay kẻ thù mới là vũ khí nguy hiểm, còn súng trong tay hai người đồng đội, người chiến sĩ kia, thì súng là vũ khí để họ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ sự bình yên, bảo vệ ánh trăng thanh bình. Trăng trên trời cao soi sáng đôi bạn, như muốn làm bạn với hai người chiến sĩ, muốn ngợi ca, soi rõ tình đồng đội thiêng liêng, cao đẹp của hai người. Hình ảnh mặt trăng treo trên đầu mũi súng còn cho ta thấy được đời người lính chiến không phải lúc nào cũng chỉ là nguy hiểm, là đối mặt với đạn bom, là sự hy sinh, mà cuộc đời của họ còn bắt gặp được những hình ảnh vô cùng lãng mạn, đẹp đẽ, thi vị, ngay trong không gian và thời gian của chiến tranh. Hình ảnh trăng và súng được Chính Hữu chọn để kết thúc bài thơ, như để xoa dịu đi những khó khăn vất vả của người lính chiến, xoá bớt những gian khổ hi sinh của họ và để làm sáng lên tinh đồng chí cao đẹp của hai người chiến sĩ giữa rừng khuya. Bài thơ kết thúc nhưng lại mở ra những suy nghĩ mới trong lòng người đọc. Bài thơ đã làm sống lại một thời khổ cực của ông cha ta, làm sống lại chiến tranh ác liệt. Bài thơ khơi gợi lại những kỷ niệm đẹp, những tình cảm tha thiết gắn bó yêu thương mà chỉ có những người đã từng là lính mới có thể hiểu và cảm nhận hết được. Với nhiều hình ảnh chọn lọc, từ ngữ gợi cảm mà lại gần gũi thân thuộc, với biện pháp sóng đôi, đối ngữ được sử dụng rất thành công, Chính Hữu đã viết nên một bài ca với những ngôn từ chọn lọc, bình dị mà có sức ngân vang. Bài thơ đã ca ngợi tinh đồng chí hết sức thiêng liêng, như là một ngọn lửa vẫn cháy mãi, bập bùng, không bao giờ tắt, ngọn lửa thắp sáng đêm đen của chiến tranh..... (Bài làm của Ngô Thế Tùng-9A1 Trường THCS Hồng Bàng-Hải Phòng)

***Đề bài: Bài thơ “Đồng Chí” của Chính Hữu là một bài thơ hay về tình đồng chí, đồng đội. Hãy cho biết ý kiến của em về bài thơ này.**

Bài làm

“Anh vẫn hành quân
Trên đường ra chiến dịch”

Đã từ lâu, hình tượng người chiến sĩ quân đội đã đi vào lòng dân và văn chương với những tư thế, tình cảm, phẩm chất đẹp đẽ. Danh từ “bộ đội cụ Hồ” đã trở thành tên gọi thân thương nhất của nhân dân giành cho người chiến sĩ. Viết về đề tài quân đội có khá nhiều tác giả, nhưng để thành công thì không dễ mấy ai. Riêng nhà thơ – người chiến sĩ Chính Hữu bằng cảm xúc của người trong cuộc đã thành công xuất sắc với bài thơ “Đồng chí”. Tác phẩm đã diễn tả thật cảm động mối tình đồng chí thiêng liêng và xứng đáng là một bài thơ hay trong nền văn học Việt Nam.

“Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau”

Xuyên suốt bài thơ, người đọc cảm nhận được một giọng thơ mộc mạc, chân thành tựa như lời tự sự thủ thỉ về cuộc sống, về những người chiến sĩ từ áo vải quần nâu đã một lòng đứng dậy giành tự do cho quê hương. Họ là những người dân bình thường chân chất, cùng chung một cái nghèo, vì lý tưởng đã không quản gian lao ra đi và gặp nhau. Trong tâm tư của họ có những cái chung và cái riêng. Cái riêng của họ là những người xa lạ, khác quê hương, khác tính tình. Song họ lại có cùng một cái chung: đó là nỗi nhớ quê hương, nhớ mẹ già, vợ trẻ, con thơ, nỗi day dứt về những việc còn dang dở, về gian nhà trống trải không người sửa mái để tránh những cơn gió mùa, về ruộng vườn, làng xóm thân thương. Từ những cái chung, từ những năm tháng khó khăn vất vả, họ đã xích lại gần nhau và trở thành đồng chí. “Đồng chí”, dù Chính Hữu chưa một lần giải thích nhưng người đọc, qua những vần thơ mộc mạc, giọng thơ gần gũi đã hiểu thông suốt, rõ ràng giá trị đích thực của nó.

Cũng như giọng thơ, ngôn ngữ trong bài là ngôn ngữ đời sống dân dã, mộc mạc thôn quê.

“Anh với tôi đôi người xa lạ”, tác giả không sử dụng từ “hai” mà lại nói “đôi”. Thông thường từ “đôi” thường gắn với danh từ như “đũa”, “chim”. Đã “đôi” tức là bao giờ cũng phải gắn bó chặt chẽ với nhau, keo sơn, thắm thiết. Chính Hữu dùng từ này để khẳng định tình thân giữa hai người, đồng thời làm lời thơ thêm giản dị gần với đời thường. Tuy nhiên đôi thường nhưng không phải là tầm thường, thô thiển bởi tác giả khéo léo chọn đưa ngôn ngữ cuộc sống thành ngôn ngữ văn chương.

Trong bài thơ, hai lần tác giả dùng cụm từ “anh với tôi”. “Anh với tôi” là để soi vào nhau, nhận diện nhau và để nhận ra chính mình. Cũng có lúc, “anh” và “tôi” được tách riêng ra. Trong lúc ấy, “anh” và “tôi” cũng vẫn giống nhau, vẫn dễ hòa làm một:

“Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá”

Quả đúng vậy, trong “anh” còn có cả “tôi” nữa. Anh với tôi đều giống nhau, đều là những người chiến sĩ dầm mưa dãi nắng, gai cào bùn dầy, khuôn mặt cùng ám khói súng, sạm màu trận mạc, nào có gì khác nhau! Cái nét nghệ thuật tài tình của Chính Hữu có lẽ là ở đây.

Kết cấu cũng là một nghệ thuật tinh tế của “Đồng chí”. Bài thơ không tuân theo những quy luật về âm vận mà tự do, phóng khoáng để bộc lộ hết cảm xúc của tác giả:

“Súng bên súng, đầu sát bên đầu
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ
Đồng chí!”

Đột nhiên giữa bài thơ, từ “đồng chí” đứng độc lập tạo thành một câu thơ có tác dụng như một lời nói thiết tha, chân thành, khẳng định cái giá trị chân thực của tình đồng chí. Tứ thơ đột nhiên chuyển mạch nhưng không rời rạc, ngắn gọn nhưng không khô khan mà trái lại, nó thấm đượm ân tình, thiết tha, nồng hậu như nhắc, như bảo, như khẳng định rằng: “Tình đồng chí chỉ có được qua khó khăn gian khổ”. Ví như những người chiến sĩ này, như “anh” và “tôi”, những người lính đã nếm mùi đói rét, khó khăn, đương đầu với khói lửa trận mạc, chấp nhận hy sinh, “biết từng cơn ớn lạnh”, “sốt run người vùi vùi trán ướt mồ hôi” của những trận sốt rét khốc liệt đánh gục được cả những người khỏe mạnh nhất.

Mở đầu bài thơ là hình ảnh “Anh với tôi đôi người xa lạ” nhưng kết thúc lại là “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”. Thật là một hình ảnh giàu cảm xúc. Giữa hai người lính trận mạc chẳng có gì cả, chỉ có hai bàn tay trắng nắm lấy nhau như động viên, an ủi, tiếp thêm sức mạnh, ý chí cho nhau. Đó cũng là một biểu tượng đẹp đẽ của

tình đồng chí đích thực, của sức mạnh đoàn kết. Hai bàn tay ấy tách riêng ra thì lẻ loi, yếu ớt nhưng nắm lại thì không có sức mạnh nào địch nổi. Hơi ấm từ hai bàn tay như lan tỏa, như truyền ấm cả bài thơ. Nếu dung bài thơ ở đây cũng là được, nhưng không, Chính Hữu không dừng lại ở đó mà đi xa hơn bằng một khổ thơ ngắn mà chứa chan tình cảm”

“Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.”

Chỉ có ba câu thơ ngắn nhưng có thể tóm tắt lại toàn bài, khẳng định rõ ràng nhất giá trị của bài thơ. Giữa rừng đêm lạnh giá, có hai ngọn súng, hai con người dựa sát vào nhau chờ giặc. Ánh trăng lên tỏa sáng rừng núi và chéch dân, chéch dân như treo lơ lửng trên ngọn súng của người lính. Hình ảnh mang tính lãng mạn và hiện thực. Nó giàu chất thơ và thể hiện rõ ràng cuộc sống, tính cách, tâm hồn của những người lính. Đọc câu thơ ấy, ta chợt liên tưởng đến câu thơ:

“Anh vẫn hành quân
Nẻo đường xa anh bước
Trăng non lơ lửng rừng”

Hai hình ảnh đều cảm động và chứa chan tình cảm người lính, chứa chan chất thơ.

“Đồng chí” là một bài thơ hay vì bằng ngôn ngữ nghệ thuật hàm súc, chặt chẽ, với những chi tiết thơ đầy sức gợi cảm, tác giả đã khắc họa được gương mặt hững hờ chiến sĩ vệ quốc một thời, và quan trọng hơn đó là gương mặt tinh thần, tình cảm đồng chí mới mẻ, thiêng liêng, là sức mạnh để những con người áo rách, “chân không giày” chiến thắng giặc Pháp.

BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH

ĐỀ BÀI : Suy nghĩ của em về hình ảnh những chiến sĩ lái xe trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật.

ĐÁP ÁN

MB: Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta là một bản anh hùng ca bất diệt. Thời kỳ hào hùng ấy đã được các nhà thơ, nhà văn tái hiện ấn tượng qua từng trang viết. Nói như nhà thơ Sóng Hồng "Thơ ca là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp". Đến với "BTVTĐXKK" thêm một lần người đọc nhận ra vẻ đẹp của người lính lái xe trên tuyến đường Trường sơn lửa đạn và không khí hào hùng của thời k/c chống Mỹ cứu nước.

TB

1. Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm :

Từ mái trường Đại học Hà Nội, Phạm Tiến Duật bước vào đời lính chiến đấu và hoạt động trên con đường Trường Sơn những năm tháng đánh Mỹ ác liệt nhất. Trong những tháng năm sục sôi khí thế “Xe dọc Trường Sơn đi cứu nước” ấy nhân dân Miền Bắc đã không tiếc sức người, sức của chi viện cho Miền Nam ruột thịt. Lửa khói chiến trường, chủ nghĩa anh hùng Việt Nam, những cô gái thanh niên xung phong, những chiến sĩ lái xe dũng cảm... đã được Phạm Tiến Duật đưa vào thơ một cách rất tự nhiên để rồi in dấu chói lọi, kỳ vĩ như những tượng đài nghệ thuật về hình ảnh thế hệ trẻ VN thời kỳ chống Mỹ.

“Bài thơ tiểu đội xe không kính” sáng tác năm 1969 – thời kỳ cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra ác liệt nhất. Tác phẩm tiêu biểu cho hồn thơ Phạm Tiến Duật, là bài ca chiến trận thấm đẫm màu sắc lãng mạn, anh hùng ca, in trong tập thơ "Vàng trắng quàng lửa".

• (VD phân tích 2 khổ cuối cần thêm)

Đây là đoạn cuối bài thơ ghi lại cảnh trú quân dã chiến của tiểu đội xe không kính, ca ngợi tình đồng đội và lý tưởng chiến đấu cao cả của những chiến sĩ lái xe trên con đường mòn Hồ Chí Minh:

2. Cảm nhận chi tiết

a. Hình ảnh những chiếc xe không kính:

Xuyên suốt bài thơ là hai hình ảnh trung tâm: những chiếc xe và những người chiến sĩ lái xe. Những chiếc xe không kính và nguyên nhân của nó được giới thiệu bằng lời thơ tự nhiên, mộc mạc như một lời phân bua mà có lẽ trước tác giả chưa ai khám phá ra chất thơ bộc lộ ngay trong vẻ tự nhiên của ngôn từ :

Không có kính không phải vì xe không có kính

Bom giạt, bom rung, kính vỡ đi rồi .

Cách lý giải đơn giản, ngộ nghĩnh như một lời nói thông thường tạo thú vị cho người đọc. Cảm hứng thơ bắt đầu từ hiện thực ác liệt nơi chiến trường với thực tế “bom giạt, bom rung” – hai động từ mạnh liên tiếp, giúp ta hình dung sự ác liệt của đạn bom trên những nẻo Trường Sơn năm ấy vô cùng dữ dội.

Nét độc đáo, tự nhiên của PTD còn được thể hiện ở việc lựa chọn hình ảnh những chiếc xe không có kính. Từ xưa đến nay, sự vật như xe cộ, tàu thuyền khi đưa vào trong thơ thường được “mỹ lệ hóa”, “lãng mạn hóa”(con tàu trong "Tiếng hát con tàu" của Chế Lan Viên hay Đoàn thuyền trong "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận...) Chiếc xe ô tô của PTD không thể, bình thường phải có kính chắn gió, chắn bụi; có mui che nắng, che mưa; có đèn để soi đường trong đêm tối. Vậy mà chiếc xe trong bài thơ là chiếc xe không kính, không đèn không mui...không bình thường trong cuộc sống mà lại rất thực, rất bình thường trong chiến tranh. Nó không chỉ có một cái mà là cả tiểu đội xe, không kính! Hình ảnh thực đến trần trụi

b. Hình ảnh những người chiến sĩ lái xe :

Song thiếu đi những phương tiện vật chất tối thiểu lại là cơ sở để người lái xe bộc lộ những phẩm chất cao đẹp và sức mạnh tinh thần lớn lao của họ :

Ung dung buồng lái ta ngồi

Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.

Trên những chiếc xe không kính, dưới làn bom đạn của kẻ thù, an toàn của các anh khó mà bảo đảm. Vậy mà thái độ của các anh bình thản tự tin đến không ngờ. Trong tư thế ung dung, trong cái nhìn bao quát cả đất trời còn có cả niềm kiêu hãnh của người làm chủ hoàn cảnh, tự hào ngắm nhìn đón nhận thiên nhiên. Nhịp thơ cân xứng, ý thơ trôi chảy, lời thơ nhẹ nhàng như diễn tả hình ảnh những đoàn xe lăn bánh trên những nẻo đường ra trận. Cái vất vả, gian khổ hiểm nguy được miêu tả bằng những hình ảnh giản dị trung thực đến từng chi tiết:

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng

Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa, như ùa vào buồng lái .

Xe không kính ,gió lùa mạnh vào cabin,người lái xe không chỉ cảm thấy mà còn nhìn thấy “gió vào xoa mắt đắng ”. Cữ chỉ quá đổi trĩu mền,địu dàng và thân thiện ấy của gió làm dịu đi cái đắng những đôi mắt cay xè vì thiếu ngủ .Và hơn thế nữa ,nắng mưa gió bụi của Trường Sơn đã trở thành những bạn đồng hành :

Không có kính ừ thì có bụi
Bụi phun tóc trắng như người già .
...Không có kính ừ thì ướt áo
Mưa phun mưa xối như ngoài trời .

Điệp từ “ừ thì” , “chưa cần” ,hình ảnh “phì phèo chằm điều thuốc ”,giọng “cười haha” hào sảng làm tôn lên chất bình dị mà anh hùng của những chàng trai trẻ biết biến cái vất vả gian nan thành phút giây thư giãn thoải mái . Họ gạt khó khăn qua một bên ,biến khó khăn thành sự tiện lợi thành cái có để đùa vui.Qua đó làm sáng lên tinh thần cứng cỏi đầy nghị lực và bất chấp gian khó của những người biết vượt lên hoàn cảnh để làm chủ hoàn cảnh .Có lẽ ai đã từng đến Trường sơn mới thấu hết cái gian nan của người cầm lái.Đường Trường Sơn gập ghềnh,mưa Trường Sơn như trút nước,mùa khô xe chạy bụi mù trời.Bom đạn của quân thù không làm các anh chùn bước thì gió, bụi,mưa sa của thiên nhiên khắc nghiệt nào có đáng kể chi.Trên những chiếc xe không kính ,tâm trạng người chiến sĩ lái xe vẫn phơi phới thanh thản:

Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi .

Lạ lùng thay ,như một khám phá bất chợt của nhà thơ ,sự hiểm nguy của những chiếc xe không kính lại trở thành sự tiện lợi bất ngờ khi các chàng lính gặp nhau , bởi họ có thể không cần phải xuống xe mà vẫn có thể bắt tay nhau thể hiện tình thân ái. Công việc vất vả, hiểm nguy nhưng phút nghỉ ngơi của những người lính lại vô cùng giản dị :

Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy .

Cuộc sống dẫu giản dị, xuềnh xoàng nhưng ấm áp tình cảm .Những người lính không chỉ là đồng chí ,đồng đội của nhau mà họ còn là những người cùng trong một gia đình . Bởi vậy sau những phút nghỉ ngơi ngắn ngủi họ lại tiếp tục công việc của mình với niềm tin mãnh liệt vào ngày mai chiến thắng . Chỉ có điều càng gần đến phương Nam những chiếc xe ngày càng hư hỏng

Không có kính rồi xe không có đèn
Không có mui xe, thùng xe có xước .

Khi tứ xe “không kính” được gói lại thì những con số không khác lại mở ra : “không đèn”,“không mui”,chỉ một thứ duy nhất có thêm nhưng lại là “có xước”.Như vậy cả “không có” và “có” đều là tổn thất ,đều là hư hại.Điệp ngữ “không có” được nhắc lại ba lần như nhân lên ba lần những thử thách khốc liệt của chiến tranh ,hoàn thiện dung mạo trụ trền đến kinh ngạc của chiếc xe vận tải. Vượt dãy Trường Sơn ,đi qua đạn bom khói lửa của kẻ thù ,mang trên mình đầy thương tích những chiếc xe như một dũng sĩ kiên cường . Kì lạ thay :

Xe vẫn chạy vì miền nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim.

“Trái tim” là một hoán dụ chỉ người chiến sĩ lái xe yêu nước cầm thù giặc sống trẻ trung ,sôi nổi và lạc quan tin tưởng vào thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến .Câu thơ khép lại nhưng con mắt thơ thì mở ra .Ta chợt nhận ra người chiến sĩ lái xe là một phần không thể thiếu ,là con mắt ,là bộ não ,là linh hồn của xe .Có trái tim chiếc xe thành một cơ thể sống ,thành một khối thống nhất với người chiến sĩ .Ta hiểu vì sao cả đoàn xe có thể vượt qua dãy Trường Sơn khói lửa bởi cội nguồn sức mạnh của nó kết tụ lại cả trong trái tim gan góc, kiên cường, giàu bản lĩnh và chan chứa yêu thương. Có lẽ vì thế mà nhiều người cho rằng đây là hình ảnh trái tim cầm lái .

KB: Đến với bài thơ ta thú vị nhận ra cái giọng rất trẻ,rất lính.Chất giọng ấy bắt nguồn từ sức trẻ, từ tâm hồn phơi phới của thế hệ chiến sĩ Việt Nam mà chính tác giả đã từng sống, từng trải nghiệm.Ngôn ngữ thơ giản dị đậm chất văn xuôi,hình ảnh thơ sáng tạo bất ngờ ,đặc biệt là sự linh hoạt của nhạc điệu trong thơ đã góp phần tạo nên sức hấp dẫn sâu sắc của bài thơ trong lòng độc giả .Gần nửa thế kỷ đã trôi qua nhưng đọc bài thơ ta vẫn vẹn nguyên cảm xúc tự hào về vẻ đẹp của người lính nói riêng, thế hệ cha anh nói chung trong lịch sử dân tộc . Bài

thơ cũng góp phần thức tỉnh trong thế hệ trẻ , lý tưởng sống và trách nhiệm của bản thân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hôm nay.

ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

ĐỀ BÀI : Suy nghĩ của em về một đoạn thơ trong bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận .

- Mặt trời xuống biểnđến dệt lưới ta đoàn cá ơi!
- Thuyền ta lái gió....đón nắng hồng.
- Ta hát bài ca gọi cá vàomắt cá huy hoàng muôn dặm phơi

ĐÁP ÁN

a.Mặt trời xuống biểnđến dệt lưới ta đoàn cá ơi!

MB: Huy Cận là một trong những nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ Mới .Sau cách mạng ông nhanh chóng hoà nhập vào công cuộc kháng chiến vĩ đại và trường kì của dân tộc .Hoà bình lập lại ,từng trang thơ Huy Cận âm áp hơi thở của cuộc sống đang lên . Bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá”được sáng tác ở Hòn Gai năm 1958 nhân một chuyến đi thực tế dài ngày . Bài thơ thực sự là một bài ca ca ngợi cuộc sống của những con người lao động mới .

Với đôi mắt quan sát sắc sảo ,trí tưởng tượng phong phú ,trái tim nhạy cảm và tài năng nghệ thuật điêu luyện ,nhà thơ đã vẽ lên trước mắt một bức tranh thiên nhiên lồng lộng những sắc màu huyền ảo ,cuốn hút vô cùng và khung cảnh con người lao động hăng say trên biển cả quê hương .Trong đó 2 khổ thơ đầu là cảm xúc say mê dạt dào, phơi phới niềm tin của con người lao động trong mở đầu chuyến hành trình ra khơi đánh cá :

Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then đêm sập cửa
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi
Câu hát căng buồm với gió khơi .

Trước hết, đoạn thơ mở ra một bức tranh thiên nhiên kỳ vĩ tươi tắn và âm áp vô cùng. Ở đó đoàn thuyền đánh cá rời bến vào lúc hoàng hôn,mặt trời như hòn lửa đỏ rực đang lặn dần vào lòng đại dương mênh mông , màn đêm buông xuống ,kết thúc một ngày .Biển kín đáo như một gian phòng lớn của thiên nhiên bởi cách nói thật riêng biệt “sóng đã cài then đêm sập cửa”.

Bức tranh thiên nhiên tái hiện vào thời điểm ngày tàn chiều buông mà không hề ảm đạm nhớ nhung hay thấm nỗi buồn chua xót mà trái lại rộn ràng gần gũi hơn nhiều. Bằng nghệ thuật so sánh "mặt trời"- "hòn lửa" đã làm hiện lên cảnh biển kỳ vĩ , ánh mặt trời chiếu xuống mặt nước phản quang với màu sắc sống động tươi tắn. Đồng thời cách nhân hóa "sóng cài then, đêm sập cửa" còn mang lại liên tưởng vũ trụ như một ngôi nhà lớn, với đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ, những lượn sóng là then cửa. Chi tiết Mặt trời xuống biển có thể gây ra sự thắc mắc của người đọc vì bài thơ tả cảnh đoàn thuyền đánh cá ở vùng biển miền Bắc, mà ở bờ biển nước ta, trừ vùng Tây Nam thường chỉ thấy cảnh mặt trời mọc trên biển chứ không thể thấy cảnh mặt trời lặn xuống biển. Thực ra hình ảnh mặt trời xuống biển là được nhìn từ trên con thuyền đang ra biển hoặc từ một hòn đảo vào lúc hoàng hôn, nhìn về phía tây, qua một khoảng biển thì vẫn có thể thấy như là mặt trời xuống biển. Với sự quan sát tinh tế nhà thơ đã miêu tả rất thực chuyển đổi thời khắc giữa ngày và đêm.

Chính vào thời điểm ấy, ngư dân bắt tay vào công việc quen thuộc của mình : Ra khơi đánh cá !

“ Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi
Câu hát căng buồm với gió khơi”

Đoàn thuyền chứ không phải chỉ con thuyền ra khơi đã tạo ra sự tập nập trên biển. Chữ “Lại” vừa khẳng định nhịp điệu lao động của người dân chài đã đi vào ổn định, vừa thể hiện sự đối lập giữa sự nghỉ ngơi của đất trời và sự làm việc của con người. Tác giả đã tạo ra một hình ảnh khỏe, lạ mà thật từ sự gắn kết ba sự vật và hiện tượng: Câu hát, cánh buồm và gió khơi. Người đánh cá căng buồm và cất câu hát lên nhà thơ có cảm giác như chính câu hát đó đã làm căng cánh buồm. Câu hát mang theo niềm vui, sự phấn chấn của người lao động trở thành sức mạnh cùng với gió biển làm căng cánh buồm để con thuyền lướt sóng ra khơi. Nghệ thuật ẩn dụ trong hình ảnh thơ lãng mạn này đã góp phần thể hiện một hiện thực : Đó là niềm vui phơi phới, tinh thần lạc quan của người dân chài. Họ ra khơi trong tâm trạng đầy hứng khởi vì học tìm thấy niềm vui trong lao động, yêu biển và say mê với công việc chinh phục biển khơi làm giàu cho Tổ quốc.Mặt biển đêm không lạnh lẽo mà âm áp hẳn lên bởi tiếng hát âm vang, náo nức, thể hiện niềm vui to lớn của người lao động được giải phóng , tiếng hát hoà cùng gió, thổi căng buồm đưa đoàn thuyền ra khơi .Lời hát ca ngợi sự giàu có và hào phóng của biển cả cùng vẻ đẹp lung linh, diệu kì của nó trong đêm :

Hát rằng cá bạc biển đông lặng
Cá thu biển đông như đoàn thoi

Đêm ngày dẹt biển muôn luồng sáng

Đến dẹt lưới ta đoàn cá ơi!

Trong câu hát ra khơi có tiếng hát gọi cá. Người lao động mong muốn có một chuyến ra khơi thắng lợi, biển lặng sóng êm và đánh bắt được nhiều. Niềm mong ước ấy được phản ánh qua tâm hồn hồn hậu của ngư dân trải qua nhiều nắng ,gió, bão tố trên biển Hình ảnh : "cá bạc" đoàn thoi" dẹt biển", " luồng sáng", "dẹt lưới"... hình ảnh so sánh ẩn dụ, nhân hóa được sử dụng liên tiếp càng tạo nên sự gần gũi gắn bó thân thuộc giữa thiên nhiên với con người.

- *Đánh giá: Đoạn thơ tái hiện một cách sinh động và ấn tượng cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá với vẻ đẹp của biển tráng lệ hài hòa . Thiên nhiên và con người được thể hiện qua những hình ảnh đẹp để gợi cảm . Đặc biệt hàng loạt các biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hóa , ẩn dụ đặc sắc đã tạo nên những cảm xúc khó khăn thiết tha và thức dậy trí tưởng tượng phong phú trong lòng người đọc.*

KB: Nếu xem ĐTĐC là một khúc tráng ca lao động về cuộc sống của người dân vùng biển trên mặt trận LĐSX thì có thể xem đây là khúc ca mở đầu khỏe khoắn nhất vui tươi nhất trong bài thơ. Đoạn thơ nói riêng, cả bài thơ nói chung đã đem lại một cảm xúc mới về sự thay da đổi thịt của đất nước ta trong những năm đầu xây dựng CNXH ở miền Bắc.

b. Thuyền ta lái gió....đón nắng hồng.

Sự say mê vẻ đẹp của biển đã làm giảm bớt bao nỗi nhọc nhằn vất vả trong việc đánh cá, đem lại niềm vui và sức mạnh cho ngư dân . Cảnh đánh cá trong đêm được nhà thơ miêu tả bằng cảm hứng trữ tình mãnh liệt . Tác giả như nhập thân vào thiên nhiên , công việc , và con người :

Thuyền ta lái gió với buồm trăng

Lướt giữa mây cao với biển bằng

Ra đậu dặm xa dò bụng biển

Dàn đan thế trận lưới vây giăng.

Con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé trước biển cả bao la đã trở thành con thuyền kì vĩ, khổng lồ hoà nhập với kích thước rộng lớn của thiên nhiên, vũ trụ. Con thuyền đó đang bay giữa không gian trong một đêm thủy tinh tuyệt đẹp. Những hình ảnh “lái gió”, “buồm trăng”, “ mây cao”, “ biển bằng ” phảng phất phong vị thơ cổ điển nhưng vẫn đậm chất hiện thực . Nếu ở đầu bài thơ, nhà thơ nhân hóa để thiên nhiên gần gũi với con người , thì đến đây nhà thơ lại "kỳ vĩ hóa" để sự vật, con người ngang tầm với vũ trụ với thiên nhiên. Có lẽ đây là nét thay đổi lớn nhất trong thơ Huy Cận sau cách mạng . Bởi trước đó thơ ông cũng lấy cảm hứng từ thiên nhiên và con người nhưng thiên nhiên trong thơ HC trước cách mạng quá rộng lớn , còn con người thì quá nhỏ bé cô đơn:

...Lơ thơ cồn cỏ gió đìu hiu

Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều

Nắng xuống trời lên sâu chót vót

Sông dài, trời rộng bến cô liêu...

Khí thế của những người đánh cá giữa biển đêm mới thật kiêu hùng. Chuyến ra khơi đánh cá cũng giống như một trận đánh thật sự hào hùng .Cũng thăm dò ,cũng dàn đan thế trận và bủa vây bằng...lưới. Trí tưởng tượng của tác giả thật đẹp, sự liên tưởng bay bổng đã bao trùm lên những đoàn thuyền đánh cá bằng những hình đầy cảm xúc. Con thuyền lái gió đi giữa biển trời, cánh buồm làm bạn với gió trăng. Những hình ảnh liên tưởng hùng vĩ mà nên thơ. Con người ở giữa thiên nhiên, làm bạn với thiên nhiên. Người lao động ra đi với quyết tâm chinh phục thiên nhiên và tô đắp cho thiên nhiên ngày càng tươi đẹp.

Câu thơ với biện pháp nhân hóa đã biến con thuyền biết “đậu” “dò” biển cả. Bởi người trên thuyền luôn tìm kiếm tài nguyên của biển phục vụ cho đời sống. Hình ảnh đoàn thuyền đánh cá có kỹ thuật đan như một thế trận, để thu bắt những gì biển đã hào phóng trao tặng cho ta.

Đã bao đời nay ,ngư dân có quan hệ chặt chẽ với biển cả .Họ thuộc biển như lòng bàn tay , bao loài cá họ thuộc tên ,thuộc dáng và thuộc cả thói quen của chúng :

Cá nhụ cá chim cùng cá đé

Cá song lấp lánh đuốc đen hồng

Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé

Đêm thờ sao lùa nước Hạ Long .

Trên mặt biển đêm ,ánh trăng lung linh dát bạc ,cá quẫy đuôi sóng sánh trăng vàng ,tiếng “em” bật lên tự nhiên, trù mến .Bài ca gọi cá vẫn tiếp tục ngân vang : lúc nào nức ,lúc lại thật tha thiết.Trăng thức cùng ngư dân ,trăng cùng sóng dập dờn bên mạn thuyền như gõ nhịp phụ họa cho tiếng hát ,trăng chiếu sáng cho ngư dân kéo được những mẻ cá đầy ...

Bằng nghệ thuật tưởng tượng lãng mạn, biển trời với bao nhiêu loài cá mang bao nhiêu màu sắc lung linh trở nên thật kì ảo dưới ánh trăng. Bằng biện pháp liệt kê và điệp từ “cá”, tác giả đã kể tên nhiều loài cá quý, thể hiện sự phong phú và đa dạng về chủng loại, bổ sung về chủng loại cá ở đoạn thơ tả đàn cá thu “dệt biển”. Hình ảnh cá song là một nét vẽ tài hoa, vẩy cá đen, hồng lấp lánh trên biển nước lấp lánh ánh trăng như những ngọn đuốc giữa biển đêm thăm thẳm. Cái “quẫy đuôi” làm cho bức tranh thật sinh động cùng với nghệ thuật phối sắc tài tình làm cho đoạn thơ đẹp như một bức tranh sơn mài vô cùng rực rỡ. Thiên nhiên được nhân hóa “thở”, cùng với cách gọi cá là “em” thể hiện tình yêu quê hương đất nước và tình yêu biển sâu nặng của tác giả.

Tiếng hát của con người lao động lại cất cao phóng khoáng, bay bổng, chan chứa niềm tin yêu cuộc sống:

“Ta hát bài ca gọi cá vào,

Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.

Chất lãng mạn bao trùm cả bức tranh lao động, cả đoàn thuyền đánh cá. Người dân chài cất tiếng hát tả lại công việc của mình với niềm yêu đời mãnh liệt, biển khó khăn thành niềm vui. Lời ca gọi cá vào đã làm tăng thêm phần thơ mộng của bức tranh sơn mài. Hình ảnh “gõ thuyền đã có nhịp trăng cao” là một hình ảnh vô cùng sáng tạo và giàu chất thơ, trăng in bóng xuống nước, sóng vỗ vào mạn thuyền “gõ nhịp” gọi cá vào. Những vần điệu độc đáo được dệt nên bằng cái nhìn tươi tắn, lạc quan của tác giả đối với biển và con người thể hiện tình yêu lao động, khát khao chinh phục thiên nhiên và ước mơ làm giàu, làm đẹp cho đời của những con người lao động mới. Cảm xúc dâng trào, lời ca ngợi biển vang lên đầy tha thiết:

Biển cho ta cá như lòng mẹ

Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.”

Biển không chỉ đẹp mà biển còn rất giàu, nguồn tài nguyên biển phong phú, đa dạng mang lại hạnh phúc cho con người. Hình ảnh so sánh “như lòng mẹ” quen thuộc là lời ca ngợi biển cả, thể hiện niềm tự hào của những người dân làng chài đối với biển quê hương và ví biển nuôi sống con người như một người mẹ chăm sóc, nuông nấng bày con. Giọng thơ tự nhiên, chân thành, ấm áp, chứa chan tình yêu thương và mang âm hưởng ca dao.

Đêm sắp tàn, trời sắp sáng, những ngư dân yêu biển, yêu quê hương ra sức lao động:

“Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng

Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng

Với nhịp thơ dồn dập, câu thơ đã diễn tả chân thực thái độ và nhịp lao động đầy khẩn trương của đoàn thuyền đánh cá. Hình ảnh "kéo xoăn tay" như tạc nên một bức tượng ngư dân đầy sức sống, dáng người nghiêng mình trụ vững, dồn tất cả sức mạnh vào đôi cánh tay cuộn cuộn kéo lưới căng, khỏe vô cùng đẹp đẽ. Hình ảnh “chùm cá nặng” gọi tả thành quả lao động bội thu, cho thấy lưới có rất nhiều cá, thỏa mong mỏi của ngư dân. Đồng thời hình ảnh ấy còn ẩn chứa bao niềm vui tươi, sung sướng của người ngư dân trước thành quả mà họ đã tốn bao công sức mới thu hoạch được và niềm say mê cống hiến, đóng góp những thành quả lao động của mình cho đất nước.

Lưới cá nặng được kéo lên, những tia nắng sớm chiếu trên khoang cá đầy làm lấp lánh đủ các màu sắc:

Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông

Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng

Vẩy đuôi của những chú cá lấp lánh ánh bình minh rực rỡ. Những từ “bạc, vàng” tạo cho câu thơ mang màu sắc lấp lánh, một mặt diễn tả sự giàu có của biển cả, đồng thời cũng cho thấy thái độ tôn trọng của những người đánh cá với những thành quả lao động của mình. Đó còn là niềm biết ơn của họ trước sự hào phóng, ưu ái của biển cả đối với con người. “Đón nắng hồng” biểu hiện trạng thái sáng khoái, phấn chấn của họ khi công việc thành công mỹ mãn. "Nắng hồng" không những khắc họa được vẻ đẹp tươi sáng của bầu trời mà còn thể hiện được lòng yêu đời, yêu thiên nhiên. Màu hồng của một ngày mới, một cuộc đời mới đang chào đón mọi người.

Bao công lao vất vả đã được đền bù ,dáng người ngư dân đang choãi chân, nghiêng người dồn tất cả sức mạnh vào đôi tay cuộn cuộn để kéo lên những mẻ lưới nặng trĩu mới đẹp làm sao!Màu sắc phong phú ,lấp lánh vẩy bạc, đuôi vàng của bao loài cá càng khiến cho cảnh rạng đông thêm rực rỡ .Nhịp điệu câu thơ “lưới xếp buồm lên đón nắng hồng ”chậm rãi, gợi cảm giác thanh thản, vui tươi, phản ánh tâm trạng hài lòng của ngư dân trước những kết quả tốt đẹp của chuyến ra khơi.

Khổ thơ cuối cùng miêu tả cảnh trở về của đoàn thuyền đánh cá:

Câu hát căng buồm với gió khơi
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời
Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.

Vẫn là tiếng hát khoẻ khoắn của ngư dân dạn dày sông nước đang vươn lên làm chủ cuộc đời. Tiếng hát hoà trong gió, thổi căng buồm đưa đoàn người ra khơi đêm trước nay lại cùng đoàn thuyền đầy ắp cá hân hoan về bến. Hình ảnh “đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời” rất thực mà cũng rất hào hùng. Nó phản ánh một thói quen lâu đời của ngư dân là đưa cá về bến trước khi trời sáng đồng thời cũng hàm ý nói lên khí thế đi lên mạnh mẽ của họ trong công cuộc xây dựng đất nước. Hoà cùng niềm vui to lớn của mọi người, nhà thơ chấp cánh cho trí tưởng tượng của mình bay bổng. Đoàn thuyền đi trên biển, giữa màu hồng rạng rỡ tinh khôi và ánh mặt trời phản chiếu trong muôn ngàn mắt cá khiến nhà thơ liên tưởng đến hàng ngàn những mặt trời nhỏ xíu đang toả rạng niềm vui. Đến đây bức tranh biển cả ngập tràn màu sắc tươi sáng và ấm áp chất sống trong từng dáng hình, từng đường nét của cảnh, của người.

Bài thơ bắt đầu bằng cảnh hoàng hôn rực rỡ và kết thúc với một bình minh vô cùng tươi sáng. Bốn câu thơ miêu tả thật đẹp quang cảnh kì vĩ về cuộc chạy đua giữa đoàn thuyền đánh cá với mặt trời trên biển cả khắc họa thật đậm nét vẻ đẹp khỏe mạnh của những người đánh cá và vẻ đẹp hùng vĩ của biển trời, của thiên nhiên tổ quốc. Ý thơ phảng phất không khí thần thoại, anh hùng ca trong lao động. Mở đầu bài thơ là hình ảnh “mặt trời xuống”, giờ là “mặt trời đội biển” nhô lên giữa những sóng nước mênh mông. Không khí lao động cực kỳ phấn khởi bởi niềm vui chiến thắng, với thái độ nhiệt tình, yêu lao động khép lại bài thơ và thể hiện một tương lai tươi sáng hơn trong công cuộc xây dựng đất nước. Động từ “chạy đua” cho thấy sức lực của họ vẫn dồi dào, khí thế lao động của họ vẫn mạnh mẽ. Họ chạy đua với thời gian, với mặt trời. Đặt trong sự tương ứng mới thấy sức mạnh của con người được miêu tả nổi bật hơn, câu thơ đã nâng cao tầm vóc của con người trước vũ trụ. Biện pháp thậm xưng kết hợp với nghệ thuật hoán dụ trong hình ảnh “mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi” đã vẽ nên cảnh bội thu cá và cuộc sống ấm no, ngập tràn hạnh phúc của người dân vùng biển, bằng mồ hôi và sức lao động, họ đã viết nên bài ca cuộc sống.

“Đoàn thuyền đánh cá” là một bài ca lao động hứng khởi, hào hùng. Bài ca ấy dành cho biển hào phóng, cho những con người cần cù, gan góc đang làm giàu cho đất nước. Cảm hứng trữ tình và nghệ thuật điêu luyện được tác giả sử dụng trong bài thơ đã cuốn hút người đọc thật sự. Chúng ta cùng chia sẻ niềm vui to lớn với nhà thơ, với tất cả những người lao động mới đang kiêu hãnh ngẩng cao đầu trên con đường đi tới tương lai tươi sáng.

BẾP LỬA

Bài tham khảo: a. Hoài niệm về tuổi thơ bên bếp lửa.

MB: Trong tất cả những mối quan hệ về tình cảm có thể nói tình cảm gia đình là tình cảm thiêng liêng hơn cả. Đây là nguồn cảm hứng vô tận cho các thi nhân xưa và nay. Mỗi tác phẩm dù viết ở thể loại nào thì vẫn luôn động chạm đến đáy sâu cảm xúc của mỗi con người. Bài thơ "Bếp lửa" của nhà thơ Bằng Việt là một bài thơ như thế. Đó là dòng hoài niệm chứa chan cảm xúc suy tư, những ấn tượng sâu sắc về tuổi thơ gắn bó với bà bên bếp lửa của người cháu. Bài thơ gây niềm xúc động sâu sắc cho người đọc.

TB:

1. Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm:

Bằng Việt, tên khai sinh Nguyễn Việt Bằng, sinh năm 1941, quê ở huyện Thạch Thất, Hà Tây. Ông làm thơ từ đầu những năm 60 của TK XX và thuộc lớp nhà thơ trẻ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Thơ Bằng Việt trong trẻo, mượt mà, tràn đầy cảm xúc, với đề tài chủ yếu đi vào khai thác những kỉ niệm, những kí ức thời thơ ấu và gọi những ước mơ tuổi trẻ nên rất gần gũi với bạn đọc trong nhà trường.

Bài thơ "Bếp lửa" sáng tác năm 1963, khi nhà thơ đang là sinh viên theo học ngành Luật tại nước Nga. Những buổi sáng mùa đông lạnh giá một bếp lửa chờn vờn xa xa làm thức dậy trong ký ức tác giả tất cả những kỷ niệm thân quen.

2. Trước hết đó là những kỷ niệm về hình ảnh bếp lửa – nơi khơi nguồn cảm xúc về bà.

Đi ra từ nỗi nhớ, tất cả những hình ảnh, ngôn từ bị cuốn theo dòng hoài niệm. Một thời quá khứ tái hiện lại trong tâm tưởng với những chi tiết rất cụ thể. Tác giả nâng niu từng mảnh ký ức ký ức hiện về. Theo diễn biến tâm tư của nhân vật người cháu, chúng ta cảm nhận thấm thía từng cung bậc tâm trạng theo từng ngọn lửa trong bài thơ: lửa của kỷ niệm tuổi thơ, lửa của cuộc sống lúc đã trưởng thành; bếp lửa của bà ngày xưa, bếp lửa ngày nay.

Tình cảm và những kỉ niệm về bà được khơi gợi từ hình ảnh bếp lửa. Ở nơi đất khách quê người, bắt gặp hình ảnh bếp lửa, tác giả chợt nhớ về người bà:

“Một bếp lửa chờn vờn sương sớm Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.”

Ba câu thơ mở đầu có một bếp lửa chờn vờn mang màu cổ tích. Hình ảnh "chờn vờn sương sớm" thật sống động, gọi lên ngọn lửa không định hình khi to khi nhỏ, khi lên khi xuống nhưng rất mạnh mẽ. Sử dụng hình ảnh ấy rất thích hợp với trạng thái tâm lý hồi tưởng những gì đã qua, đã rời ra nhưng lại có sức ám ảnh day dứt. Từ láy "ấp iu" bao gồm hàm ý bé nhỏ, thâm kín bên trong, đồng thời còn gợi lên cho ta bàn tay khéo léo, kiên nhẫn và chăm chút của người nhóm lửa. Điệp ngữ "một bếp lửa" được lặp lại ở đầu những câu thơ có tác dụng nhấn mạnh dấu ấn kỷ niệm sâu lắng trong ký ức tác giả. Nó trở thành hình tượng xuyên suốt bài thơ. Hồi tưởng về bếp lửa của quê hương, cũng chính là hồi tưởng về người bà thân yêu của mình. "Cháu thương bà biết mấy nắng mưa". Động lại trong 3 dòng thơ đầu có lẽ là chữ "thương" và hình ảnh người bà lặng lẽ, âm thầm trong khung cảnh làm lụi "biết mấy nắng mưa". Hai chữ "nắng mưa" không chỉ để nói đến nắng mưa của thiên nhiên mà còn gợi cho ta nghĩ đến nắng mưa cuộc đời. Biết bao tình cảm xúc động mà nén ngào trong câu thơ ấy!

3. Dòng hồi tưởng đi qua các mốc thời gian:

- Hồi ức dần dần trở về những năm khốn khó với cái đói đến quá queo

“Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói..... Bỏ đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy

Lẽ thường, vui thì người ta cũng nhớ, nhưng những kỷ niệm buồn thường sâu đậm hơn nhiều. Tuổi thơ ấy có bóng đen ghê rợn, đau buồn của nạn đói năm 1945. Cháu nhờ có bà mà bớt phần cơ cực. Nhưng những nỗi vất vả thời thơ ấu vẫn còn hiện hữu.

Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu

Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay”

"Mùi khói" rồi lại "khói hun nhèm", có thể nói nhà thơ đã chọn được một chi tiết thật chính xác, vừa miêu tả chân thực cuộc sống tuổi thơ, vừa biểu hiện những tình cảm da diết, băng khuâng, xót xa, thương mến. Trong tình cảnh nạn đói của đất nước, gia đình tác giả cũng không phải là ngoại lệ. Cái không khí nghèo túng đã bao phủ cả xóm làng. Gần hai mươi năm sau, khi nhớ lại, hơi khói vẫn còn ám ảnh còn làm cay mắt cháu. Cái "cay" do củi ứốt, củi tươi cay của khói bếp mà cũng có thể là cái cay đắng của những kỉ niệm đói khổ của nhiều người, trong đó có gia đình tác giả. Người đọc đã từng bị ám ảnh của chi tiết "khói" trong truyện ngắn "Vợ nhặt" – Kim Lân với cái mùi khói đốt đồng nhảm từ nhà có người chết cứ quện lại lay lắt trong không khí ẻo lả âm ỉ.

Thơ BV có sức truyền cảm mạnh mẽ nhờ những chi tiết, ngôn từ chân thật, giản dị như thế. Cái bếp lửa kỷ niệm của nhà thơ chỉ mới khơi lên, thoang thoảng mùi khói, mờ mờ sắc khói ... mà đã đầy ắp những hình ảnh hiện thực, thắm đậm biết bao nghĩa tình sâu nặng.

- Hồi ức ấy có những năm chiến tranh ghê rợn.

“Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa..... Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế”

“Cháu cùng bà nhóm lửa”, nhóm lên ngọn lửa của sự sống và của tình yêu bà cháy bỏng của một cậu bé hồn nhiên, trong trắng như một trang giấy. Chính hình ảnh bếp lửa của tình bà cháu đó đã gợi nên một liên tưởng khác, một hồi ức khác trong tâm trí thi sĩ thuở nhỏ. Đó là tiếng chim tu hú kêu. Từ “tu hú” được điệp lại ba lần làm cho âm điệu câu thơ thêm bồi hồi tha thiết, làm cho người đọc cảm thấy như tiếng tu hú đang từ xa vọng về trong tiềm thức của tác giả. Tiếng “tu hú” lúc mơ hồ, lúc vắng vắng từ những cánh đồng xa lằng lằng lòng người cháu xa xứ. Tiếng chim tu hú khắc khoải làm cho dòng kỷ niệm của đứa cháu trải dài hơn, rộng hơn trong cái không gian xa thẳm của nỗi nhớ thương.

“Mẹ cùng cha công tác bận không về Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa!”

Qua đoạn thơ này ta thấy hiện lên một căn nhà quanh quẽ, chỉ hắt hắt có một già một trẻ. Người bà âm thầm tần tảo chăm lo cho cháu mọi bề. Bà thay cha thay mẹ “dạy cháu làm, chăm cháu học” bên cạnh bếp lửa. Hình ảnh bếp lửa ở đây không ghi dấu đắng cay nữa mà đó là hình ảnh của một căn nhà ấm áp, nương náu để hai bà cháu sinh sống.

Trong tám năm ấy, đất nước có chiến tranh, biết bao lần bà cháu phải rời làng chạy giặc. Bố mẹ phải đi công tác, cháu vì thế phải ở cùng bà. Trong quãng thời gian ấy, nhưng dường như không thể kể hết những hy sinh mà bà đã trải qua. Đối với đứa cháu vẫn yên bình trong vòng tay che chở của bà? cùng bà, ngày nào cháu cũng cùng bà nhóm bếp. Và trong cái khói bếp chập chờn, mờ mờ ảo ảo ấy, người bà như một bà tiên hiện ra trong câu chuyện cổ huyền ảo của cháu. Cho nên, tình bà cháu là vô cùng thiêng liêng và quý giá đối với ông. Bà và tình cảm mà bà dành cho cháu đã thành một chỗ dựa vững chắc về cả vật chất lẫn tinh thần cho đứa cháu bé bỏng.

“Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi..... Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”

Chỉ lựa chọn một chi tiết nhỏ để kể trong dòng tự sự của nhà thơ về bà người đọc có thể cảm nhận được nghị lực, tấm lòng của bà đối với con cháu - một người bà cần cù, nhẫn nại và giàu đức hi sinh. Dù có khó khăn thế nào cũng chịu đựng, nhận hết nỗi lo toan để các con yên tâm công tác vì việc nước. Bà cứng rắn, dắt cháu vượt qua mọi khó khăn, Điều đó ta có thể thấy rõ qua lời dặn của bà: “Mày có viết thư chớ kể này kể nọ. Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”. Lời dặn của bà hôm nay giản dị nhưng chất chứa biết bao tình. Gian khổ, thiếu thốn, bao nỗi nhớ thương con bà đều phải nén vào trong lòng để yên lòng người nơi tiền tuyến. Hình ảnh người bà không chỉ còn là người bà của riêng cháu mà còn là một biểu tượng rõ nét cho những người phụ nữ Việt Nam thương con quý cháu, giàu đức hi sinh.

- Những năm sau hòa bình.

Kết thúc khổ thơ, Bằng Việt đã nâng hình ảnh bếp lửa trở thành hình ảnh ngọn, một ngọn lửa:

“Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen..... Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng”.

Hình ảnh ngọn lửa toả sáng trong câu thơ, nó có sức truyền cảm mạnh mẽ. Ngọn lửa của tình yêu thương, ngọn lửa của niềm tin, ngọn lửa ấm nồng như tình bà cháu, ngọn lửa đỏ hồng soi sáng cho con đường đứa cháu. Những dòng thơ cuối bài cũng chính là những suy ngẫm về bà và bếp lửa mà nhà thơ muốn gửi tới bạn đọc, qua đó cũng là những bài học sâu sắc từ công việc nhỏ, lửa tưởng chừng đơn giản:

“Nhóm bếp lửa ấp iu, nồng đượm”

Một lần nữa, hình ảnh bếp lửa “ấp iu”, “nồng đượm” đã được nhắc lại ở cuối bài thơ như một lần nữa khẳng định lại cái tình cảm sâu sắc của hai bà cháu.

“Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi”

Nhóm lên bếp lửa ấy, người bà đã truyền cho đứa cháu một tình yêu thương những người ruột thịt và nhắc cháu rằng không bao giờ được quên đi những năm tháng nghèo đói, những năm tháng khó khăn mà hai bà cháu đã sống với nhau, những năm tháng mà hai bà cháu mình cùng chia nhau từng củ sắn, củ mì.

“Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui”

“Nồi xôi gạo mới sẻ chung vui” của bà hay là lời rằng dạy cháu luôn phải mở lòng ra với mọi người xung quanh, phải gắn bó với xóm làng, đừng bao giờ có một lối sống ích kỷ.

“Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ”.

Bà không chỉ là người chăm lo cho cháu đầy đủ về vật chất mà còn là người làm cho tuổi thơ của cháu thêm đẹp,

thêm huyền ảo như trong truyện. Người bà có trái tim nhân hậu, người bà kì diệu đã nhóm dậy, khơi dậy, giáo dục và thức tỉnh tâm hồn đứa cháu để mai này cháu khôn lớn thành người. Người bà kì diệu như vậy ấy, rất giản dị nhưng có một sức mạnh kì diệu từ trái tim, ta có thể bắt gặp người bà như vậy trong “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh:

“Tiếng gà trưa
Mang bao nhiêu hạnh phúc
Đêm cháu về nằm mơ
ngủ hồng sắc trứng.”

Suốt đọc bài thơ, mười lần xuất hiện hình ảnh bếp lửa là mười lần tác giả nhắc tới bà. Âm điệu những dòng thơ nhanh mạnh như tình cảm dâng trào lớp lớp sóng vỗ vào bãi biển xanh thẳm lòng bà. Người bà đã là, đang là và sẽ mãi mãi là người quan trọng nhất đối với cháu dù ở bất kì phương trời nào. Bà đã trở thành một người không thể thiếu trong trái tim cháu.

4. Từ những kỷ niệm nỗi nhớ hết sức cụ thể, người cháu suy ngẫm về cuộc đời bà để thấm thía thấu hiểu tình cảm gia đình, tình cảm quê hương.

Bài thơ có sự chuyển hóa từ "bếp lửa" chuyển sang dùng từ "ngọn lửa" rất tự nhiên. Bếp lửa là hình ảnh thực về bếp đun hàng ngày trong cuộc sống lao động và sinh hoạt, vừa gợi về tấm lòng ấm áp, yêu thương của bà dành cho cháu. Bếp lửa cháy sáng trong mỗi gia đình gợi tình cảm gắn bó ấm áp yêu thương. Nhưng đó không chỉ là bếp lửa mà còn là "ngọn lửa" - ngọn lửa bà nhóm lên mỗi sớm mai - Ngọn lửa cháy sáng của niềm tin, tình yêu và khát vọng về một cuộc sống mới no ấm, hạnh phúc, cũng là ngọn lửa của nhiệt tình, nhiệt huyết của bà với cách mạng. Ngọn lửa của niềm tin hi vọng mà bà đã nuôi dưỡng, ngọn lửa của tình xóm làng sự xé chia..... Hình ảnh bếp lửa – ngọn lửa vừa mang tầng nghĩa tả thực, vừa mang nghĩa ẩn dụ: Bếp lửa ấy vừa "kì lạ" vừa "thiên liêng":

Ôi, kì lạ và thiên liêng-bếp lửa!

Bếp lửa ấy không phải nhóm bằng những nhiên liệu bên ngoài mà được nhóm lên từ tình bà nồng ấm. Để trở thành ngọn lửa của tình yêu thương ấp ủ, ngọn lửa của niềm tin yêu bền bỉ cháy mãi không thôi. Trong mạch cảm xúc ấy, Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa - ngọn lửa của sự sống, niềm tin cho bao thế hệ nối tiếp.

5. Những hoài niệm, nỗi nhớ khôn nguôi trong xa cách.

Mỗi câu, mỗi chữ cứ hồng lên, nồng ấm biết bao tình cảm nhớ thương nhân nghĩa! Có thể nói câu thơ cuối bộc lộ rõ nhất thái độ kính trọng và cảm xúc đang dâng trào ào ạt trong tâm hồn BV. Câu thơ chỉ có 8 chữ mà có sức khái quát cả suy nghĩ lẫn tình cảm của tác giả đối với bếp lửa gắn liền hình ảnh người bà, với cách ngắt nhịp là một dấu lặng đầy nghệ thuật chứa đựng bao cảm xúc và suy nghĩ không thể diễn tả hết bằng ngôn từ. Đoạn thơ cuối cùng vẫn tiếp tục mạch cảm xúc nhớ thương khôn nguôi thể hiện kín đáo tình cảm biết ơn sâu nặng của tác giả đối với người bà đã từng curu mang, đùm bọc mình. Giờ đây, khi đang ở xa bà nửa vòng trái đất, nhà thơ Bằng Việt vẫn luôn hướng lòng mình về bà:

“Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu..... Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?”

Xa vòng tay chăm chút của bà để đến với chân trời mới, chính tình cảm của hai bà cháu đã sưởi ấm lòng tác giả trong cái mùa đông lạnh giá của nước Nga. Đứa cháu nhỏ của bà ngày xưa giờ đã trưởng thành nhưng trong lòng vẫn luôn đinh ninh nhớ về góc bếp, nơi nắng mưa hai bà cháu có nhau. Đứa cháu sẽ không bao giờ quên và chẳng thể nào quên được vì đó chính là nguồn cội, là nơi mà tuổi thơ của đứa cháu đã được nuôi dưỡng để lớn lên từ đó.

6. Đánh giá mở rộng: - Bài thơ một dòng tâm trạng, một dòng hoài niệm. nhà thơ đã diễn tả dòng cảm xúc sâu xa ấy qua dòng tự sự miêu tả và xen kẽ bình luận vì thế vừa rất chân thật, cụ thể vừa xúc động sâu sắc đến thấm thía.

- Giọng điệu thơ tâm tình tha thiết lối viết trùng điệp khi khơi gợi khi ào ạt tràn về tầng tầng lớp lớp. Dòng cảm xúc khi trào dâng, khi sâu lắng lan tỏa, lúc nhẹ nhàng mạnh mẽ lúc ấm nồng...

- Đặc biệt hình ảnh thơ – hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà vừa rất riêng, là người bà của riêng cháu là bếp lửa trong mỗi gia đình vừa rất chung mang ý nghĩa biểu tượng. Bếp lửa biểu tượng cho tình bà cho niềm tin hi vọng của bà. Bếp lửa biểu tượng cho sự hy sinh, sức sống bền bỉ của bà. Bếp lửa còn biểu tượng cho quê hương đất nước. Và bà người nhóm lửa, giữ lửa và là người truyền ngọn lửa biểu tượng ấy cho các thế hệ nối tiếp.

KB:

Tóm lại, Bếp lửa của Bằng Việt đã trở thành bếp lửa biểu tượng của sự sống tình yêu thương , tình nghĩa . Người cháu nhớ về bếp lửa là nhớ về bà, gia đình, quê hương , đất nước về sức sống bền bỉ mạnh mẽ của con người . Có lẽ chính những điều đó mà bài thơ “Bếp lửa” đã và sẽ sống mãi trong lòng bạn đọc nhờ sức truyền cảm sâu sắc của nó. Bài thơ đã khơi dậy trong lòng chúng ta một tình cảm cao đẹp đối với gia đình, với những người đã tô màu lên tuổi thơ trong sáng của mỗi người. Và cũng có thể khẳng định bài thơ là một hoài niệm mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc.

ÁNH TRĂNG

ĐỀ BÀI : Suy nghĩ của em về bài thơ “ Ánh trăng ” của Nguyễn Duy.

ĐÁP ÁN :

Không biết tự bao giờ trăng đã trở thành nàng thơ ,thành người bạn tri âm tri kỉ của biết bao tâm hồn thi sĩ .Với ánh sáng huyền diệu ,với chu kì tròn khuyết lạ lùng, trăng đã gọi cho các thi nhân cổ kim nhiều thi tứ .Trong miền thơ mệnh mang ấy,“Ánh trăng ”của Nguyễn Duy như một lời tâm sự chân thành,đã neo lại trong tâm hồn người đọc những tâm trạng riêng,những suy ngẫm riêng giàu trần trở .

Bài thơ mang dáng dấp một câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian. Cảm nghĩ trữ tình của tác giả men theo dòng tự sự này để bộc lộ .Trước hết là hình ảnh vàng trăng thiên nhiên gắn bó với tuổi thơ:

Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể

Bằng cách gieo vần lưng và điệp từ “với” được nhắc đi nhắc lại gọi ra trước mắt người đọc một tuổi thơ đầy ắp những kỷ niệm êm đềm ,tuổi thơ được vui đùa, được hoà mình với thiên nhiên,sông,bể ...Và khi đã trở thành người lính,trăng và người vẫn gắn bó bên nhau:

hồi chiến tranh ở rừng
vàng trăng thành tri kỉ

Vàng trăng đẹp để ân tình ,gắn với những kỷ niệm thiếu thời và những tháng năm chinh chiến .Trăng là hình ảnh của thiên nhiên hồn nhiên tươi mát ,là trò chơi tuổi thơ ,là ước mơ trong sáng ,là ánh sáng ,là niềm vui bầu bạn của người lính . Con người khi ấy sống giản dị và hoà hợp với thiên nhiên trong lành :

Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngỡ không bao giờ quên
cái vàng trăng tình nghĩa .

Vậy mà, hoàn cảnh sống thay đổi ,hết chiến tranh , con người trở về thành phố, quen với cửa gương và ánh điện của cuộc sống hiện đại lúc nào cũng rực rỡ sáng loà ,vàng trăng tri kỉ ,vàng trăng tình nghĩa của ngày xưa đã mau chóng trở thành quá khứ. Nếu ở khổ thơ đầu ta rung động trước một tình cảm gắn bó bền chặt thì đến đây người đọc lại sững sốt , ngỡ ngàng:

Vàng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường

Vẫn là vàng trăng ngày xưa nhưng con người giờ đã khác xưa, quen với ánh sáng nhân tạo nên coi trăng hoàn toàn xa lạ. Một sự thay đổi đến phủ phàng,tê tái... Người lính đã quên những tình cảm chân thành ,những tháng năm gian khổ nhưng chan chứa ân tình thuở trước.Mặc dù vậy trăng vẫn không quên, vẫn đến với bạn xưa bằng tình cảm tràn đầy không hề sứt mẻ .Người lính chỉ nhận ra điều đó khi:

Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn đình tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vàng trăng tròn .

Việc mất điện như một tình huống có vấn đề đột ngột xảy ra ,theo thói quen con người vì cần ánh sáng mà mở tung cửa sổ, lại nhìn thấy hình ảnh vàng trăng vẫn hiện diện trên bầu trời và toả sáng khắp căn phòng.Chính vàng trăng xuất hiện bất ngờ trong bối cảnh ấy đã gây ấn tượng mạnh ,thổi bùng nỗi nhớ về một thời quá khứ chưa xa :

Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng .

Phép nhân hoá tài tình khiến trăng và người đối diện đàm tâm là một cách viết lạ và sâu sắc của riêng Nguyễn Duy .Trong cuộc gặp mặt không lời ,người lính xưa xúc động“ rưng rưng” .Cảm xúc nghẹn ngào ,khó khăn như chỉ chực trào nước mắt.Sự xuất hiện đột ngột của vàng trăng làm ứa dậy trong tâm trí nhà thơ bao kỷ niệm xưa : những kỷ niệm thiếu thời ,những tháng năm chinh chiến giữa thiên nhiên, đất nước bình dị , hiền hoà. Tất cả hiện hình trong nỗi nhớ ,trong cảm xúc thiết tha và cả trong tư thế lặng im thành kính của tác giả... Vào lúc đó ông đã nhận ra, trăng vẫn tròn đầy, tình nghĩa ,thuỳ chung và vị tha, cao thượng :

Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình .
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình .

Hình ảnh “vầng trăng tròn vành vạnh” không chỉ thể hiện vẻ đẹp bình dị và vĩnh hằng của cuộc sống mà còn có ý nghĩa biểu tượng cho nghĩa tình quá khứ đẹp đẽ, vẹn nguyên, chẳng thể phai mờ .Trăng xuất hiện không một lời oán hờn trách cứ, nhưng đôi khi , im lặng lại là sự trừng phạt nghiêm khắc nhất .Không gian như chững lại,lặng yên trong cuộc gặp mặt không lời của hai người tri kỉ .Giây phút ấy tác giả nhận ra trăng chính là người bạn ,là nhân chứng đã chứng kiến trọn vẹn quá khứ nghĩa tình giờ lặng yên như nghiêm khắc nhắc nhở ta :con người có thể vô tình, có thể lãng quên ,nhưng thiên nhiên và nghĩa tình quá khứ thì luôn luôn tròn đầy,luôn luôn bất diệt .Điều đó đã tạo nên cái “giật mình ” đầy ý nghĩa của tác giả: giật mình để nhớ lại,để tự vấn lương tâm ,để nhận ra và hoàn thiện chính mình...

Giọng điệu tâm tình ,nhịp thơ lúc trầm lắng suy tư, lúc lại nhịp nhàng,ngân nga, tha thiết đã góp phần làm nổi bật chủ đề ,tạo nên sự chân thành và sức truyền cảm sâu sắc của bài thơ .

Từ một câu chuyện riêng ,tiếng thơ của Nguyễn Duy như một lời cảnh tỉnh, nhắc nhở thấm thía về thái độ sống “uống nước nhớ nguồn”, “ân nghĩa thủy chung” cùng quá khứ.Có lẽ vì vậy mà đến với “ánh trăng”,người đọc nào cũng thấy lòng mình dường như lắng lại ?!

HỌC KỲ II

MÙA XUÂN NHỎ NHỎ - THANH HẢI

**Đề 1: Cảm nhận của em về đoạn thơ sau trong bài thơ “Mùa xuân nhỏ nhỏ”- Thanh Hải:
Mọc giữa.....hứng.**

Bài làm:

MB: Mùa xuân là đề tài muôn thừa của thơ ca từ cổ chí kim. Đó là hình ảnh cỏ non rợn chân trời, điểm tuyết vài bông lê trắng trong thơ Nguyễn Du; Đó là mùa xuân tươi ngon vội vàng trong thơ Xuân Diệu hay cả mùa xuân chín trong thơ Hàn Mặc Tử... Với Thanh Hải mùa xuân lại dịu dàng trong trẻo mang đậm sắc màu xứ Huế quê hương được nhà thơ thể hiện thật sự cảm động trong đoạn thơ đầu của bài thơ “MXNN”: Mọc.....hứng.

TB:

- Chỉ bằng vài nét khắc họa tác giả đã vẽ ra được cả một không gian cao rộng của bức tranh xuân với dòng sông, mặt đất, bầu trời bao la.

Mọc giữa dòng.....tím biếc.

Màu sắc tươi thắm hài hoà đến tuyệt diệu. Hình ảnh dòng sông êm đềm xanh mát và sắc tím dịu dàng gợi hình ảnh của quê hương xứ Huế mộng mơ. Động từ “mọc” được đảo lên đầu câu khiến người đọc như hình dung ra một bông hoa tím đang từ từ mọc lên, bung xoè cánh giữa dòng sông xanh biếc. Không miêu tả hoa gì cụ thể, mọc ở dòng sông nào cũng là một dụng ý bởi tác giả muốn gợi ra nơi người đọc cái linh hồn của cảnh vật và đặc biệt hơn là vẻ đẹp dịu nhẹ thanh mát của thiên nhiên ban tặng. Trong bức tranh xuân ấy còn có cả âm thanh của tiếng chim chiền chiện rộn ràng làm cho cả không gian sống động tươi vui. Một nhà thơ đồng hương của Thanh Hải cũng đã từng thốt lên:

Ồi tiếng hót mê say con chim chiền chiện

Trên đồng lúa chiêm xuân, chao mình bay liệng(Tố Hữu)

Còn Thanh Hải: “oi con chim chiền chiện/ Hót chi mà vang trời”. Chim hót gọi xuân về, chim hót làm đất trời rung động và làm trái tim bao người xao xuyến rộn ràng. Từ cảm thán “oi” biểu lộ niềm vui ngây ngất đến ngạc nhiên về âm thanh rộn ràng, vắn vít. Hai tiếng “hót chi” là giọng điệu thân thương của người dân xứ Huế được tác giả đưa vào câu thơ gợi âm hưởng tha thiết, vắn vưng và vô cùng thương mến giữa con người với tạo vật.

- Nhân vật trữ tình như đang lắng nghe, như đang say sưa ngây ngất trước cảnh trời xuân ấy.

“Tùng ...hứng”

Giọt long lanh. Không rõ là giọt gì, giọt mưa xuân hay giọt sương sớm trong suốt phản chiếu ánh bình minh. “Tôi đưa tay hứng” từng giọt ấy như muốn thấu nhận tất cả những vẻ đẹp mới mẻ, tinh khiết trong sáng của thiên nhiên đất trời hào phóng ban tặng con người. Tuy nhiên, nếu liên hệ với hai câu thơ trên có thể hiểu “Giọt long lanh” là âm thanh của tiếng chim từng giọt đọng lại, rơi xuống có thể đưa tay hứng được. Cách chuyển đổi cảm giác từ thính giác(âm thanh- nghe) sang thị giác (Từng giọt) sang xúc giác (tôi hứng) có vẻ hơi cầu kỳ. Nhưng nếu đặt trong hoàn cảnh tác giả sáng tác bài thơ này khi đang ở trên giường bệnh mới thấy hết được sự liên tưởng chuyển đổi cảm giác là hợp lý. Bởi cách chuyển đổi ấy cho ta thấy được một tình cảm yêu thiên nhiên, gắn bó với thiên nhiên với quê hương đất nước. Có như vậy mới có được những cảm xúc liên tưởng, tưởng tượng của tác giả. Câu thơ như một sự ngạc nhiên, vui thú hân hoan khi được tắm mình giữa thiên nhiên tươi đẹp ấy. “đưa tay hứng”- một cử chỉ bình dị trân trọng mà thật sự xúc động trong sâu thẳm tâm hồn của nhân vật trữ tình.

Tóm lại chỉ với vài ba nét phác họa Thanh Hải đã vẽ nên một bức tranh xuân tươi đẹp và đáng yêu vô cùng. Đó là vẻ đẹp và sức sống mãnh mẽ của đất nước vào xuân. Theo mạch cảm xúc đó để nhà thơ liên tưởng đến mùa xuân sản xuất và chiến đấu của nhân dân ta đang hồi hả hê xông xáo trong khí thế khẩn trương tiến lên phía trước. Và chính tác giả Cũng muốn đóng góp một phần nhỏ bé của mình vào mùa xuân chung của dân tộc.

Thêm một lần nữa, Thanh Hải đã góp cho thơ ca hiện đại nói riêng, thơ ca dân tộc nói chung một bức tranh xuân đẹp đậm đà tình nghĩa. Một khổ thơ 6 câu, mỗi câu 5 chữ với giọng thơ ngân vang tha thiết, ngôn ngữ thơ trong sáng hàm súc, các biện pháp đảo ngữ và nghệ thuật chuyển đổi cảm giác tài hoa đã diễn tả một cách sâu sắc cảm động về mùa xuân của thiên nhiên đất trời và cũng là tình cảm yêu thương sâu sắc của tác giả với quê hương đất nước.

Thơ là tiếng nói tâm hồn. Tiếng nói của con tim. Thanh Hải đã làm rung động đáy sâu tình cảm mỗi người từ bức tranh xuân thanh bình và trong trẻo ấy. Làm sao có thể không quý, không yêu một mùa xuân xinh xắn rộn ràng và thiết tha đến thế.

Đề : Phân tích bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ”- Thanh Hải , để làm rõ ý nghĩa nhan đề của bài thơ (Quan niệm sống của nhà thơ)

MB: Thanh Hải(1930- 1980) tên khai sinh là Phạm Bá Ngoãn, quê ở huyện Phong điền tỉnh Thừa Thiên- Huế. Là nhà thơ trưởng thành trong thời kỳ k/c chống Mỹ. Thơ Thanh Hải trong trẻo mang những cảm xúc suy nghĩ về giá trị cuộc sống một cách nhẹ nhàng. Bài thơ “MXNN” được tác giả sáng tác vào cuối năm 1980 là một bài thơ hay thể hiện tình cảm yêu đời và khát vọng dâng hiến của mình cho cuộc đời thêm phong phú

Mở đầu bài thơ là tình cảm ngợi ca mùa xuân thiên nhiên và vẻ đẹp của đất nước bốn nghìn năm bản lĩnh của dân tộc. Từ đó nhân vật trữ tình – Thanh Hải nguyện cầu muôn được hoá thân vào mùa xuân lớn để mãi mãi hiến dâng. Tâm nguyện đó được tác giả thể hiện cảm động qua hai khổ thơ 5 và 6 của bài:

Ta làm con chim hót

.....

Dù là khi tóc bạc.

Trước hết đó là khát vọng hoá thân để nhập vào mùa xuân chung- mùa xuân của thiên nhiên và của dân tộc bằng những hình ảnh giản dị thiết tha.: Đó là muốn làm con chim hót rộn ràng – con chim chiến chiến “hót chi mà vang trời” tiếng hót long lanh trong veo giữa trời xuân; đó là “muốn làm ” nhàn hạ hoa lặng lẽ tỏa hương làm mát mắt cho đời – cảnh hoa xuân tím biếc ấy đua nở nơi nơi tô đẹp cho mùa xuân quê hương xứ sở. Và muốn làm một nốt trầm nhập vào bản hoà ca dân tộc rộn ràng- một nốt trầm làm xao xuyến rung động lòng người. Ba hình ảnh ẩn dụ “con chim hót”, “cảnh hoa”, nốt trầm“ thể hiện một lời nguyện cầu thánh thiện. Hoà nhập mà không hoà tan. Trong cái chung rộng lớn có cái ta riêng biệt. Không nổi trội nhưng cũng không mất hút trong cái chung rộng lớn ấy. Nhà thơ Tố Hữu cũng từng có cảm xúc này :

Nếu là con chim, chiếc lá

Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh.

Lẽ nào vay mà không có trả

Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình.

Nhưng cách nói của Tố Hữu có phần khô, có phần nào đó còn như lời kêu gọi, tuyên truyền, không được tự nhiên như Thanh Hải: Tha thiết, nhỏ nhẹ mà sâu sắc. Nếu ở khổ thơ đầu, chủ thể trữ tình là “tôi”- là Thanh Hải thì đến khổ thơ này đã chuyển thành “ta”. Tâm hồn nhà thơ đã đồng điệu hoà nhịp với mọi người, với mọi tâm hồn trong cộng đồng dân tộc. Khổ thơ đã sử dụng hàng loạt biện pháp tu từ điệp ngữ và ẩn dụ sáng tạo . Hình tượng đẹp, nhạc thơ réo rắt du dương “ta làm...ta làm ...ta nhập” được lấy lại liên tiếp khiến cho lời nguyện cầu cất lên thật tha thiết như được thốt ra từ đáy lòng, trong sâu thẳm trái tim với một tình cảm nồng ấm.

Khổ thơ tiếp theo, không dừng lại ở khát vọng hoà nhập mà là khát vọng dâng hiến chân thành:

Một mùa xuân nho nhỏ

.....Dù là khi tóc bạc.

Chỉ là ước nguyện là một “mùa xuân nho nhỏ để lặng lẽ dâng cho đời ”. Dâng cho đời tất cả những gì tinh túy nhất của mình – một tâm nguyện công hiến cảm động. Không giữ gì cho riêng mình tất cả tất cả vì cuộc đời chung. Từ lấy “nho nhỏ” và “lặng lẽ” biểu lộ một cách chân thực và đáng kính biết bao. Phải là người biết “uống nước nhớ nguồn” biết “sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình” mới biết đem hết sức lực, tài trí đền lặng lẽ dâng cho đời như vậy. Lòng trung hiếu, ý thức công dân được nhà thơ nói thật dễ hiểu, dễ đi vào lòng người.

Hai câu thơ song hành đối xứng “dù là...dù là” một lần nữa sử dụng điệp ngữ như một nốt nhấn rung lên trong bản hoà ca mùa xuân. Câu thơ như một lời thề tâm huyết: cả cuộc đời cống hiến cho dân tộc cho nhân dân du ở tuổi thanh xuân hay cả khi mái đầu đã bạc. Đó là tâm niệm đau đáu của một con người đang nằm trên giường bệnh trước lúc ra đi vẫn một mực nghĩ đến cuộc đời đến dâng hiến . đến những ngày cuối cùng của đời mình vẫn góp vào cuộc đời một “Mùa xuân nho nhỏ”

Hiểu lời nguyện cầu , hiểu ước vọng, hiểu lời nhắn nhủ của nhà thơ trước lúc đi xa, tuổi trẻ chúng ta hôm nay và mai sau hãy góp vào mùa xuân chung của đất nước, của cuộc đời một mùa xuân nho nhỏ xinh xinh của riêng mình. Giá trị của bài thơ chính là ở đó.

Đề bài : Suy nghĩ của em về bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ ” của Thanh Hải .

Đáp án :

Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ ” được Thanh Hải sáng tác năm 1980 khi nhà thơ đang nằm trên giường bệnh. Bài thơ là tiếng lòng thiết tha, yêu mến và gắn bó với đất nước ,với cuộc đời và thể hiện chân thành một ước nguyện hiến dâng .

Mở đầu bài thơ là bức tranh mùa xuân của thiên nhiên được phác hoạ bằng vài nét chấm phá :

Mọc giữa dòng sông xanh

.....Hót chi mà vang trời.

Chỉ bằng vài nét đơn sơ mà đặc sắc ,với những hình ảnh nhỏ nhỏ, thân quen , bình dị, nhà thơ đã vẽ lên bức tranh xuân thơ mộng, đậm phong vị xứ Huế .Bức tranh có không gian thoáng đãng ,sắc màu tươi tắn, hài hoà và âm thanh rộn rã tươi vui của tiếng chim chiến chiến . Cách lựa chọn hình ảnh “dòng sông xanh” , “bông hoa tím” , cách sử dụng các từ ngữ “ơi” , “chi” đi liền sau động từ “hót” khiến người đọc liên tưởng đến quê hương xứ Huế và cả tâm trạng say đắm hân hoan của tác giả . Đường như thấp thoáng đâu đó trong câu thơ là màu xanh của dòng Hương Giang mềm mại và những tà áo dài tím biếc của những cô gái Huế mộng mơ, cùng với âm thanh rộn rã, tươi vui của tiếng chim chiến chiến, khiến mùa xuân của cố đô trầm mặc, chợt trở nên rực rỡ, rộn ràng .Cảm xúc của tác giả trước mùa xuân còn được miêu tả ở chi tiết rất tạo hình :

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng .

Giọt âm thanh của tiếng chim thật trong ,thật tròn,vang ngân giữa không gian,đọng lại thành từng giọt hữu hình long lanh như hạt ngọc ,nhà thơ đưa tay hứng với tất cả sự trân trọng , đắm say . Sự chuyển đổi cảm giác khiến hình ảnh thơ trở nên lung linh, đa nghĩa góp phần diễn tả trọn vẹn hơn niềm say sưa, ngây ngất của tác giả trước vẻ đẹp của thiên nhiên, trời đất vào xuân .

Từ mùa xuân của thiên nhiên, trời đất nhà thơ chuyển sang cảm nhận về mùa xuân của đất nước . Tác giả hướng tình cảm của mình tới những con người đang làm đẹp mùa xuân :

Mùa xuân người cầm súng

.....Lộc trải dài nương mạ.

Những câu thơ tạo ra hình ảnh sóng đôi đẹp như hai vế của câu đối mừng xuân nói về những người chiến sỹ bảo vệ và những người lao động dựng xây đất nước .“Lộc” theo bước chân người cầm súng ra trận,theo bàn tay người lao động ra đồng và gieo mùa xuân đến khắp mọi miền đất nước. Có lẽ bởi vậy mà không khí khẩn trương ,rộn ràng , náo nức lan toả khắp tứ thơ :

Tất cả như hối hả

Tất cả như xô nhau.

Điệp từ “tất cả” ,từ láy “hối hả”, “xôn xao ” tạo nên nhịp điệu mùa xuân hối hả ,hào hùng ,mở ra những cảm nhận chan chứa tự hào về đất nước :

Đất nước bốn ngàn năm

.....Cứ đi lên phía trước .

Hình ảnh so sánh đẹp : “đất nước như vì sao” toả sáng, luôn vận động và phát triển không ngừng, có ý nghĩa định hướng ,giục giã mọi người hăng say cống hiến xây dựng quê hương .

Trước mùa xuân của đất nước, nhà thơ tâm niệm về mùa xuân riêng của mỗi cuộc đời và dạt dào một khát vọng hiến dâng :

Ta làm con chim hót

.....Một nốt trầm xao xuyến .

Nếu ở đầu bài thơ tác giả miêu tả những hình ảnh làm đẹp thêm ,tô điểm thêm cho mùa xuân là âm thanh náo nức vang trời của tiếng chim chiến chiến và sắc màu tím biếc dịu dàng của cánh lục bình nhỏ trên sông thì ở đây tứ thơ được lặp lại, tạo ra sự đối ứng chặt chẽ . Tác giả mong muốn được làm bông hoa toả ngát hương ,con chim mang tiếng hót và nốt trầm xao xuyến để hiến dâng nhưng không làm mất đi nét riêng của mỗi người .Đó thực sự là lời tâm niệm chân thành, tha thiết, khiêm nhường và khát khao được cống hiến phần tinh túy nhất của mình làm đẹp thêm mùa xuân của quê hương, xứ sở mà không bị giới hạn bởi thời gian, tuổi tác :

Một mùa xuân nhỏ nhỏ

.....Dù là khi tóc bạc .

“Mùa xuân nhỏ nhỏ” là một sáng tạo bất ngờ ,độc đáo mà tự nhiên, hợp lý của nhà thơ , bởi mùa xuân vốn là một khái niệm chỉ thời gian thế mà ở đây “ mùa xuân” lại có khối ,có hình ,một hình hài nhỏ nhỏ thật xinh xắn . Mùa xuân đã trở thành một ẩn dụ nói về khát vọng , một lẽ sống cao đẹp, một ý thức khiêm nhường góp sức mình làm đẹp thêm mùa xuân của thiên nhiên,đất nước.Điệp từ “dù là” đặt ở đầu hai câu thơ liên tiếp có ý nghĩa khẳng định cho khát vọng dâng hiến miệt mài, không mệt mỏi của tác giả .

Thể thơ năm chữ có nhạc điệu trong sáng, tha thiết ,gần gũi với dân ca nhiều hình ảnh đẹp ,giản dị ,gợi cảm ,những so sánh và ẩn dụ sáng tạo đã góp phần tạo nên thành công không nhỏ cho bài thơ .

Bài thơ kết thúc khi đã làm lay động trái tim mỗi người bởi chất hoạ gợi cảm, chất nhạc vấn vương và ước nguyện thiết tha chân thành của tác giả .Dường như ước nguyện nhỏ bé khiêm nhường ấy không còn là của riêng Thanh Hải mà đã trở thành tiếng lòng chung của nhiều người .Bởi vậy mà đọc xong bài thơ em muốn tự hỏi mình một điều giản dị :

“Ôi sống đẹp là thế nào hồi bạn ?

Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình !”

(Tố Hữu)

VIẾNG LĂNG BÁC – VIỄN PHƯƠNG

Đề bài : Suy nghĩ của em về bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương

Đáp án : Trong những bài thơ viết về Bác sau ngày Bác đi xa , “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương là một bài thơ đặc sắc . Bài thơ diễn tả niềm kính yêu ,sự xót xa và lòng biết ơn vô hạn của nhà thơ đối với vị lãnh tụ bằng cảm xúc chân thành ,thiết tha, sâu lắng.

Từ mảnh đất miền Nam mấy chục năm trời chiến đấu gian khổ ,tác giả làm cuộc hành hương về đất Bắc . Lòng bồi hồi xúc động ,anh tìm đến Ba Đình :

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác.

.....Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng .

Đoạn thơ mở đầu thiêng liêng thành kính nhưng vẫn gợi một không khí âm áp gần gũi không chỉ ở cách xưng hô “con” mà còn ở cách dùng từ mang ý nghĩa giảm nhẹ . Nhà thơ không nói ra “viếng” mà là ra “thăm” ,như con về thăm cha ,thăm nơi Bác nghỉ . Nỗi đau như cố dẫu mà giọng thơ vẫn chan chứa ngậm ngùi. Hình ảnh đầu tiên gây ấn tượng đậm nét với tác giả là hình ảnh hàng tre trong sương sớm, trải dài, bát ngát một màu xanh, khiến cho lăng Bác trang nghiêm bỗng trở nên thân thuộc, gần gũi như xóm làng Việt Nam . Hình ảnh hàng tre “đứng thẳng hàng” trong “bão táp mưa sa” đã trở thành biểu tượng cho sức sống bền bỉ ,kiên cường ,không bao giờ chịu khuất phục của nhân dân Việt Nam . Hình ảnh đó như khúc dạo đầu mở ra một loạt những suy tưởng mênh mông, sâu lắng:

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ .

“Mặt trời trong lăng” là một ẩn dụ chỉ Bác Hồ , mặt trời thiên nhiên đem lại ánh sáng và sự sống .Còn mặt trời Bác cũng là ánh sáng soi đường đem lại cuộc sống hạnh phúc, ấm no .Mặt trời Bác toả sáng, âm áp, sóng đôi và trường tồn cùng mặt trời thiên nhiên là một sáng tạo riêng của tác giả .Cách nói vừa ca ngợi sự vĩ đại , bất tử của Bác vừa thể hiện sự tôn kính , ngưỡng mộ và lòng biết ơn vô hạn đối với Bác ...Tất cả tình cảm đó dệt thành ý thơ tuyệt đẹp:

Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ

Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.

Điệp ngữ “ngày ngày ”và hình ảnh “dòng người đi trong thương nhớ ”vừa gợi ấn tượng về cõi trường sinh vĩnh viễn vừa gợi tấm lòng nhân dân không nguôi nhớ Bác . Tình cảm đó kết thành tràng hoa đẹp dâng lên 79 mùa xuân của Bác kính yêu . Nhịp thơ chậm rãi ,dàn trải ,cấu trúc câu và từ ngữ được lặp lại gợi liên tưởng đến những bước đi chậm chậm của dòng người vào lăng viếng Bác trong không khí thiêng liêng, thành kính và niềm cảm xúc thiết tha..

Đứng trước di hài Bác ,bao tình cảm ấp ủ bấy lâu bỗng trào dâng thổn thức :

Bác nằm trong giấc ngủ bình yên

.....Mà sao nghe nhói ở trong tim .

“Trời xanh” , “vàng trắng” là những hình ảnh kỳ vĩ của thiên nhiên gợi suy ngẫm về cái cao cả ,vĩ đại , bất diệt , trường tồn . Bác vẫn còn mãi với non sông, người đã hoá thân vào thiên nhiên , đất nước . Sự nghiệp của người là bất tử .Dù tin như vậy nhưng trái tim vẫn nhói đau khi nghĩ rằng Bác không còn nữa .Nỗi đau được biểu hiện cụ thể , trực tiếp “mà sao nghe nhói ở trong tim! ”.Đó là nỗi đau ,là niềm thương vô hạn của đứa con về muộn bên di hài người cha yêu kính .

Cuộc gặp gỡ nào rồi cũng đến lúc phải chia tay .Lòng nhớ thương ,đau xót kìm nén đến giờ vỡ oà thành nước mắt :

Mai về miền Nam thương trào nước mắt

.....Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này .

Ước nguyện được hoá thân thành con chim ,đóa hoa ,cây tre để canh giữ ,điểm tô cho nơi vị lãnh tụ kính yêu yên nghỉ . Hình ảnh cây tre lặp lại cuối bài tạo ấn tượng đậm nét thể hiện lòng kính yêu và lòng biết ơn vô hạn đối với Bác .Điệp ngữ “muốn làm” , cấu trúc câu được lặp lại tạo thành nốt nhạc dồn dập ,tha thiết diễn tả tình cảm ,khát vọng trào dâng mãnh liệt . Bài thơ tưởng khép lại trong sự xa cách về không gian nhưng lại tạo được sự gần gũi trong tình cảm ,ý chí .Như vậy bước chân ra đi nhưng tấm lòng của người con miền Nam thì ở lại .Tiếng lòng đó , ước nguyện đó không chỉ là của riêng tác giả mà đã trở thành tiếng lòng chung của nhiều người .

“Viếng lăng Bác” là bài thơ giàu chất suy tưởng ,chất trữ tình đậm thấm với cách sử dụng nhiều luyến láy ngôn ngữ ,phong phú âm điệu khiến bài thơ mau chóng được đông đảo bạn đọc tiếp nhận .Chính vì vậy nó đã sớm được phổ nhạc và trở thành một bài ca sâu lắng ,giàu sức truyền cảm và quen thuộc với mỗi người Việt Nam

SANG THU – HỮU THỈNH

Đề bài : Suy nghĩ của em về bài thơ “Sang Thu” – Hữu Thỉnh

Đáp án :

Khoảnh khắc giao mùa có lẽ là khoảnh khắc đẹp đẽ nhất của tự nhiên ,nó gieo vào lòng người những rung động nhẹ nhàng khiến ta như giao hoà, đồng điệu .Khi chúng ta chưa hết ngỡ ngàng bởi một Xuân Diệu “tựa cửa nhìn xa nghĩ ngợi gì ” thì đã gặp một Hữu Thỉnh tinh tế , sâu sắc đến vô cùng qua một thoáng “Sang Thu”. **Bài thơ là những cảm nhận ,những rung động man mác, băng khuâng của tác giả trước vẻ đẹp và sự biến đổi kỳ diệu của thiên nhiên trong thời khắc giao mùa .**

Mở đầu bài thơ là những tín hiệu giao mùa được tác giả cảm nhận bằng tất cả các giác quan. Không phải là sắc “mơ phai” hay hình ảnh “con nai vàng ngơ ngác” mà là hương ổi thân quen nơi vườn mẹ đã đánh thức những giác quan tinh tế nhất của nhà thơ :

Bỗng nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se,

Câu thơ có hương vị ấm nồng của chớm thu ở một miền quê vùng đồng bằng Bắc Bộ .Tín hiệu đầu tiên để tác giả nhận ra mùa thu là “hương ổi”. Mùi hương quê nhà mộc mạc “phả” trong gió thoảng bay trong không gian .Cảm giác bất chợt đến với nhà thơ : “bỗng nhận ra” -một sự bất ngờ mà như đã chờ đợi sẵn từ lâu lắm .Câu thơ không tả mà cũng không gọi sự liên tưởng đến màu vàng ươm , hương thơm lựng , vị giòn, ngọt, chua chua nơi đầu lưỡi của trái ổi vườn quê . Bởi nếu thế thì mùa thu đã đến thật rồi, thậm chí đã là giữa mùa thu. Ở đây là cảm giác chợt nhận ra hương ổi “phả” vào trong gió, khi có, khi không- Thu đang bắt đầu đến .Và không chỉ có thế ,cả sương thu như cũng chứa đầy tâm trạng,thong thả, chùng chình giăng mắc trên khắp nẻo đường thôn :

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về .

Sương thu đã được nhân hoá, hai chữ “chùng chình” diễn tả rất thơ bước đi chậm chậm của mùa thu . Nếu ở câu thơ đầu tiên nhà thơ “bỗng nhận ra” thu về khá bất ngờ và đột ngột thì sau khi cảm nhận sương thu, gió thu, thi sỹ vẫn ngỡ ngàng thốt lên lời thán thì như tự hỏi :**Hình như thu đã về!?** Tâm hồn thi sỹ nắm bắt những biến chuyển nhẹ nhàng, mong manh của tạo vật trong phút giao mùa cũng êm đềm, băng khuâng như bước đi nhỏ nhẹ của mùa thu .

Không gian nghệ thuật của bức tranh thu được mở rộng hơn, cái bờ ngỡ ban đầu vụt tan biến đi nhường chỗ cho những rung cảm mãnh liệt trước không gian thu đang biểu hiện ngày càng rõ nét. :

Sông được lúc dềnh dàng

Chim bắt đầu vội vã

Sông nước đầy nên mới “dềnh dàng” nhẹ trôi như cố tình chậm lại ,những đàn chim vội vã bay về phương Nam tránh rét ...Không gian thu thư thái , hữu tình và chứa chan thi vị. Đặc biệt hình ảnh hình ảnh đám mây – một hình ảnh độc đáo của nhà thơ Hữu Thỉnh diễn tả thần tình phút giao mùa:

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu .

Viết về thời khắc chuyển mùa, nhiều nhà thơ đã rất thành công trong đó có Xuân Diệu với “Đây mùa thu tới”. Tuy nhiên mùa thu trong thơ Xuân Diệu vừa đến đã nhuộm vàng thiên nhiên đất trời; hơi lạnh của sương thu đã luồn vào từng kẽ lá.

...Đây mùa thu tới, mùa thu tới

Với áo mơ phai dệt lá vàng

...Những luồng run rẩy rung rinh lá

Đôi nhánh khô gầy sương mỏng manh.

Cái tài của Hữu Thỉnh là đã làm cho thời gian như dừng lại. Không gian như chia đôi, nửa bên này là hạ, nửa bên kia là thu. Thu đang đến nhưng chưa đến hẳn, hạ đang qua mà chưa qua hết. Câu thơ có tính tạo hình của không gian những lại có ý nghĩa diễn tả sự vận động của thời gian .Một cảm giác rất nhẹ , rất dịu , rất êm , mơ hồ như cả đất trời đang rung mình thay áo mới ...

Khổ thơ thứ ba diễn tả rất rõ sự biến chuyển của không gian và cũng là một thoáng suy tư của nhà thơ trước cảnh vật, đất trời :

Vẫn còn bao nhiêu nắng

Đã vơi dần cơn mưa

Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi .

Vẫn là nắng, mưa, sấm, chớp của mùa hạ vương lại đâu đây , song chỉ là “vẫn còn” , “đã vơi dần” , “ cũng bớt bất ngờ” bởi mùa thu đã đến . Ý thơ còn gợi liên tưởng đến con người khi đã lớn tuổi và từng trải thì những giông gió, thăng trầm của cuộc đời ít làm con người ta bất ngờ, bị động . Những suy tư đó của tác giả có lẽ đã góp phần làm cho “Sang thu” trở nên giàu ý nghĩa .

Hình ảnh thơ đẹp , ngôn từ tinh tế , giọng thơ êm đềm và những rung động man mác , bằng khuâng của tác giả trong buổi giao mùa đã tạo nên một dấu ấn không dễ phai mờ trong lòng bao độc giả . Có lẽ vì vậy mà sau khi đọc “Sang thu” của Hữu Thỉnh ta càng thấy yêu hơn mùa thu thiết tha, nồng hậu của quê nhà .

NÓI VỚI CON

Đề bài : Suy nghĩ của em về bài thơ “Nói với con” – Y Phương.

Y Phương (1948) , tên thật là Hứa Vĩnh Sước quê ở huyện Trùng Khánh tỉnh Cao Bằng .Là một nhà thơ tiêu biểu cho các dân tộc miền núi "Thơ Y Phương như một bức tranh thổ cẩm đan dệt nhiều màu sắc khác nhau ,phong phú và đa dạng ,nhưng trong đó có một màu sắc chủ đạo, âm điệu chính là bản sắc dân tộc rất đậm nét và độc đáo."(Từ điển tác giả ,tác phẩm văn học Việt Nam). “Nói với con” là t/p tiêu biểu cho phong cách ấy. Mượn lời người cha nói với con, bài thơ thể hiện tình cảm gia đình ấm áp, ngợi ca truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của dân tộc, đồng thời gợi nhắc tình cảm gắn bó với quê hương và ý chí vươn lên trong cuộc sống.

Mở đầu bài thơ là khung cảnh gia đình ấm cúng, đầy ắp tiếng nói cười . Y Phương đã tạo được không khí gia đình đầm ấm quần quýt. Từng bước đi, từng giọng nói tiếng cười của con đều được mẹ cha chăm chút, vui mừng đón nhận.

"Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười

Khung cảnh ấy đẹp như 1 bức tranh: hình ảnh em bé ngây thơ lẫm chẫm tập đi, bi bô tập nói trong vòng tay, trong tình yêu thương, chăm sóc, nâng niu của cha mẹ; hình ảnh cha mẹ giang rộng vòng tay, chăm chút từng bước đi, từng bước đi, từng nụ cười, tiếng nói của con. Gia đình chính là cái nôi êm ái, tổ ấm để con sống, lớn khôn và trưởng thành trong niềm yêu thương . Đó là không khí thường thấy trong các gia đình hạnh phúc. Nhưng cách diễn đạt ở đây có nét độc đáo riêng của người miền núi: nói bằng hình ảnh cụ thể. Điệp ngữ "bước tới", trong tình cảm người cha, không khỏi niềm sung sướng, tự hào. Bên cạnh đó là cách nói bằng số đếm mang đậm phong cách của người miền núi thể hiện vừa cụ thể vừa độc đáo tình cảm yêu thương, nâng đỡ, mong chờ của cha mẹ.

Nhưng lời đầu tiên người cha muốn nói với con không chỉ là công ơn sinh dưỡng của cha mẹ mà còn nhắc nhở về sự trưởng thành của con nhờ tình cảm đùm bọc nghĩa tình của quê hương.

Người đồng mình yêu lắm con ơi
Đan lờ cài nan hoa
Vách nhà ken câu hát
Rừng cho hoa
Con đường cho những tấm lòng
Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới
Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời ."

Một cách nói rất riêng, rất ngộ : "người đồng mình", là người miền mình, người vùng mình, là những người cùng sống trên một miền đất, cùng quê hương, cùng dân tộc. Đó là cách nói mang tính địa phương của người dân tộc Tày nói riêng, người miền núi nói chung mộc mạc nhưng giàu sức biểu cảm. Những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc đều được diễn tả trực tiếp bằng hình ảnh. Đan lờ để bắt cá, dưới bàn tay của người Tày, những nan trúc, nan tre đã trở thành "nan hoa". Vách nhà ko chỉ ken bằng gỗ mà còn đẽ ken bằng "câu hát". Rừng đâu chỉ cho nhiều gỗ quý, lâm sản mà còn cho hoa. Ba động từ "đan", "cài", "ken" còn thể hiện sự đoàn kết, gắn bó của quê hương. Lao động đã đem đến cho con bao điều tốt đẹp, "người đồng mình" và quê hương ắp ụ, nuôi sống con trong tình thương yêu, trong tình đoàn kết buôn làng. Và con đường đâu chỉ để đi mà nó còn cho "những tấm lòng" nhân hậu, bao dung, nghĩa tình. Con thật hạnh phúc vì con được sống giữa những con người như vậy - những con người khéo tay, yêu thiên nhiên , yêu lao động, lạc quan và nhân hậu. Thiên nhiên đồng mình cũng rất đẹp : Rừng núi quê hương thơ mộng đã dành cho con những gì tinh túy nhất (hoa), đã nuôi dưỡng con về cả tâm hồn, lối sống, "tấm lòng ". Và từng ngày ,con đã lớn lên ...có cha mẹ nâng đỡ và mong chờ ,có thiên nhiên thơ mộng, có cuộc sống lao động gắn bó .Con đã trưởng thành trong nghĩa tình của quê hương như vậy đó . Cha mẹ cho con phần xác, quê hương cho con phần hồn - Nói với con những điều đó ,cha mong cho con hiểu những tình cảm cội nguồn đã sinh dưỡng con , để con yêu cuộc sống hơn và thấy hơn trách nhiệm của mình khi đã trưởng thành. .

Không chỉ có thế, người cha còn muốn con nhìn thấy những vẻ đẹp mộc mạc, mạnh mẽ, khoáng đạt của “người đồng mình” cũng như những phong tục tập quán tốt đẹp của quê hương.

Người đồng mình thương lắm con ơi /Cao đo nỗi buồn /Xa nuôi chí lớn.... Dặn dò con về quê hương ,về "đồng mình ", cha càng muốn con phải khắc cốt ghi xương nơi mình đã sống, đã trưởng thành. Cuộc

sống của "người đồng mình" vất vả, gian nan "thương lắm con ơi": "Sống trên đá ..đá gập ghềnh / Sống trong thung ..thung nghèo đói ../Lên thác xuống ghềnh ..cực nhọc .." Nhưng tự hào lắm bởi người đồng mình đã, đang và sẽ luôn sống đẹp .Họ có sức sống mạnh mẽ : vất vả nhưng khoáng đạt, gắn bó với quê hương . Họ "không chê, không lo " gian khổ, mà vẫn sống tràn đầy "như sông như suối ". Họ mộc mạc, chân chất nhưng giàu ý chí, niềm tin, mong xây dựng quê hương tốt đẹp hơn :

"Người đồng mình thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục ".

Cách nói mộc mạc mà chứa đựng bao ân tình rất cảm động đó được lặp đi lặp lại như một điệp khúc trong bài ca. Chính tình thương đó là sức mạnh để "người đồng mình" vượt qua bao gian khổ cuộc đời. Những câu thơ ngắn, đối xứng nhau "cao đo nỗi buồn/ xa nuôi chí lớn" diễn tả thật mạnh mẽ chí khí của "người đồng mình": sống vất vả, nghèo đói, cực nhọc, lam lũ nhưng có chí lớn, luôn yêu quý tự hào, gắn bó với quê hương. Người cha nhân mạnh truyền thống của người đồng mình - Truyền thống ấy thật đáng tự hào.

Lời cha nói với con mà cũng là lời dạy con về bài học đạo lý làm người. Đoạn thơ rất dồi dào nhạc điệu, tạo nên bởi điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc câu và nhịp thơ rất linh hoạt , lúc vươn dài, khi rút ngắn, lời thơ giản dị, chắc nịch mà lay động, thấm thía, có tác dụng truyền cảm mạnh mẽ. Điều lớn lao nhất mà người cha muốn truyền cho con chính là lòng tự hào với quê hương và niềm tự tin khi bước vào đời . Nói với con mà chính là cha đã trao tặng cho con ; Cha đã vun đắp cho con những tình cảm tốt đẹp, cho con một hành trang quý và đã sẵn sàng tung cánh cho con bay đi khắp mọi nơi:

"Con ơi tuy thô sơ da thịt
Lên đường
Không bao giờ được nhỏ bé
Nghe con ".

Khổ thơ cuối khép lại lời người cha nói với con nhưng lại mở ra cho người đọc nhiều liên tưởng thấm thía. Con biết sống sao cho tốt, cho xứng đáng với tình cảm của cha ; Cho con hiểu cuộc sống của người đồng mình , người cha muốn con cảm thương với những khó khăn ,vất vả để khao khát đi xây dựng quê hương . Ca ngợi những đức tính cao đẹp của người đồng mình , cha đã truyền cho con vẻ đẹp sức mạnh của truyền thống quê hương , mong con sống có tình nghĩa ,biết chấp nhận gian khó ,vươn lên bằng ý chí của mình ,vững vàng trên đường đời. Đó tình yêu thương, niềm tin tưởng mong muốn con “Lên đường” hãy mang theo hành trang tốt đẹp của quê hương, hãy tự hào và phát huy truyền thống ấy.

Bài thơ không dài với 28 câu thơ tự do, có câu 2 chữ, có câu 10 chữ, hình ảnh thơ cụ thể gợi cảm xúc tự nhiên, dạt dào của ý thơ . Giọng thơ triu mến, ngọt ngào; từng tiếng nhắc nhở ,dặn dò "yêu lắm con ơi ", "thương lắm con ơi " ,"Con ơi ..nghe con !" nghe sao thân thương gần gũi và vô cùng ấp áp thiết tha.

Đi từ đề tài quen thuộc : tình cảm cha con ,phụ tử thiêng liêng , nhưng với Y Phương ,trong làng thơ Việt Nam đã có thêm một lối đi , một giai điệu mới . Khác với "Chiếc lược ngà " - tình cha con được đặt trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh - tình cha con trong bài thơ được thể hiện qua lời tâm tình nhỏ nhẹ, chân thành. Tiếng cha nói với con hay chính là lời trao gửi thế hệ vậy !

Nghị luận xã hội

Đề bài1 : Trò chơi điện tử là món tiêu khiển hấp dẫn. Nhiều bạn vì mải chơi điện tử mà sao nhãng học tập và còn vi phạm những sai lầm khác. Hãy nêu suy nghĩ của em về hiện tượng đó.

ĐÁP ÁN

Trò chơi điện tử vốn là một trò giải trí lành mạnh song hiện tượng đam mê trò chơi này mà sao nhãng học hành và gây nhiều hậu quả tại hại đã trở thành một vấn đề bức xúc ở lứa tuổi học sinh hiện nay .

Có thể thấy gần những trường học đâu đâu cũng có những quán Internet mọc lên .Nhìn bề ngoài thật đáng vui vì internet là phương tiện thông tin tốt để phục vụ cộng đồng. Nhưng hầu hết người đến quán internet là học sinh. Họ đến đó không phải để truy cập thông tin phục vụ cho việc học mà để chơi điện tử . Nhiều bạn ngồi hàng giờ , hàng ngày trước màn hình vi tính, mê mẩn với những trò chơi trên máy ,quên thời gian thậm chí bỏ học để chơi ,trong đầu lúc nào cũng chỉ nghĩ đến các trò chơi và ham muốn chinh phục khám phá nó khiến gương mặt ngơ ngẩn như mất hồn...

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó: Do bố mẹ không quan tâm , do buồn , do bạn bè rủ rê , do không tự chủ được bản thân ...Song dù lý do nào đi nữa , ham mê trò chơi điện tử cũng là một điều tai hại. Trước hết ngồi quá gần màn hình vi tính trong một thời gian dài có thể làm cho mắt bị cận thị , người mệt mỏi, sức khỏe bị tổn hại . Không chỉ có thế , ham mê trò chơi điện tử còn dẫn đến sao nhãng nhiệm vụ chính của người học sinh là học tập . Mải chơi , bỏ tiết, trốn học, không hiểu bài , không làm bài tập , học tập sút kém dẫn đến chán học . Như vậy vô tình sự ham chơi nhất thời có thể tự huỷ hoại tương lai của chính bản thân mình .Trò chơi điện tử còn khiến tâm hồn bị đầu độc bởi bạo lực , chém giết , bắn phá , cuốn con người vào một thế giới ảo đầy những mưu mô , thủ đoạn . Hơn nữa ham chơi điện tử còn tiêu tốn tiền bạc một cách vô ích , có khi còn làm thay đổi nhân cách con người . Để có tiền chơi điện tử nhiều thói hư tật xấu bắt đầu nảy sinh như dối trá , thủ đoạn , trộm cắp tiền bạc, tài sản của gia đình , bạn bè ...Và không ai có thể lường trước được những hậu quả tai hại khác nếu niềm đam mê kia vẫn còn tiếp diễn .

Trò chơi điện tử tai hại như vậy , làm thế nào để ngăn chặn nó ?Đây thực sự là một việc khó song không phải là không làm được.Quan trọng nhất là bản thân mỗi HS phải xác định nhiệm vụ chính của mình là học tập không lãng phí thời gian,sức lực, tiền bạc vào những việc vô bổ ,thậm chí là có hại .Chỉ coi trò chơi điện tử như một trò giải trí ,tiếp xúc với nó có chừng mực , biết chế ngự và làm chủ bản thân, không để bản thân bị tác động bởi những trò chơi và sự rủ rê của những người bạn xấu. Bên cạnh đó cũng cần có sự quan tâm thường xuyên và sự quản lý chặt chẽ của gia đình nhằm giúp con em mình tránh xa những đam mê tai hại .Nhà trường và xã hội cũng cần có sự phối hợp giáo dục thế hệ trẻ, tạo ra những hoạt động bổ ích ,những sân chơi vui tươi lành mạnh để mọi học sinh đều được tham gia .Có như vậy vấn nạn học sinh say mê trò chơi điện tử mới được giải quyết triệt để.

Ham chơi điện tử - Ham muốn nhất thời mà tác hại không lường hết được.Bởi vậy vì tương lai của chính mình,chúng ta đừng để bản thân vướng vào đam mê chết người đó.

Đề 2: Trong học tập, tự học là cách học hiệu quả nhất giúp ta tiến bộ hơn.

ĐÁP ÁN :

Cuộc sống luôn vận động và phát triển không ngừng . Nó đòi hỏi mọi người phải vận động để theo kịp sự phát triển của xã hội . Chính vì vậy mà tinh thần tự học có vai trò vô cùng quan trọng .

Trước hết ta phải hiểu “tự học” là như thế nào?Nếu học là quá trình tìm hiểu , thu nhận kiến thức và hình thành kỹ năng của bản thân thì tự học là sự chủ động , tích cực , độc lập tìm hiểu , lĩnh hội tri thức và hình thành kỹ năng cho mình .Quá trình tự học cũng có phạm vi khá rộng :khi nghe giảng ,đọc sách hay làm bài tập , cần tích cực suy nghĩ , ghi chép , sáng tạo nhằm rút ra những điều cần thiết, hữu ích cho bản thân . Tự học cũng có nhiều hình thức: có khi là tự mày mò tìm hiểu hoặc có sự chỉ bảo , hướng dẫn của thầy cô giáo ...Dù ở hình thức nào thì sự chủ động tiếp nhận tri thức của người học vẫn là quan trọng nhất

Phải tự học mới thấy hết những ý nghĩa lớn lao của công việc này .Tự học giúp ta nhớ lâu và vận dụng những kiến thức đã học một cách hữu ích hơn trong cuộc sống . Không những thế tự học còn giúp con người trở nên năng động , sáng tạo , không ỷ lại, không phụ thuộc vào người khác . Từ đó biết tự bổ sung những khiếm khuyết của mình để tự hoàn thiện bản thân .

Tự học là một công việc gian khổ , đòi hỏi lòng quyết tâm và sự kiên trì .Chính vì vậy tự học là một việc làm độc lập gian khổ mà không ai có thể học hộ , học giúp . Bù lại , phần thưởng của tự học thật xứng đáng : đó là niềm vui , niềm hạnh phúc khi ta chiếm lĩnh được tri thức .Biết bao những con người nhờ tự học mà tên tuổi của

họ được tạc vào lịch sử .Hồ Chí Minh với đôi bàn tay trắng ra đi từ bến cảng nhà Rồng , nhờ tự học Người biết nhiều ngoại ngữ và đã tìm được đường đi cho cả dân tộc Việt Nam đến bến bờ hạnh phúc . Macxim Gorki với cả một thời thơ ấu gian khổ ,không được đi học , bằng tinh thần tự học ông đã trở thành đại văn hào Nga .Và còn rất nhiều những tấm gương khác nữa : Lê Quí Đôn ,Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Hiền ...Nhờ tự học đã trở thành bậc hiền tài , làm rạng danh cho gia đình quê hương xứ sở .

Việc tự học có ý nghĩa to lớn như vậy nên bản thân mỗi chúng ta phải xây dựng cho mình tinh thần tự học trên nền tảng của sự say mê , ham học, ham hiểu biết , giàu khát vọng và kiên trì trên con đường chinh phục tri thức .Từ đó bản thân mỗi con người cần chủ động , tích cực, sáng tạo tìm ra phương pháp học tập hiệu quả nhất .Càng hiểu vai trò và ý nghĩa của việc tự học,em càng cố gắng và quyết tâm học tập hơn .Bởi **trong học tập, tự học là cách học hiệu quả nhất giúp ta tiến bộ** . Có lẽ chính vì vậy mà Lê-nin đã từng đặt ra một phương châm : “Học , học nữa , học mãi” .

Đề 3: Bảo vệ môi trường thiên nhiên là bảo vệ chính cuộc sống của chúng ta.

tiếng kêu cứu của môi trường .

Thành ngữ Việt Nam có câu :“Nhà sạch thì mát , bát sạch ngon cơm”.Vậy mà“ ngôi nhà chung” của chúng ta đang tràn ngập rác.Việc vứt rác bừa bãi đã trở thành mối quan tâm lo lắng cho những người biết trân trọng và yêu quý môi trường .

ở một số nước tiên tiến trên thế giới ,vệ sinh công cộng rất được quan tâm .Tuy nhiên ở nước ta đây dường như mới là vấn đề của các ngành chức năng.Bởi vậy rác có mặt ở khắp nơi:trên đường phố,trong nhà xe,bệnh viện,trường học,di tích thắng cảnh...Đến đâu cũng thấy rác,thậm chí ngòi bên hồ,dù là hồ đẹp nổi tiếng người ta cũng tiện tay vứt rác xuống...Rác gồm đủ loại với đủ các chất liệu khác nhau:từ vỏ hoa quả đến vỏ đồ hộp,bao bì ni lông,vỏ chai thủy tinh,sỉ than,gỗ,g giấy...

Rác thải phong phú bao nhiêu thì tác hại mà nó gây ra lớn theo nhường ấy.Rác thải làm mất mỹ quan nơi công cộng ,biến những thắng cảnh thành bãi rác. Ai đã từng du ngoạn Hương Sơn chắc không thể quên hình ảnh khắp các lối đi,các sườn núi rác tràn ngập và dày đặc .Chôn “Thiên Nam đệ nhất động”bớt hấp dẫn du khách hơn có lẽ cũng vì như vậy.Không chỉ có thế, rác thải bừa bãi còn gây ô nhiễm môi trường ,không khí không trong lành ,sông hồ ô nhiễm ,sinh vật ở sông hồ bị chết ...Tất cả những điều đó đều có thể làm nguy hại đến sức khỏe của con người.Đôi khi ,rác thải bừa bãi còn gây nguy hiểm trực tiếp cho con người như trượt ngã vì dẫm phải vỏ hoa quả ,đồ hộp , trẻ nhỏ bị chảy máu,nhiễm trùng vì dẫm phải mảnh chai...

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hiện tượng trên . Song về cơ bản có thể nhận thấy nạn vứt rác bừa bãi là do sự thiếu ý thức của một số người ,do chưa có nhiều thùng rác ở những nơi công cộng và chưa thực sự có những biện pháp xử lý nghiêm khắc đối với những người vi phạm .

Trong khi chúng ta còn đang lúng túng tìm giải pháp khắc phục thì hàng ngày , hàng giờ hành tinh xanh của chúng ta đang oằn mình vì rác . Bởi vậy ngoài việc đặt thùng rác ở những nơi công cộng , treo biển cấm đổ rác ở một số nơi và xử phạt nghiêm khắc với người vi phạm , chúng ta cần phải giáo dục ý thức về vấn đề này ,và phải nhanh chóng khắc phục hậu quả ở những nơi đã bị vứt rác bừa bãi , nhằm ngăn chặn hành vi tiếp tục xả rác của những người vô ý thức .Bên cạnh đó cần nhân rộng những phong trào giàu ý nghĩa như “chủ nhật xanh” ,“xanh sạch đẹp thành phố”...Để ngôi nhà chung của chúng ta luôn sạch sẽ , an lành.

Thành ngữ Việt Nam từng nói: “góp gió thành bão” . Mỗi học sinh chúng ta cần ý thức giữ gìn vệ sinh nơi công cộng để trái đất này mãi mãi là hành tinh xanh đáng yêu

Bài tham khảo : Hút thuốc lá có hại .

Đáp án

Xã hội ngày càng phát triển , con người ngày càng được quan tâm song vẫn có không ít những tác nhân làm nguy hại đến sức khỏe của con người .Một trong số đó là thuốc lá !

Trên mỗi vỏ bao thuốc lá đều có dòng chữ “Thuốc lá có hại cho sức khỏe”. Hầu hết những người hút thuốc lá đều biết tác hại của nó vậy mà bất chấp điều cảnh báo ấy, người ta vẫn hút thuốc.Hút đến vàng răng,vàng cả ngón tay cầm thuốc, hơi thở hôi đến khó chịu với những người xung quanh...Có một thời, thuốc lá trở thành vật không thể thiếu trên bàn tiếp khách. Người lớn hút , trẻ nhỏ cũng hút.Nguyên nhân nào dẫn đến thói quen tai hại ấy? Do thói quen giao tiếp cũng có,do sự học đòi bắt chước thích tỏ ra mình là người “sành điệu” cũng có. Nhưng trong đó có một nguyên nhân cơ bản đó là những tác hại do thuốc lá không phải ngay lập tức xảy ra mà nó ngấm ngấm ăn mòn cuộc sống từng phút, từng giờ với cả người hút chính thức và người hút thụ động. Vì trong

thuốc lá có chứa đến 4000 chất độc hại. Đặc biệt chất Nicôtin là một chất gây nghiện. Khói thuốc lá có thể bị hồng hệ hô hấp, dẫn đến ho, khó thở, tức ngực, thậm chí có thể gây rối phổi hoặc ung thư phổi.... Như vậy, thuốc lá làm cho sức khỏe và tuổi thọ bị suy giảm nghiêm trọng. Không những thế thuốc lá còn làm tiêu hao tài tiền của người sử dụng. Có thể số tiền dành cho thuốc lá không nhiều, nhưng nếu không hút thuốc lá, ta có thể dùng số tiền đó vào những việc khác hữu ích hơn.

Hiện nay, khi đến các nơi công cộng như bến xe, thậm chí cả trường học, trụ sở nhà nước, chúng ta vẫn bắt gặp nhiều người hút thuốc lá mà không hề quan tâm đến sức khỏe của mình và cảm giác của những người xung quanh. Như vậy họ đã gián tiếp làm nguy hại đến sức khỏe cộng đồng và vô tình làm cho môi trường bị suy thoái. Theo điều tra mới nhất của tổ chức y tế thế giới WHO, cứ theo đà hút thuốc hiện nay thì đến năm 2020 số người chết vì thuốc lá sẽ là 8 triệu người một năm. Tức là cao hơn số người chết vì HIV/AIDS, bệnh lao và tai nạn giao thông cộng lại. Dự báo ấy liệu có làm cho những con nghiện thuốc lá lưu tâm?

Thuốc lá có hại như vậy. Làm thế nào để ngăn chặn việc hút thuốc lá? Ngoài việc tuyên truyền nhiều hơn về tác hại của thuốc lá trên các phương tiện thông tin đại chúng. Mỗi người hãy xem việc hút thuốc lá là hành vi không đẹp bởi nó là biểu hiện của nghiện ngập và của những con người dễ bị chi phối. Và yếu tố quan trọng nhất là tự bản thân phải ý thức cao, chủ động không tiếp cận với thuốc lá để giữ gìn, bảo vệ sức khỏe của chính mình và những người thân trong gia đình mình.

Thuốc lá có hại. Thuốc lá nguy hiểm cho sức khỏe. Bởi vậy thế hệ trẻ chúng ta hãy cùng nhau nói không với thuốc lá!

Bài tham khảo: Suy nghĩ về hành động ủng hộ quỹ vì nạn nhân da cam.

Đáp án

Chiến tranh đã lùi xa nhưng di họa mà nó để lại vẫn hàng ngày hàng giờ làm bao người Việt Nam đau đớn. Trước tình hình ấy, cả nước đã lập quỹ giúp đỡ các nạn nhân chất độc màu da cam nhằm phần nào cải thiện cuộc sống và xoa dịu nỗi đau của họ.

Chất độc màu da cam mà Đế quốc Mỹ đã rải xuống các cánh rừng Miền Nam thời chiến tranh đã tạo nên nỗi kinh hoàng cho thế hệ sau của những người đã từng sống ở những khu vực đó. Những đứa trẻ vô tội, tật nguyền, dị dạng, vừa chào đời đã phải lìa đời hoặc nếu sống được thì sức khỏe, trí tuệ thậm chí cả hình hài đều không bình thường... Những sinh linh quái dị và vô tội ấy trở thành nỗi ám ảnh, đau đớn đến tột cùng của người thân, gia đình và của toàn xã hội.

Nguyên nhân nào dẫn đến thảm họa ấy? Chính là do sự vô nhân đạo của giới cầm quyền ở một đất nước đã từng tuyên bố về quyền con người trước toàn thế giới. Để thực hiện âm mưu xâm lược của mình, đế quốc Mỹ đã rải xuống VN hàng ngàn lít hoá chất dioxin (Chất da cam). Để hôm nay, sau ba bốn chục năm những sinh thể dị dạng, vô tri vô giác do chất độc màu da cam không chỉ khiến cho gia đình các nạn nhân đau đớn về tinh thần, khổ khổ về vật chất mà còn là gánh nặng cho toàn xã hội... Những vết thương không mảnh đạn mà đeo bám dai dẳng mãi mãi không lành. Đó chính là tội ác tày trời mà chiến tranh đã gây ra.

Trước tình hình đó nhiều chương trình ủng hộ những nạn nhân chất độc màu da cam đã được tổ chức. Biết bao người đã khóc thương cho những số phận bất hạnh, biết bao chữ ký đã được thu thập để ủng hộ cuộc đấu tranh đòi bồi thường cho các nạn nhân chiến tranh. Ngày đầu tiên Mỹ rải chất độc chết người này xuống Việt Nam: 10-8-1961 đã trở thành ngày “Vì nạn nhân chất độc màu da cam”. Cả nước Việt Nam đã lập quỹ giúp đỡ các nạn nhân khôn khổ. Đó là việc làm cần thiết để giúp đỡ họ phần nào cải thiện cuộc sống và xoa dịu nỗi đau. Dẫu biết rằng tất cả những giúp đỡ đó không thể bù đắp được những mất mát đau đớn của họ song đó thực sự là hành động đền ơn đáp nghĩa, phù hợp với truyền thống “tương thân tương ái”, “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc ta.

Nỗi đau của những nạn nhân da cam là một nỗi ám ảnh dai dẳng, việc giúp đỡ họ cần phải làm thường xuyên và liên tục. Bởi vậy mỗi chúng ta cần nhận thức sâu sắc về vấn đề này, tích cực học tập, phấn đấu xây dựng xã hội tốt đẹp và tiếp tục đấu tranh để mỗi con người thực sự “có quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc” như bác Hồ kính yêu đã từng nói.

Bài tham khảo: NHIỀU HỌC SINH VIỆT NAM ĐOẠT HUY CHƯƠNG VÀNG TẠI CÁC KỲ THI QUỐC TẾ. Em có suy nghĩ gì về những kết quả đó.

Đáp án

Trên bản đồ thế giới Việt Nam chỉ có một vị trí rất khiêm tốn, nhưng trong các kỳ thi quốc tế, Việt Nam được biết đến như là quê hương của những người con ưu tú, biết vượt qua khó khăn để làm nên những điều kỳ diệu.

Trải qua hàng nghìn năm phong kiến và hàng trăm năm bắc thuộc ,điều kiện kinh tế của Việt Nam yếu kém , cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, lạc hậu vậy mà đã có nhiều học sinh đoạt huy chương vàng tại các cuộc thi quốc tế . Không mấy ai không nhớ lần đầu tiên tham dự thi toán quốc tế năm 1974 ,Việt Nam đã đoạt liền 4 huy chương vàng . Lần thi Olympic Toán quốc tế tại Anh , Lê Bá Khánh Trình với số điểm tuyệt đối 40/40 đã được nữ hoàng Anh trao giải đặc biệt. Ngay cả trong lĩnh vực mới mẻ là chế tạo Rôbôcon, những chú rôbôt của nhóm FXR-sinh viên Đại học Bách Khoa thành phố Hồ Chí Minh đã xuất sắc vượt trên cả những đất nước tên tuổi như Nhật Bản , Hàn Quốc ,Trung Quốc để mang về chiếc cúp vàng cho quê hương Việt Nam ...Những thành tích ấy không chỉ làm rạng danh đất Việt mà còn là sự khẳng định cho sức mạnh của trí tuệ Việt Nam .

Tại sao một đất nước nhỏ bé nghèo nàn , lạc hậu như Việt Nam lại có thể sản sinh ra những con người ưu tú đến thế ?Câu hỏi ấy không chỉ người Việt Nam mới biết rõ câu trả lời . Suốt chiều dài thăng trầm của lịch sử , lòng ham hiểu biết ,ý chí học tập, tìm tòi, chiếm lĩnh đỉnh cao tri thức luôn được nung nấu trong trái tim mỗi người Việt Nam .Tự thủa xưa ,bằng ánh sáng của những con đom đóm, Mạc Đĩnh Chi đã miệt mài học tập để trở thành lưỡng quốc trạng nguyên, Nguyễn Hiền nhờ tự học mà đoạt giải khôi nguyên khi mới 12 tuổi , Lê Quý Đôn , Lương Thế Vinh và biết bao người nữa đã làm nên truyền thống hiếu học của nước nhà ...Họ đã trở thành tấm gương , thành nội lực tinh thần để học sinh- sinh viên Việt Nam cố gắng hết mình , cần cù say mê học tập. Đất nước nghèo nàn,lạc hậu nên nếu các bạn nước khác cố gắng một thì học sinh- sinh viên Việt Nam phải cố gấp hai ba lần để bù đắp những thiếu hụt ,thiệt thòi về điều kiện học tập. Dường như chính sự nghèo nàn lạc hậu của đất nước đã hun đúc ý chí tìm tòi, sáng tạo của học sinh Việt Nam.Lòng yêu nước,nỗi khát khao quê hương xứ sở đẹp giàu, là sức mạnh to lớn giúp học sinh -sinh viên Việt Nam đạt tới những chân trời khoa học.

Những tấm huy chương vàng tại các cuộc thi quốc tế mà chúng ta có được không chỉ bởi sự nỗ lực của cá nhân mà còn nhờ sự quan tâm chăm sóc của gia đình , của thầy cô và nhất là sự chăm lo của Đảng ,nhà nước đối với tài năng trẻ . Bởi lẽ tự ngàn xưa, người Việt Nam ta đã quan niệm “hiền tài là nguyên khí của quốc gia ”.

Sự thành công của học sinh -sinh viên Việt Nam đã đem đến cho người Việt Nam và bản thân em lòng tin và niềm tự hào sâu sắc về trí tuệ Việt Nam ,thôi thúc trong em khát vọng được chinh phục những chân trời tri thức

Đề bài : Suy nghĩ về đạo lí " Uống nước nhớ nguồn"

Đáp án :

Trong kho tàng ca dao tục ngữ của người Việt Nam ta có rất nhiều những câu nói về truyền thống đạo lý ân nghĩa thủy chung.Một trong số đó là câu:“Uống nước nhớ nguồn ”.

Trước hết ta phải hiểu nội dung câu tục ngữ là như thế nào .“Uống nước ”chính là sự hưởng thụ những thành quả vật chất và tinh thần ;“Nhớ nguồn ”là sự tri ân ,giữ gìn phát huy những thành quả của người làm ra chúng .Như vậy cả câu tục ngữ là lời khuyên,lời dạy bảo chúng ta phải biết ơn thế hệ cha anh và phát huy những thành quả của họ .

Thật vậy ,thành quả không tự nhiên mà có .Đất nước hoà bình mà chúng ta sống hôm nay được đổi bằng sinh mạng của biết bao người ngã xuống .Bởi vậy ta không được phép quên tổ tiên ,nòi giống và những người đã chiến đấu, hy sinh bảo vệ quê hương. Cha mẹ ,ông bà người thân đã sinh ra ta ,nuôi dưỡng ta khôn lớn, thầy cô dạy dỗ ta học hành trở nên người có ích cho xã hội... Tất cả đều là “nguồn”để ta phải nhớ,phải tri ân.

Lòng biết ơn là cơ sở của đạo làm người. Một xã hội chỉ thực sự tốt đẹp khi được xây dựng vững vàng trên nền tảng đạo lý .Trên khắp đất nước Việt Nam lòng biết ơn thể hiện ở việc xây dựng các đền,miếu,chùa chiền phụng thờ, tôn vinh các bậc anh hùng có công với nước.Trong mỗi gia đình,bàn thờ tổ tiên được đặt ở nơi trang trọng.Nhiều năm nay, cả nước đẩy lên phong trào đền ơn đáp nghĩa đối với những thương binh,liệt sĩ,bà mẹ Việt Nam anh hùng và những gia đình có công với cách mạng...Đền bất kỳ nơi nào cũng có thể tìm thấy những biểu hiện sinh động phong phú của đạo lý “uống nước nhớ nguồn ”trên đất nước ta .

Nhớ nguồn không chỉ là biết ơn, giữ gìn ,bảo vệ thành quả đã có mà bản thân mỗi người cần cố gắng cống hiến, bổ sung thêm những thành quả mới cho “nguồn nước” dân tộc luôn tràn đầy và bất diệt.Có như vậy mới phát huy được tinh hoa truyền thống tốt đẹp của tổ tiên , làm cho xã hội ngày một phát triển .Đó mới là nhớ nguồn một cách thiết thực.ở lứa tuổi học sinh, chúng ta chưa làm ra của cải vật chất, tinh thần cho xã hội , do đó hãy bày tỏ lòng biết ơn chân thành với cha mẹ, thầy cô bằng lời nói, việc làm cụ thể của mình:phần đầu học tập,rèn luyện và tu dưỡng thành con ngoan,trò giỏi để trở thành những công dân có ích cho xã hội sau này .

Câu tục ngữ không chỉ là lời khuyên dạy ,nó còn là lời nhắc nhở sâu sắc, thấm thía đối với những kẻ vô ơn,“khỏi vòng cong đuôi”,“qua cầu rút ván”,“khỏi rên quên thầy”...Mạch nguồn trong trẻo của truyền thống ân nghĩa thủy chung sẽ có một ngày làm cho những trái tim lầm đường thức tỉnh !

Lòng biết ơn thực sự là một nét truyền thống đạo lý tốt đẹp của dân tộc song nó không tự nhiên mà có .Nó là kết quả của quá trình rèn luyện , tu dưỡng lâu dài của con người.Có lẽ bởi vậy mà tự thờ ầu thơ, lời ru thấm đượm ân tình của bà của mẹ đã gieo mầm ân nghĩa :

“Công cha nghĩa mẹ ơn thầy
Nghĩ sao cho bỏ những ngày ước ao...”

Suy nghĩ về Những con người nghị lực không chịu thua số phận .

Đáp án.

“Mỗi trang đời đều là một điều kỳ diệu” M.Gorki đã từng nói như thế và điều đó thật sự khiến chúng ta cảm động khi lật giở những trang đời của những con người không chịu thua số phận như anh Nguyễn Ngọc Ký ,Trần Văn Thước, Nguyễn Công Hùng ...

Trước hết ta phải hiểu thế nào là “không chịu thua số phận” ?Đó là những con người không chấp nhận mình mãi là người tàn phế ,vô dụng ,không học tập, không đóng góp gì cho xã hội .

Không mấy người Việt Nam không biết đến anh Nguyễn Ngọc Ký bị liệt cả hai tay đã kiên trì luyện tập biến đôi chân thành đôi bàn tay kỳ diệu viết những dòng chữ đẹp để trở thành nhà giáo, nhà thơ . Anh Trần Văn Thước bị tai nạn lao động liệt toàn thân.Không gục ngã trước số phận anh can đảm tự học và đã trở thành nhà văn. Không thể nói hết những gian nan ,những giọt nước mắt đau khổ của họ trong những ngày tự mình vượt qua bệnh tật để khẳng định giá trị của mình, để chứng tỏ bản thân tàn nhưng không phế .Vào năm 2005 cả nước biết đến một Nguyễn Công Hùng (xã Nghi Diên ,huyện Nghi Lộc,Nghệ An).Từ khi sinh ra đã mắc chứng bại liệt . Anh còn bị căn bệnh viêm phổi hành hạ làm cho sức khỏe suy kiệt .Vây mà anh đã không gục ngã .Chàng trai 23 tuổi bại liệt,chân tay teo tóp, trọng lượng chỉ 12kg và gần như mất hoàn toàn khả năng vận động đã trở thành một chuyên gia tin học và được tôn vinh là Hiệp sỹ công nghệ thông tin năm 2005 vì những đóng góp không vụ lợi của mình cho cộng đồng.Tháng 5 -2005 anh được trung tâm sách kỷ lục Việt Nam đưa vào “Danh mục kỷ lục Việt Nam ”về người khuyết tật bị bại liệt toàn thân đầu tiên làm giám đốc cơ sở đào tạo tin học và ngoại ngữ nhân đạo...

Điều gì khiến những con người tật nguyền ấy có thể vượt qua bệnh tật và khẳng định được bản thân mình?Họ đã tạo dựng cuộc sống từ muôn vàn khó khăn,gian khổ, thử thách bằng sự kiên trì,nhẫn nại và quyết tâm chiến thắng số phận của mình.Họ đã không mất đi niềm tin yêu vào cuộc sống,không gục ngã trước những đau đớn,họ dũng cảm,tự tin đứng lên để sống bằng nghị lực,ý chí ,khát vọng và sức sống tinh thần mạnh mẽ của họ.Song bên cạnh đó còn có những nguyên nhân khác.Đó chính là sự động viên, khích lệ ,giúp đỡ của bạn bè,của người thân, là khát khao không muốn người thân của mình đau khổ,thất vọng và còn nhờ dòng máu kiên cường và truyền thống anh hùng của dân tộc Việt Nam .

Những con người vượt lên số phận đứng lên bằng nghị lực, khát vọng và ý chí của mình khiến ta vô cùng khâm phục.Chính những tấm gương về họ đã xây đắp những ước mơ ,hoài bão trong ta, dạy ta phải biết vượt qua những khó khăn trong cuộc sống để thực hiện những khát khao của mình .

Những người không chịu thua số phận, những con người tàn mà không phế thực sự là những tấm gương cho lứa tuổi học sinh chúng em, khích lệ bản thân mỗi người cố gắng phấn đấu học tập ,rèn luyện để trở thành những con người có ích cho xã hội .

Đề bài: Trong bài thơ “Con cò” Chế Lan Viên có viết :

**“Ta đi trọn kiếp con người
Cũng khụng đi hết mấy lời mẹ ru”**

Từ hai câu thơ trên, em hãy viết một bài văn nghị luận ngắn nói về tình mẫu tử.

Đáp án.

Trong cuộc đời mỗi con người có lẽ tình cảm đối với mẹ là tình cảm thiêng liêng gần gũi nhất. Vỡ vậy khi viết về mẹ Nguyễn Dục đó có câu : “Ta đi trọn kiếp con người // Cũng khụng đi hết mấy lời mẹ ru” Hai câu thơ có tính hàm súc vừa lắng đọng, vừa thiêng liêng, mang nặng triết lý: mấy lời mẹ ru biểu tượng cho tình cảm yêu thương vô bờ mà mẹ dành cho con. Cách nói đi trọn kiếp cũng không đi hết khẳng định tình mẹ là vô cùng thiêng liêng cao cả và bất tử; là bao la vô tận, không sao có thể đền đáp hết được - ý thơ cũng thể hiện lòng biết ơn sâu sắc. Khi con còn bé thơ, bàn tay của mẹ đỡ dành, nâng niu. Một chút lớn nữa, mẹ cũng là người đỡ từng bước đi đầu tiên. Mẹ hi sinh tất cả để giành cho con những gì tốt đẹp nhất. mẹ lận đận sớm hôm để lo cho con tở miếng cơm, manh áo... sự vất vả, tận tụy ấy ko thể kể hết bằng lời. Mẹ cón là nơi nương tựa vô cùng vững chãi cho mỗi đứa con sau mỗi lần vấp ngã; là nơi mỗi người con như chúng ta có thể thổ lộ mọi điều thâm kín; là hình ảnh thu nhỏ của những ước mong, những khát khao thanh bình và hạnh phúc; là nguồn động viên; là tình yêu; là cả những day dứt, dằn vặt, trăn trở; là niềm tự hào của con . Từ khi sinh ra đến khi khôn lớn, trưởng thành, mẹ luôn dõi theo từng bước chân của con. Khi con vấp ngã, mẹ nâng con dậy. Khi con vui hay buồn, mẹ luôn là người ở bên con, chia sẻ và động viên . Tình yêu thương của mẹ giành cho con là vô cùng thiêng liêng, cao cả là bất tử, là bao la vô tận, không sao có thể đền đáp hết được.

Đại văn hào Nga Macxim Gorki đã viết: "Đời thiếu mẹ hiền, không phụ nữ/ Anh hùng, thi sĩ, hời còn đâu?". Hãy trân trọng từng giây phút, dẫu rằng đôi khi mẹ không phải là người hiểu ta nhất trong những người bạn của ta, có thể không đồng ý với những suy nghĩ của chúng ta, nhưng người ấy vẫn là mẹ!!! MẶc dĩ hiện nay, trong xã hội không hiếm những kẻ bất hiếu, làm cho mẹ phải khóc không thiếu những kẻ sống lạnh nhạt thê – vớ mÑ. Đó là những hành vi mà chúng ta phải lên án.

Tình mẫu tử là thứ tình cảm đáng quý nhất mà suốt cuộc đời này những đứa con sẽ mãi trân trọng. Hai câu hai thơ tuy giản dị nhưng thật thâm thía đủ để mỗi con người khi nhắc đến người mẹ, họ luôn nghĩ đến một tình cảm thật bao la, chân thành và ấm áp chứa chan bao tình yêu thương.

Mẹ như vạt nắng bình minh

Đem nguồn nhựa sống để dành cho con.

Sáng soi như mảnh trăng tròn

Hành trình mẹ vẫn đầu non cuối ghềnh.